

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH**

Lê Thị Hà Uyên

**ẢNH HƯỞNG CỦA PHONG CÁCH GIÁO DỤC CỦA
CHA MẸ ĐẾN NHẬN THỨC VỀ GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC
CỦA HỌC SINH TẠI MỘT SỐ TRƯỜNG THCS
HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ**

LUẬN VĂN THẠC SĨ TÂM LÝ HỌC

Thành phố Hồ Chí Minh – 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH**

Lê Thị Hà Uyên

**ẢNH HƯỞNG CỦA PHONG CÁCH GIÁO DỤC CỦA
CHA MẸ ĐẾN NHẬN THỨC VỀ GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC
CỦA HỌC SINH TẠI MỘT SỐ TRƯỜNG THCS
HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ**

Chuyên ngành : Tâm lí học

Mã số : 60 31 04 01

LUẬN VĂN THẠC SĨ TÂM LÍ HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

TS. HUỖNH MAI TRANG

Thành phố Hồ Chí Minh – 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả trong luận văn là trung thực và chưa từng ai công bố trong bất kì công trình nào khác.

Tác giả luận văn

Lê Thị Hà Uyên

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành chương trình cao học và viết luận văn này tôi đã nhận được sự hướng dẫn, giúp đỡ và góp ý nhiệt tình của quý thầy cô trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.

Trước hết, tôi xin chân thành cảm ơn Ban giám hiệu cùng quý thầy cô trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh đặc biệt là những thầy cô khoa Tâm lý giáo dục và những thầy cô đã tận tình giảng dạy tôi trong thời gian học tập tại trường.

Tôi xin gửi lời biết ơn sâu sắc đến TS. Huỳnh Mai Trang, người thầy kính mến đã hết lòng quan tâm, giúp đỡ tận tình, hướng dẫn nghiên cứu tạo điều kiện cho tôi hoàn thành luận văn.

Tôi xin cảm ơn quý thầy cô Phòng Khoa học công nghệ - Sau đại học đã tạo điều kiện, giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và hoàn thành luận văn.

Tôi xin gửi lời cảm ơn đến Ban giám hiệu, quý thầy cô giáo cùng các em học sinh trường Trung học cơ sở Chu Văn An, Lê Quý Đôn, Lý Thường Kiệt, Nguyễn Trãi huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị đã tạo điều kiện cho tôi khảo sát để hoàn thành luận văn này.

Xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến gia đình, các anh chị và các bạn đặc biệt là các bạn học viên lớp cao học chuyên ngành Tâm lý học K23 đã động viên, giúp đỡ, chia sẻ trong quá trình tôi thực hiện luận văn này.

Tác giả luận văn

Lê Thị Hà Uyên



MỤC LỤC

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Lời cảm ơn	
Mục lục	
Danh mục các chữ viết tắt	
Danh mục các bảng	
Danh mục các biểu đồ	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1. LÝ LUẬN VỀ PHONG CÁCH GIÁO DỤC CỦA CHA MẸ VÀ NHẬN THỨC VỀ GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC	5
1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề	5
1.1.1. Những công trình nghiên cứu ở nước ngoài về ảnh hưởng của phong cách giáo dục của cha mẹ đến sự phát triển của trẻ em	5
1.1.2. Những công trình nghiên cứu ở trong nước về ảnh hưởng của phong cách giáo dục của cha mẹ đến sự phát triển của trẻ em.....	7
1.2. Lý luận về phong cách giáo dục của cha mẹ và nhận thức giá trị đạo đức của học sinh THCS.....	9
1.2.1. Phong cách giáo dục của cha mẹ	9
1.2.2. Lý luận nhận thức về giá trị đạo đức.....	19
1.2.3. Đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh THCS	32
1.2.4. Ảnh hưởng của phong cách làm cha mẹ đến nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS	39
Tiểu kết chương 1	44
Chương 2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	45
2.1. Tổ chức nghiên cứu.....	45
2.1.1. Khách thể nghiên cứu	45
2.1.2. Phương pháp nghiên cứu	46
2.1.3. Tiến trình nghiên cứu.....	50
2.2. Kết quả nghiên cứu	51

2.2.1. Thực trạng phong cách giáo dục của cha.....	51
2.2.2. Thực trạng phong cách giáo dục của mẹ	52
2.2.3. Phong cách giáo dục của cha mẹ trong một số nội dung giáo dục gia đình.....	53
2.3. Nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh tại một số trường THCS tại huyện Vĩnh Linh- Quảng Trị.....	62
2.3.1. Nhận thức chung ở 3 mức biết, hiểu và vận dụng	62
2.3.2. Kết quả nhận thức của học sinh về các giá trị đạo đức ở từng mức độ	63
2.3.3. So sánh mức độ nhận thức của học sinh ở một số tiêu chí	67
2.4. Mức độ ảnh hưởng của phong cách giáo dục của cha mẹ đến nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh tại một số trường THCS tại huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	69
2.4.1. Ảnh hưởng phong cách giáo dục của cha đến nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS.....	69
2.4.2. Ảnh hưởng phong cách giáo dục của mẹ đến nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS	73
2.4.3. Các biện pháp giáo dục nhận thức giá trị đạo đức cho học sinh THCS	77
Tiểu kết chương 2	84
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	85
TÀI LIỆU THAM KHẢO	88
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Viết đầy đủ
ĐLC	Độ lệch chuẩn
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
Nxb	Nhà xuất bản
PCGD	Phong cách giáo dục
GT	Giá trị
TB	Trung bình
THCS	Trung học cơ sở

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1.	Mẫu khách thể nghiên cứu là học sinh THCS	45
Bảng 2.2.	Mẫu khách thể nghiên cứu là cha mẹ	46
Bảng 2.3.	Phân chia mức độ nhận thức về giá trị đạo đức	48
Bảng 2.4.	Tỉ lệ phân bố các kiểu phong cách giáo dục của cha.....	51
Bảng 2.5.	Tỉ lệ phân bố các kiểu phong cách giáo dục của mẹ	52
Bảng 2.6.	Tỉ lệ phân bố phong cách giáo dục của cha trong từng nội dung giáo dục	54
Bảng 2.7.	Tỉ lệ phân bố phong cách giáo dục của mẹ trong từng nội dung giáo dục	57
Bảng 2.8.	Phân bố phong cách giáo dục của cha mẹ theo nhóm tuổi	61
Bảng 2.9.	Phân bố phong cách giáo dục của cha mẹ theo khối lớp của con.....	61
Bảng 2.10.	Điểm trung bình chung ở ba mức độ: biết, hiểu, vận dụng	62
Bảng 2.11.	Điểm trung bình chung ở mức độ biết về các giá trị đạo đức.....	63
Bảng 2.12.	Điểm trung bình chung ở mức độ hiểu về các giá trị đạo đức	65
Bảng 2.13.	Điểm trung bình chung ở mức độ vận dụng về các giá trị đạo đức.....	66
Bảng 2.14.	So sánh điểm trung bình nhận thức về giá trị đạo đức theo giới tính, trường, khối lớp và học lực.....	67
Bảng 2.15.	Hệ số tương quan giữa PCGD của cha nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS	69
Bảng 2.16.	Hệ số tương quan giữa PCGD của mẹ nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS	73
Bảng 2.17.	Mức độ ảnh hưởng của các kiểu PCGD của cha mẹ đến nhận thức mức độ biết về giá trị đạo đức của học sinh THCS	75
Bảng 2.18.	Mức độ ảnh hưởng của các kiểu PCGD của cha mẹ đến nhận thức ở mức độ hiểu về giá trị đạo đức của học sinh THCS	75
Bảng 2.19.	Mức độ ảnh hưởng của các kiểu PCGD của cha mẹ đến nhận thức ở mức độ vận dụng về giá trị đạo đức của học sinh THCS	76

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Luật giáo dục năm 2006 đã xác định: “Mục tiêu của giáo dục phổ thông là giúp cho học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản nhằm hình thành nhân cách con người Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân” [4]. Đạo đức chính là một trong những giá trị quan trọng khi đánh giá nhân cách của con người. Giá trị đạo đức được xem là các giá trị gốc để con người xây dựng cho mình lối sống phù hợp với chuẩn mực của xã hội. Hệ thống các giá trị đạo đức khi được con người nhận thức thì nó trở thành động cơ bên trong của hành vi con người. Vì vậy việc xác định hệ thống các giá trị đạo đức có ý nghĩa to lớn đối với sự hình thành tâm lý và phát triển nhân cách cho con người.

Học sinh trung học cơ sở là lứa tuổi chuyển tiếp từ tuổi thơ ấu sang tuổi trưởng thành. Là lứa tuổi chưa thành người lớn nhưng không muốn người lớn coi mình là trẻ con và sẵn sàng phản ứng và làm khác đi lời dạy bảo của người lớn. Cái tôi của các em cũng đang định hình và phát triển mạnh mẽ. Việc hướng dẫn các em nhận thức về những giá trị đạo đức, từ đó giáo dục, định hướng giá trị đạo đức cho các em là việc làm hết sức quan trọng.

Sự hiểu biết của học sinh THCS về các giá trị đạo đức phát triển thông qua mối quan hệ trong nhà trường, gia đình và xã hội. Trong đó gia đình là môi trường đầu tiên ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của con người về mọi mặt vật chất cũng như tinh thần, đặc biệt là về mặt đạo đức. Chính tình yêu thương của cha mẹ là nhân tố quan trọng nhen nhóm và nuôi dưỡng những phẩm chất đạo đức tốt đẹp cho con cái. Nhiều nhân cách lớn hình thành ngay từ tuổi ấu thơ với lời ru ngọt ngào và đức hạnh của người mẹ. Nhiều con người trở thành vĩ nhân do ảnh hưởng đức độ của người cha. Giáo dục con cái thành người là trách nhiệm hết sức nặng nề đối với mỗi bậc cha mẹ. Trong việc giáo dục con cái tình cảm yêu thương, chiều chuộng của cha mẹ là hết sức cần thiết. Song nuông chiều quá mức, con cái thích gì được nấy lại tạo ra sự nhõng nhẽo, ích kỷ cá nhân ở con cái. Ngược lại, có những cha mẹ cư xử với con một cách hà khắc, không tôn trọng con cái thì cũng không tạo ra một ảnh hưởng tốt ở con cái. Đặc

biệt là ở những vùng nông thôn, điều kiện kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, cơ hội để các bậc cha mẹ tiếp cận với những kiến thức về việc giáo dục con cái ở trong gia đình không nhiều. Hàng năm có một số lượng lớn học sinh nông thôn lên thành phố học tập. Các em thay đổi hoàn toàn môi trường sống, được tiếp cận làm quen với lối sống, những mối quan hệ mới, trong đó có cả sự văn minh, hiện đại, đồng thời cũng có cả những cám dỗ, những tác động tiêu cực là không tránh khỏi.

Cũng như nhiều vùng nông thôn khác ở Việt Nam, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị là một vùng quê với truyền thống làm nông nghiệp lâu đời. Sau bao nhiêu năm xây dựng và đổi mới nơi đây đã có nhiều đổi thay về mọi mặt. Mức sống được nâng lên, thế hệ trẻ được sống và học tập trong điều kiện đầy đủ hơn. Văn hóa nơi thành thị du nhập làm cho các em biết nhiều thứ hơn, năng động hơn nhưng đồng thời nó cũng mang lại không ít xáo trộn trong cách nhìn nhận, đánh giá về những giá trị trong cuộc sống. Trong khi đó lối sống, nếp nghĩ của các bậc cha mẹ vẫn giữ những nét truyền thống đặc trưng của vùng quê miền Trung. Vì vậy, vấn đề quan trọng là cha mẹ cần phải có ý thức tự bồi dưỡng, vươn lên bắt kịp sự phát triển tâm lý của con, xác định được cho mình một cách thức, phương pháp giáo dục con phù hợp, hay nói một cách khác cha mẹ cần xác định cho mình một phong cách giáo dục thích hợp với từng lứa tuổi của con.

Từ những lý do trên, người nghiên cứu quyết định chọn đề tài “*Ảnh hưởng của phong cách giáo dục của cha mẹ đến nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS tại huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị*”.

2. Mục đích nghiên cứu

Xác định thực trạng ảnh hưởng của phong cách giáo dục của cha mẹ đến nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS tại huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, từ đó đề xuất một số biện pháp nhằm giáo dục nhận thức về giá trị đạo đức cho học sinh THCS trên địa bàn huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Ảnh hưởng của phong cách giáo dục của cha mẹ đến nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS.

3.2. Khách thể nghiên cứu

- Học sinh tại một số trường THCS huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị và các cặp cha mẹ làm nông nghiệp là cha mẹ của các học sinh được nghiên cứu.

- Mười giáo viên chủ nhiệm của các lớp được nghiên cứu.

4. Giả thuyết khoa học

Các bậc cha mẹ có phong cách giáo dục khác nhau và các kiểu phong cách giáo dục đó có sự ảnh hưởng đến nhận thức về giá trị đạo của con cái họ ở lứa tuổi học sinh THCS.

Mức độ ảnh hưởng của các kiểu phong cách giáo dục khác nhau của cha mẹ đến nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS tại huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị là khác nhau, thể hiện qua các mức độ biết, mức độ hiểu và mức độ vận dụng.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Nghiên cứu những vấn đề lý luận về phong cách giáo dục của cha mẹ, nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh trung học cơ sở và ảnh hưởng của phong cách giáo dục của cha mẹ đến nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS.

5.2. Khảo sát mức độ ảnh hưởng của phong cách giáo dục của cha mẹ đến nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS tại huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị ở mức biết, mức hiểu và mức vận dụng, từ đó biện pháp nhằm giáo dục nhận thức về giá trị đạo đức cho học sinh THCS

6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

6.1. Giới hạn nội dung nghiên cứu

- Đề tài chỉ nghiên cứu ảnh hưởng một chiều của phong cách giáo dục của các bậc cha mẹ làm nông nghiệp đến nhận thức của học sinh THCS.

- Chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu nhận thức của học sinh THCS ở ba mức độ: mức độ biết, mức độ hiểu, mức độ vận dụng về các giá trị đạo đức ở trong các nhóm sau:

- + Nhóm giá trị đạo đức đối với bản thân.
- + Nhóm giá trị đạo đức trong mối quan hệ với người khác.
- + Nhóm giá trị đạo đức đối với học tập, lao động.

6.2. Giới hạn địa bàn nghiên cứu

Đề tài chỉ tiến hành nghiên cứu các gia đình có truyền thống làm nông nghiệp và đầy đủ bao gồm cha, mẹ và có con đang là học sinh THCS tại huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

Thu thập tài liệu và các công trình nghiên cứu, đọc và phân tích theo từng bộ phận, theo lịch sử thời gian, tổng hợp các tài liệu và công trình nghiên cứu có liên quan. Trên cơ sở đó người nghiên cứu sẽ tóm lược lịch sử nghiên cứu của vấn đề và xây dựng một hệ thống khái niệm công cụ cũng như những khái niệm có liên quan để định hướng cho việc thiết kế công cụ nghiên cứu.

7.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

** Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi*

Đây là phương pháp chính khảo sát thực trạng phong cách giáo dục của cha mẹ.

** Phương pháp trắc nghiệm*

Phương pháp này dùng để khảo sát thực trạng mức độ nhận thức của học sinh THCS về các giá trị đạo đức.

** Phương pháp phỏng vấn*

Phương pháp này được sử dụng để điều tra sâu một số trường hợp tiêu biểu và thu thập thông tin một cách trực tiếp.

7.3. Phương pháp thống kê toán học

Sử dụng phần mềm SPSS 18 để xử lý các số liệu thống kê.

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN VỀ PHONG CÁCH GIÁO DỤC CỦA CHA MẸ VÀ NHẬN THỨC VỀ GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC

1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Những công trình nghiên cứu ở nước ngoài về ảnh hưởng của phong cách giáo dục của cha mẹ đến sự phát triển của trẻ em

Phong cách là nội dung được nghiên cứu từ nhiều năm nay trong các lĩnh vực tâm lý học, xã hội học, khoa học học quản lý,.. các nhà tâm lý học, giáo dục học đã có những nghiên cứu về phong cách giáo dục con cái của cha mẹ cũng như những ảnh hưởng, tác động của phong cách giáo dục của cha mẹ đến sự hình thành và phát triển tâm lý, nhân cách của trẻ em.

Nhà tâm lý học D.Baumrind là người đặt nền móng đầu tiên cho những nghiên cứu cơ bản về phong cách giáo dục con. Theo bà thì yếu tố tạo nên phong cách giáo dục con cái của các bậc cha mẹ đó là tầm ảnh hưởng của cha mẹ đối với con cái. D.Baumrind đã đưa ra ba mô hình giáo dục của cha mẹ: dân chủ, độc đoán và dễ dãi. Bà chỉ ra rằng trẻ em được giáo dục bằng cách giáo dục dân chủ của cha mẹ thì sẽ có nhiều khả năng xã hội hóa tốt hơn so với những trẻ em có cha mẹ độc đoán hay dễ dãi [70].

Trên cơ sở kế thừa những quan điểm của các nhà nghiên cứu đi trước về phương pháp giáo dục con, dựa vào hai yếu tố là sự đáp ứng và đòi hỏi hai tác giả Macoby và Martin đã mở rộng mô hình của D.Baumrind từ ba phong cách giáo dục con cái thành bốn phong cách: Dân chủ, độc tài, nuông chiều và bỏ mặc [theo 33].

Sau khi xem xét những nghiên cứu của D.Baumrind thì hai tác giả N.Darling và L.Steinberg cũng đồng quan điểm với bà. Các tác giả nhận định “Mặc dù có bằng chứng hiển nhiên cho thấy các cha mẹ dân chủ đào tạo những đứa con tài năng nhưng chúng ta cũng không biết tại sao và như thế nào” [theo 33]. Nhà tâm lý học B.Spock trong tác phẩm “Nghệ thuật làm cha mẹ” (1993) cũng đã đưa ra những quan điểm của mình về phong cách giáo dục. Trong đó ông nhấn mạnh ảnh hưởng của phong cách giáo dục của cha mẹ đến tính cách đứa trẻ. Theo ông đứa trẻ được nuôi dưỡng trong

bầu không khí thân ái đều cư xử dễ chịu với người khác và đều muốn noi gương cha mẹ. Ông tán thành phong cách dân chủ vì theo ông thái độ dân chủ là điều kiện thuận lợi để phát triển tính mềm dẻo, biết điều, kỷ luật tự giác.

Các tác giả Colleen Dilorio, William Dudley tại Mỹ đã nghiên cứu về mối liên hệ giữa phong cách giáo dục của các bà mẹ với tính xung đột và bạo lực của thiếu niên. Nghiên cứu này đã cho thấy phong cách nuôi dạy con có liên quan tới các phản ứng của thanh thiếu niên trong các tình huống xung đột. Phát hiện này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nuôi dạy con như là một yếu tố tác động đến phản ứng của thiếu niên khi gặp các tình huống xung đột [theo 33].

Trong một nghiên cứu của một nhóm tác giả tại trường Đại học Martin- Lutter về sự ảnh hưởng của phong cách giáo dục con của cha mẹ đến hành vi lệch chuẩn, những lo lắng và việc chủ động đối phó của thanh thiếu niên. Nghiên cứu đã chỉ ra bốn kiểu phong cách giáo dục con của cha mẹ: Độc đoán, dân chủ, tự do, lãnh đạm thờ ơ. Kết quả nghiên cứu cho thấy cha mẹ có phong cách độc đoán, thì con cái họ có hành vi lệch chuẩn chiếm tỷ lệ cao, còn những cha mẹ có phong cách dân chủ, tự do thì con cái họ có được điểm số cao trong việc chủ động đối phó với các tình huống khó khăn [33].

Năm 2007, Rose.M.F.Huver đã nghiên cứu về mối liên hệ giữa phong cách giáo dục của cha mẹ với nhận thức và hành vi hút thuốc của trẻ ở độ tuổi thanh thiếu niên. Nghiên cứu đã tiến hành so sánh giữa những thanh thiếu niên được nuôi dạy trong những phong cách giáo dục khác nhau. Kết quả cho thấy phong cách giáo dục không có tác động lớn đến việc trẻ hút thuốc hay không [theo 47].

Tại châu Á, vấn đề phong cách giáo dục của cha mẹ và sự tác động của nó đến sự phát triển nhân cách của trẻ em cũng được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Một trong những người tiên phong nghiên cứu vấn đề này là nhà nghiên cứu R. K. Chao (Trung Quốc), trong công trình nghiên cứu của mình về mối liên hệ giữa cách nuôi dạy con của cha mẹ với tính cách của trẻ, ông đã cho rằng mô hình mà Baumrind đưa ra về phong cách giáo dục của cha mẹ có thể không phù hợp đối với người châu Á do sự khác nhau trong quan niệm. Ông khẳng định “Giáo dục”, “Quản lý” là phương pháp dạy con của người Trung Quốc khác với cách dạy con theo phương pháp “Dân chủ”,

“Độc đoán” ở phương Tây [70]. Quan điểm này của ông đã tạo tiền đề cho những nghiên cứu tiếp theo về lĩnh vực này .

Một nghiên cứu khác cũng của tác giả người Trung Quốc là Chen và các cộng sự chỉ ra rằng cách dạy dỗ tích cực của cha hoặc mẹ sẽ có tác động tích cực đến năng lực xã hội và khả năng học tập của trẻ, nhưng nếu cả hai cha, mẹ cùng độc đoán thì sự tác động ấy là tiêu cực [theo 33].

Một cuộc điều tra của Liu thì chỉ ra rằng sự gần gũi giữa cha mẹ và con cái khiến chúng thông minh và lanh lợi hơn là cách dạy nghiêm khắc hay phê bình, trừng phạt [theo 33].

Một số nghiên cứu khác về sự liên hệ giữa các phong cách của cha mẹ với sự phát triển của trẻ như nghiên cứu của Chen, đã cho thấy rằng tình cảm yêu thương hay sự thờ ơ của cha mẹ chính là nhân tố liên quan đến cách ứng xử đúng mực hay thô bạo của trẻ [theo 33].

1.1.2. Những công trình nghiên cứu ở trong nước về ảnh hưởng của phong cách giáo dục của cha mẹ đến sự phát triển của trẻ em

Ở Việt Nam, vấn đề ảnh hưởng của phong cách giáo dục của cha mẹ đến sự phát triển của trẻ em cũng được các nhà nghiên cứu quan tâm.

Trong tác phẩm “Giáo dục gia đình với tuổi thiếu niên” tác giả Đức Minh đã đưa ra quan điểm của mình về phong cách giáo dục của cha mẹ. Theo tác giả thì nếu cha mẹ chỉ dạy con theo cách áp đặt, mệnh lệnh thì con cái dễ phát triển một cách lệch lạc. Mệnh lệnh trong việc giáo dục con cái là cần thiết nhưng không nên lạm dụng [39].

Tác giả Mạc Văn Trang trong nghiên cứu về hành vi lệch chuẩn của trẻ vị thành niên cũng có những quan điểm tương tự. Theo nghiên cứu của ông thì những trẻ em này lớn lên trong hoàn cảnh gia đình bị phá vỡ hoặc không hoàn thiện, thiếu tình yêu thương, chăm sóc của cha mẹ [56].

Nhóm tác giả Phạm Thanh Bình, Lê Phong, Trần Thị Hương, Trần Văn Tính trong công trình nghiên cứu sự yếu kém về mặt đạo đức của học sinh một số tỉnh miền trung cho thấy phương pháp giáo dục thô bạo, hà khắc hoặc buông lỏng, dễ dãi nuông chiều của cha mẹ đối với con cái có ảnh hưởng không nhỏ đến hành vi lệch chuẩn của trẻ [3].

Tác giả Ngô Công Hoàn với cuốn sách “Tâm lý học gia đình” đã bàn tới sự tác động qua lại giữa phong cách giáo dục con của cha mẹ với sự phát triển của trẻ. Theo tác giả thì nếu cha mẹ có phong cách dân chủ thì con cái có khả năng hình thành tính độc lập, tự chủ, năng động. Nếu cha mẹ giáo dục con bằng quyền uy quá mức, thường xuyên áp đặt, hà khắc thì có những sự phát triển lệch lạc, khó khăn trong việc tiếp xúc với xã hội [26].

Với những nghiên cứu về trẻ vị thành niên tác giả Nguyễn Thị Hoa đã chỉ ra hành vi có vấn đề ở lứa tuổi vị thành niên chịu ảnh hưởng rất lớn từ phía gia đình, trong đó cha mẹ là yếu tố ảnh hưởng lớn nhất [25].

Nghiên cứu mới đây của các tác giả Lưu Song Hà, Nguyễn Thị Bích Phượng cũng đi sâu tìm hiểu mối tương quan của phong cách giáo dục của cha mẹ với tính tích cực giao tiếp hay hành vi lệch chuẩn, hành vi không thích nghi của thiếu niên [17], [47].

Tác giả Lê Như Hoa [24], Nguyễn Khắc Viện [63] có những nghiên cứu về vấn đề giáo dục gia đình. Không trực tiếp đi sâu vào nghiên cứu phong cách giáo dục con cái nhưng từ những nghiên cứu này các bậc cha mẹ hiểu thêm về các đặc điểm phát triển của con cái, các nhu cầu của con từ đó lựa chọn những phong cách giáo dục con phù hợp.

Nhìn chung, các nghiên cứu về những ảnh hưởng của phong cách giáo dục của cha mẹ đến sự phát triển tâm lý trẻ em đều đề cập một cách chung chung hoặc chỉ nghiên cứu theo diện rộng. Hầu hết các công trình nghiên cứu tập trung làm rõ những tác động của phong cách giáo dục của cha mẹ sự phát triển của trẻ em nói chung, hoặc tập trung nghiên cứu sự tác động, ảnh hưởng của các kiểu phong cách giáo dục đến hành vi của trẻ em như hành vi có vấn đề, hành vi lệch chuẩn, hành vi không thích nghi,.. ở các nhóm khách thể là trẻ em ở các trường giáo dưỡng, trẻ em vi phạm pháp luật,.. mà chưa thấy có công trình nào nghiên cứu về tác động của phong cách giáo dục con của cha mẹ đến nhận thức về các giá trị đạo đức. Nhận thức về các giá trị đạo đức là sự hiểu biết của con người về các chuẩn mực, quy tắc ứng xử trong các mối quan hệ. Để từ đó con người biết đâu là giá trị đúng, đâu là giá trị sai đối với bản thân, đối với cộng đồng, dân tộc. Việc nhận thức tốt về các giá trị đạo đức là cơ sở,

nền tảng góp phần điều chỉnh hành vi đạo đức.

Chúng tôi tiến hành nghiên cứu vấn đề “Ảnh hưởng của phong cách giáo dục của cha mẹ đến nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS” với mục đích bổ sung lý luận về phong cách giáo dục của cha mẹ, làm rõ những tác động của phong cách giáo dục của cha mẹ đến việc nhận thức về các giá trị đạo đức của một đối tượng cụ thể là học sinh THCS.

1.2. Lý luận về phong cách giáo dục của cha mẹ và nhận thức giá trị đạo đức của học sinh THCS

1.2.1. Phong cách giáo dục của cha mẹ

1.2.1.1. Khái niệm phong cách trong tâm lý học

a) Khái niệm phong cách

Theo từ điển Tiếng Việt phong cách là “Những lối, những cung cách sinh hoạt, làm việc hoạt động, xử sự tạo nên cái riêng của mỗi người hay một loại người nào đó” [62].

Theo tác giả Hoàng Lê Minh: “Phong cách là tổng thể các phương pháp, tác phong và cách thức tiêu biểu, đặc trưng được con người sử dụng trong hoạt động hàng ngày” [40].

Theo tác giả Đặng Xuân Kỳ: Phong cách là lễ lối, cung cách, cách thức, phong thái, phong độ, phẩm cách,.. có tính hệ thống, trở thành nề nếp ổn định của một người hoặc một lớp người được thể hiện trong tất cả các mặt hoạt động như lao động, học tập, sinh hoạt, ứng xử, diễn đạt (nói và viết).. tạo nên những giá trị, những nét riêng biệt của chủ thể đó.

Tác giả còn nhấn mạnh phong cách luôn là một cái riêng, độc đáo, có tính hệ thống, ổn định và đặc trưng của chủ thể. Nó bị chi phối bởi các nhân tố như truyền thống văn hóa, lối sống, thói quen, điều kiện sống, sự trải nghiệm thực tiễn, dấu ấn cá nhân,.. phong cách không được sinh ra bần sinh mà chỉ có thể được hình thành bởi sự phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện, trau dồi không ngừng của chủ thể [32].

Theo Nguyễn Hải Khoát và Nguyễn Quang Uẩn, phong cách là hệ thống những nguyên tắc, phương pháp, cách thức biểu hiện và đặc thù của một người hay một nhóm người thể hiện trong hoạt động cơ bản của họ [12].

Nhìn chung, những quan điểm của các tác giả đã đề cập đến các khía cạnh khác nhau của khái niệm phong cách. Về cơ bản khái niệm phong cách có những điểm chung như sau:

- Tổng hợp các phương pháp, cách thức, phản ứng, hành vi tương đối ổn định, có tính hệ thống và bền vững của con người trong hoạt động.

- Luôn là một cái riêng, độc đáo của mỗi người tạo nên những giá trị, những nét riêng biệt của chủ thể đó.

- Bị chi phối bởi các nhân tố như truyền thống văn hóa, lối sống, thói quen, điều kiện sống, sự trải nghiệm thực tiễn, dấu ấn cá nhân cũng như các đặc điểm tâm lý của cá nhân. Phong cách chính là phương tiện giúp con người thích nghi với những thay đổi của môi trường.

Từ những phân tích trên chúng tôi hiểu khái niệm “phong cách” là tổng hợp các phương pháp, cách thức, hành vi tiêu biểu, đặc trưng và tương đối ổn định của con người trong hoạt động cơ bản của họ”.

Như vậy, phong cách là hệ thống hành động mang tính ổn định của cá nhân. Tính ổn định này tạo ra bản sắc riêng của mỗi cá nhân và dựa vào đó có thể dự đoán được hành vi của họ trong những tình huống nhất định. Tính ổn định của phong cách phụ thuộc vào phần cấu tạo của cơ thể và chức năng hoạt động của nó như giác quan, hệ thần kinh. Ngoài ra các đặc điểm về nghề nghiệp, mối quan hệ xã hội, môi trường giao tiếp,.. cũng có vai trò trong việc tạo nên phong cách của mỗi chủ thể.

Mặt khác, ta thấy rằng cuộc sống luôn thay đổi mà phong cách là hệ thống hành động của con người vì vậy phong cách có sự linh hoạt, cơ động để thích nghi, thể hiện ở chỗ:

- Phong cách thay đổi theo lứa tuổi: Ở những lứa tuổi khác nhau con người có các đặc điểm phát triển cơ thể khác nhau, cùng với đó là sự phát triển, mở rộng của các mối quan hệ sẽ tác động đến sự biến đổi của phong cách.

- Sự thay đổi nghề nghiệp, môi trường sinh hoạt cũng làm thay đổi phong cách con người.

- Đặc điểm về tình trạng sức khỏe khác nhau cũng phản ánh ở phong cách của mỗi người.

b) Các loại phong cách

Có nhiều loại phong cách theo các quan điểm phân loại khác nhau của các nhà nghiên cứu. Dưới đây là một số cách phân loại phổ biến.

- Phân loại của Likert [theo 33]

Likert đã nghiên cứu các kiểu mẫu và phong cách của các nhà lãnh đạo và quản trị trong nhiều năm và đã đưa ra những ý tưởng và những cách tiếp cận quan trọng đối với việc hiểu biết về hành vi lãnh đạo. Ông coi một nhà quản trị có hiệu quả là người định hướng mạnh mẽ vào cấp dưới, dựa vào sự liên lạc để giữ cho tất cả các bộ phận hoạt động như là một đơn vị. Tất cả thành viên của một nhóm, kể cả người quản trị hay lãnh đạo, lựa chọn một thái độ hỗ trợ, trong đó họ chia sẻ lẫn nhau các nhu cầu, các giá trị, các nguyện vọng, các mục đích và những triển vọng chung. Vì nó chú trọng đến các động cơ thúc đẩy con người, nên Likert coi đây là cách tiếp cận hiệu quả nhất để lãnh đạo một nhóm.

Nhằm định hướng cho việc nghiên cứu và làm rõ các khái niệm của mình, Likert đã giả thiết có bốn hệ thống phong cách quản trị.

+ Phong cách quản trị theo hệ thống một được mô tả là cách quản trị “*quyết đoán – áp chế*”. Các nhà quản trị loại này chuyên quyền cao độ, có ít lòng tin vào cấp dưới, thúc đẩy người ta bằng sự đe dọa và trừng phạt với những phần thưởng hiếm hoi, tiến hành thông tin từ trên xuống dưới và giới hạn việc ra quyết định ở cấp cao nhất.

+ Phong cách quản trị theo hệ thống hai được gọi là cách quản trị “*quyết đoán – nhân từ*”, các nhà quản trị loại này có lòng tin của cấp trên và tin vào cấp dưới, thúc đẩy bằng khen thưởng và một ít bằng đe dọa và trừng phạt, cho phép có ít nhiều thông tin lên trên, tiếp thu một số tư tưởng và ý kiến từ cấp dưới, cho phép phần nào sự giao quyền ra quyết định nhưng với kiểm tra chặt chẽ về mặt chính sách.

+ Phong cách quản trị theo hệ thống ba được coi là cách quản trị “*tham vấn*”, các nhà quản trị này có sự tin tưởng và hy vọng lớn nhưng không hoàn toàn vào cấp dưới, thường tìm cách sử dụng các tư tưởng và ý kiến của cấp dưới, dùng các phần thưởng để thúc đẩy, và ít nhiều có sự tham gia thực hiện luồng thông tin cả hai chiều lên và xuống, hoạch định chính sách rộng rãi và các quyết định chung ở cấp cao nhất với một số quyết định cụ thể ở cấp thấp hơn, và hành động có tham khảo ý kiến theo

những cách khác nhau.

+ Phong cách quản trị theo hệ thống bốn là cách quản trị có sự tham gia nhiều nhất trong các cách quản trị và coi đó là cách quản trị “*tham gia theo nhóm*”. Các nhà quản trị theo hệ thống bốn có lòng tin và sự hy vọng hoàn toàn vào cấp dưới ở mọi vấn đề, luôn luôn thu nhận các tư tưởng và ý kiến cấp dưới và sử dụng nó một cách xây dựng, có những phần thưởng về mặt kinh tế dựa trên sự tham gia theo nhóm và sự lôi cuốn vào các lĩnh vực như thiết lập các mục tiêu và đánh giá sự tiến bộ theo các mục tiêu đó, thực hiện nhiều trao đổi thông tin lên trên và xuống dưới và với những người cùng cấp, khuyến khích việc ra quyết định trong suốt toàn bộ tổ chức và mặt khác hoạt động khi coi bản thân họ và cấp dưới của họ như là một nhóm.

Likert đã nhận thấy rằng các nhà quản trị áp dụng cách tiếp cận theo hệ thống bốn vào các hoạt động của mình đã thu được thành công lớn nhất với tư cách là người chỉ huy. Hoạt động được quản lý bằng cách tiếp cận theo hệ thống bốn đã có kết quả tốt nhất trong việc đặt ra các mục tiêu và đạt được chúng và nói chung hiệu quả hơn.

- Phân loại của nhà tâm lý học người Mỹ K.Lewin [theo 33]

K.Lewin là người đầu tiên nghiên cứu về phong cách quản lý và giáo dục. Theo nghiên cứu của ông thì phong cách được chia làm ba loại với những đặc điểm như sau:

+ **Phong cách độc đoán:** Những người có phong cách này thường ít để ý đến ý kiến của người khác mà chỉ dựa vào kinh nghiệm cá nhân để tự ra quyết định. Những yêu cầu, mệnh lệnh đề ra thường rất nghiêm ngặt, yêu cầu người khác phải chấp hành nghiêm chỉnh và có sự kiểm tra rất nghiêm khắc mọi hành động của người khác, buộc họ phải tuân theo một cách tỉ mỉ những yêu cầu đặt ra. Người có phong cách độc đoán thường hành xử nóng nảy, thiếu tin tưởng người khác, khả năng kiềm chế thấp, đây cũng là những người quả quyết, dứt khoát.

Hiệu quả của việc sử dụng phong cách độc đoán mang lại là tác động trực tiếp vào người khác, có thể giải quyết nhanh chóng một số việc. Tuy nhiên nó có thiếu sót là không phát huy được tính năng động, sáng tạo kinh nghiệm cá nhân của những người xung quanh lâu dần dẫn đến sự thụ động của người xung quanh và có sự phục tùng mệnh lệnh bề ngoài còn thật tâm họ không hẳn nể phục.

+ **Phong cách dân chủ:** Người có phong cách này luôn bình tĩnh trong mọi

hoạt động, có sự phân công mọi việc cho người khác một cách hợp lý có tính đến yêu cầu của người khác. Là người giàu lòng yêu thương con người, tôn trọng nhân cách của người khác, trong giao tiếp luôn ôn tồn, tế nhị, thân thiện. Tuy nhiên trong một số trường hợp người có phong cách dân chủ lại thiếu quyết đoán, dễ thỏa hiệp, chần chừ, do dự nên không nắm bắt cơ hội kịp thời.

Sử dụng phong cách dân chủ vừa thể hiện được uy quyền của mình vừa tạo được những điều kiện thuận lợi để phát huy tính chủ động, sáng tạo của những người khác làm cho họ hài lòng với việc được giao. Khi sử dụng phong cách dân chủ các thành viên cởi mở, thân thiện với nhau tạo nên mối quan hệ tự do, tự nhiên. Người có phong cách dân chủ luôn được mọi người nể phục, tin tưởng.

+ **Phong cách tự do:** Người có phong cách tự do thường chỉ đóng vai trò cung cấp thông tin, ít khi tham gia vào hoạt động, sử dụng rất ít quyền điều hành của mình. Họ thường vạch ra kế hoạch chung, ít trực tiếp chỉ đạo mà thường giao khoán cho người khác. Kết quả thực hiện thường không đảm bảo chắc chắn. Người có phong cách này ít khi can thiệp quá sâu vào đời sống cá nhân, là người thiếu năng lực quản lý nhưng cũng có thể là người có chuyên môn cao nhưng không thực hiện.

Với việc sử dụng phong cách này thì việc kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện công việc không được thực hiện vì vậy người được giao công việc thực hiện một cách cầu thả, không đảm bảo chất lượng.

Ngoài các phong cách trên thì theo Weberr (1905) [theo 33] còn có:

+ **Phong cách quản lý quan liêu:** Đây là phong cách tách rời quyền hành khỏi quyền lợi và nguyện vọng của người xung quanh, trốn tránh trách nhiệm, làm việc không theo nguyên tắc và những quy định chung.

+ **Phong cách lãnh đạo uy tín:** Đây là loại phong cách dựa trên uy tín của người lãnh đạo quản lý. Những người dưới quyền sẽ đạt được sự tự tin trong công việc từ sự uy tín và sự lôi cuốn của người lãnh đạo.

Khi bàn về phong cách lãnh đạo thì tác giả Bùi Ngọc Oánh cũng lưu ý một số phong cách lãnh đạo tốt và chưa tốt [45].

- Các phong cách lãnh đạo chưa tốt

+ Phong cách quan liêu

- + Phong cách thụ động
- + Phong cách chung, hời hợt
- + Phong cách chậm chạp, lè mề
- + Phong cách tư duy nông cạn, vội vã, thiếu chín chắn, ít suy nghĩ
- + Phong cách mệnh lệnh, độc đoán
- Các phong cách lãnh đạo tốt
- + Phong cách sâu sát, mạnh dạn
- + Phong cách phát hiện vấn đề về tổ chức
- + Phong cách linh hoạt, phối hợp nhiều kiểu quản lý

Nhìn chung, bằng các nghiên cứu về phong cách trong quản lý, lãnh đạo, các nhà chuyên môn đều nhất trí rằng mỗi loại phong cách đều có những điểm mạnh, điểm yếu riêng. Tuy nhiên, phong cách lãnh đạo dân chủ vẫn mang lại hiệu quả nhiều hơn.

1.2.1.2. Phong cách giáo dục của cha mẹ

a) Khái niệm

Phong cách giáo dục của cha mẹ theo tiếng Anh là “parenting style”, là tổ hợp gồm hai từ: “parenting” nghĩa là việc giáo dục con của cha mẹ, “style” là phong cách.

Theo từ điển Bách khoa toàn thư thì phong cách giáo dục con là một cấu trúc tâm lý thể hiện các cách thức đặc trưng của cha mẹ sử dụng trong việc giáo dục con cái của mình [29].

Trên thế giới, khái niệm phong cách giáo dục từ những năm 1910 đến năm 1950 trong các nghiên cứu của một số tác giả như Dewey, D.Baumrind, Darling. Tuy nhiên, trong các nghiên cứu này chưa đưa ra được một khái niệm phong cách giáo dục rõ ràng. Đến năm 1966 trong nghiên cứu về tác động của cách nuôi dạy con đến hành vi của trẻ em thì nhà tâm lý D.Baumrind đã đặt mốc cho những nghiên cứu về phong cách giáo dục con. Trong các nghiên cứu của mình D.Baumrind đã chỉ ra rằng yếu tố tạo nên phong cách giáo dục con của cha mẹ đó là “Sự đáp ứng của cha mẹ” và “Sự kì vọng của cha mẹ”. Trong đó sự đáp ứng của cha mẹ chính là sự quan tâm, tình cảm nồng ấm, là trách nhiệm của cha mẹ với con cái, còn sự kì vọng của cha mẹ là những yêu cầu mà cha mẹ muốn con thực hiện cùng với sự kiểm soát việc thực hiện yêu cầu

ấy thể hiện mong muốn của cha mẹ đối với sự trưởng thành của con. [70].

Theo hai tác giả Darling và Steiberg thì phong cách giáo dục là “Một tập hợp các thái độ đối với trẻ và tạo ra một môi trường cảm xúc mà tại đó các hành vi của bố mẹ được biểu hiện” [theo 33].

Ở Việt Nam thì cũng có một số tác giả nghiên cứu về phong cách giáo dục con, trong đó kể đến là một nghiên cứu gần đây của tác giả Trương Thị Khánh Hà về phong cách giáo dục của cha mẹ. Theo tác giả thì phong cách giáo dục của cha mẹ là “Một cấu trúc tâm lý thể hiện các chiến lược mà cha mẹ thường sử dụng trong việc nuôi dạy con cái” [18].

Có nhiều cách tiếp cận định nghĩa về phong cách giáo dục của cha mẹ, trong đề tài này chúng tôi tiếp cận phong cách giáo dục của cha mẹ như là một hệ thống cách thức biểu hiện như sau:

“Phong cách giáo dục của cha mẹ là tập hợp các cách thức thể hiện hành động, thái độ tương đối ổn định của cha mẹ trong quá trình giáo dục con, trở thành bản sắc riêng của cha mẹ”.

Như vậy, trong quá trình giáo dục con các bậc cha mẹ có nhiều cách thức thể hiện hành động, thái độ khác nhau, tác động một cách có mục đích lên sự phát triển nhân cách của đứa trẻ. Các hành động, thái độ này luôn bao gồm hai yếu tố đó là yêu cầu/kiểm soát của cha mẹ và quan tâm/đáp ứng của cha mẹ đối với con [70]. Tùy thuộc vào mỗi PCGD khác nhau của cha mẹ mà mức độ, tính chất của những yêu cầu, sự kiểm soát hay việc đáp ứng, quan tâm của cha mẹ sẽ khác nhau. Điều này tạo nên tính riêng biệt trong PCGD con của các bậc cha mẹ.

PCGD của cha mẹ thể hiện ở việc sử dụng các phương pháp giáo dục, cách thức giáo dục cũng như cách ứng xử, giao tiếp với con, hướng con cái phát triển theo những tiêu chuẩn mà các bậc cha mẹ cho là tốt nhất.

PCGD của cha mẹ tác động đến sự tiếp nhận của con đối với những phương pháp, nội dung giáo dục của cha mẹ, đến những phản ứng của con trước sự đòi hỏi, hay đáp ứng của cha mẹ. Vì vậy, PCGD có ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả giáo dục con của cha mẹ. PCGD của cha mẹ bộc lộ năng lực, phẩm chất cũng như tính cách, cách ứng xử của cha mẹ đối với con. Cho nên PCGD con của cha mẹ có ảnh hưởng

trực tiếp đến uy tín của cha mẹ đối với con, nó có những ảnh hưởng đến hiệu quả của việc giáo dục con cái của cha mẹ [35].

Theo như phân tích ở trên thì PCGD của cha mẹ là một hệ thống cách thức hành động có tính chất ổn định. Tuy nhiên, trong những hoạt cảnh khác nhau, PCGD của cha mẹ vẫn thể hiện tính chất linh hoạt, mềm dẻo. Ở các bậc cha mẹ ngoài PCGD chủ đạo mang tính riêng biệt cá nhân thì họ còn có những PCGD thay thế trong các tình huống giáo dục khác nhau.

b) Các phong cách trong giáo dục của cha mẹ

Trong các nghiên cứu của D.Buamrind về PCGD của cha mẹ, chúng tôi thấy rằng hai yếu tố mà các tác giả nhấn mạnh để phân biệt các loại PCGD con là mức độ yêu cầu, đòi hỏi / kiểm soát và sự đáp ứng/tình cảm nồng ấm của cha mẹ đối với con cái. Kết hợp với cách phân loại các kiểu phong cách của K.Lewin thì chúng tôi nhận thấy là PCGD của cha mẹ có thể được phân chia theo mức độ yêu cầu, đòi hỏi / kiểm soát và sự đáp ứng/tình cảm nồng ấm của cha mẹ đối với con. Nếu mức độ yêu cầu, đòi hỏi / kiểm soát cao còn sự đáp ứng/tình cảm nồng ấm dành cho con thấp thì những cha mẹ này có phong cách độc đoán. Nếu mức độ yêu cầu, đòi hỏi / kiểm soát thấp còn sự đáp ứng / tình cảm nồng ấm dành cho con cao thì những cha mẹ này thuộc nhóm phong cách tự do. Nếu mức độ yêu cầu, đòi hỏi / kiểm soát và sự đáp ứng / tình cảm nồng ấm dành cho con cao cân bằng nhau thì những cha mẹ này thuộc nhóm phong cách dân chủ. Còn nếu mức độ yêu cầu, đòi hỏi/kiểm soát và sự đáp ứng / tình cảm nồng ấm dành cho con đều rất thấp thì những cha mẹ này thuộc nhóm phong cách thờ ơ [70], [71]. Các kiểu phong cách giáo dục của cha mẹ có những đặc điểm cụ thể như sau

- Phong cách giáo dục độc đoán

Cha mẹ có phong cách độc đoán thường yêu cầu cao, kiểm soát chặt chẽ hành vi của con nhưng ít quan tâm đến suy nghĩ và hành vi của con, ít có những biểu hiện tình cảm với chúng [18]. Đối với cha mẹ có phong cách này trẻ em luôn phải thực hiện theo những quy tắc do họ đặt ra một cách nghiêm ngặt. Họ định hướng rõ ràng cho con cái phải làm cái gì và không nên làm cái gì. Nếu trẻ cãi lại, không tuân theo, hay làm sai những quy tắc này thì sẽ bị cha mẹ trừng phạt. Các bậc cha mẹ này không giải thích cho

con hiểu về những việc mà trẻ phải thực hiện hay không được làm, nếu trẻ có yêu cầu được giải thích thì câu trả lời dứt khoát là “ Bởi vì bố / mẹ muốn con làm vậy”. Theo như D.Baumrind với cha mẹ có phong cách độc đoán “Tuân thủ những yêu cầu và luôn mong muốn con mình tuân thủ theo các quy định mà không cần giải thích” [70].

Kiểu cha mẹ có phong cách độc đoán thường là người quyết đoán, cứng rắn, nghiêm khắc và thiếu linh hoạt, hà khắc luôn đòi hỏi cao ở con cái mà không cần biết có phù hợp với con hay không. Họ là người thường xuyên kiểm tra và uốn nắn những sai phạm của con trong quá trình con cái thực hiện công việc được giao. Cách nói của họ đối với con thường lạnh lùng, mang tính chất mệnh lệnh, áp đặt, ép buộc đối với con.

Các bậc cha mẹ sử dụng phong cách độc đoán trong quá trình giáo dục con sẽ có ưu điểm là tạo ra được nề nếp, trật tự, kỷ luật trong gia đình, con cái luôn thực hiện theo yêu cầu của cha mẹ nhưng lại tạo ra áp lực cho con, khiến con cái luôn cảm thấy căng thẳng, gò bó.

- Phong cách giáo dục tự do

Cha mẹ có phong cách giáo dục tự do thường quan tâm, dành nhiều tình cảm cho con nhưng kiểm soát con rất ít, họ dễ dãi đôi khi khá nuông chiều con. Đối với con những bậc cha mẹ này đóng vai trò là người hướng dẫn, quan sát từ xa và khuyến khích, giúp đỡ khi có sự đề nghị của con, họ chỉ can thiệp khi con cái gặp khó khăn hoặc đi sai hướng [theo 33]. Những cha mẹ này ít khi kỷ luật con cái của họ, vì họ có những kì vọng, yêu cầu tương đối thấp về sự trưởng thành và tự kiểm soát của con.

Cha mẹ có phong cách giáo dục tự do không quyết định thay con mà cho con quyền tự chủ trong mọi việc, cha mẹ chỉ là người giải thích, gợi ý cho con cái những vấn đề mà chúng thắc mắc. Họ ít khi ngăn cấm con cái điều gì, con cái tự do làm điều chúng thích với sự chỉ bảo, kiểm tra không đáng kể từ phía cha mẹ. Đôi khi những cha mẹ này cũng nổi giận vì những hành động sai phạm của con nhưng họ chỉ biểu lộ một cách yếu ớt, họ thường có lòng khoan dung đối với con cái.

Những bậc cha mẹ thuộc nhóm phong cách này không phải là những người vô trách nhiệm, bỏ mặc con cái nhưng họ tin rằng trẻ sẽ phát triển và trưởng thành tốt nhất khi chúng được độc lập và học qua cách trải nghiệm trực tiếp trong cuộc sống. Họ

thường dễ chấp nhận, ủng hộ và tôn trọng những đặc điểm riêng của con, họ luôn khích thích đứa trẻ, thúc đẩy đứa trẻ thực hiện công việc. Họ có khả năng khơi dậy những động cơ bên trong của con. Các con của bậc cha mẹ này thường cảm thấy thoải mái, phát huy khả năng độc lập và sáng tạo.

- Phong cách giáo dục dân chủ

Cha mẹ có phong cách dân chủ thường kết hợp yêu cầu, kiểm soát với sự quan tâm, tình cảm ấm áp. Họ đưa ra những quy tắc, luật lệ phù hợp với lứa tuổi của con đồng thời giải thích cho con lý do và ý nghĩa của những quy tắc đó. Cha mẹ dân chủ luôn lắng nghe ý kiến của con, cùng con thảo luận về những vấn đề chung giữa cha mẹ và con cái [18]. Họ nhiều sự nồng nhiệt hơn với trẻ, đưa ra những yêu cầu và mong muốn hợp lý hơn với trẻ, những mong muốn và luật lệ họ đưa ra luôn rõ ràng. Khi con cái không đáp ứng mong đợi, cha mẹ mang phong cách dân chủ thường khuyến khích và tha thứ hơn là trừng phạt.

Cha mẹ có phong cách dân chủ thường quyết đoán nhưng không bắt trẻ chịu đựng hoặc hạn chế. Họ là người nhạy cảm, chu đáo, dễ thông cảm với những nhu cầu, mong muốn của con. Đối với họ kỷ luật không phải là phương pháp tối ưu và thường xuyên sử dụng trong quá trình giáo dục con. Con cái của những bậc cha mẹ này thường tìm thấy ở họ sự chia sẻ, cảm thông tin tưởng như một người bạn lớn. Chúng thường thực hiện các yêu cầu của cha mẹ một cách tự giác [34].

Trong những gia đình có cha mẹ mang phong cách giáo dục dân chủ thì việc trò chuyện, trao đổi, bàn bạc giữa cha mẹ và con cái diễn ra thường xuyên. Rất ít khi họ đưa ra yêu cầu trực tiếp, những ý kiến đưa ra thường dựa trên ý kiến chung của các thành viên trong gia đình. Kỷ luật trong gia đình đơn giản, không cứng nhắc, trong những lúc cần thiết có thể thay đổi linh hoạt cho phù hợp. Bởi vậy, trong một số trường hợp cha mẹ có phong cách dân chủ dễ thỏa hiệp, không dứt khoát.

- Phong cách cha mẹ thờ ơ

Cha mẹ có phong cách thờ ơ thường không đoái hoài gì đến con. Họ không yêu cầu kiểm soát con, đáp ứng thấp, không quan tâm, tình cảm với con. Thường thì cuộc sống của những bậc cha mẹ này quá bận rộn, hay căng thẳng, họ không có thời gian cũng như khả năng để giáo dục con. Các cha mẹ mang phong cách này thường đáp

ứng những nhu cầu cơ bản của đứa trẻ, họ dường như chẳng có việc gì liên quan đến con mình. Họ ít quan tâm cũng như không có hứng thú trong việc nuôi dạy con cái. Trong trường hợp cực đoan, những bậc cha mẹ này thậm chí có thể từ chối hoặc bỏ qua các nhu cầu của con cái họ. Cha mẹ thờ ơ rất ít có kì vọng, mong chờ vào hành vi của trẻ [18].

Trên đây là các kiểu phong cách giáo dục đặc trưng của cha mẹ. Sự phân loại các kiểu phong cách giáo dục của cha mẹ chỉ có tính chất tương đối. Mỗi kiểu phong cách giáo dục con có những mặt mạnh, mặt yếu riêng. Không thể khẳng định rằng phong cách nào là tốt nhất. Vấn đề ở chỗ là các bậc cha mẹ sử dụng các kiểu phong cách như thế nào cho phù hợp để mang lại hiệu quả tốt trong việc giáo dục con cái. Trong quá trình giáo dục con các bậc cha mẹ không chỉ sử dụng duy nhất một phong cách giáo dục mà có sự đan xen, trong trường hợp này dùng phong cách dân chủ nhưng trong trường hợp khác có thể dùng một phong cách giáo dục khác. Ở những nội dung giáo dục khác nhau thì các bậc cha mẹ sử dụng các PCGD khác nhau.

1.2.2. Lý luận nhận thức về giá trị đạo đức

1.2.2.1. Nhận thức

a) Khái niệm

Có rất nhiều quan điểm khác nhau về nhận thức.

Theo từ điển Tiếng Việt của Hoàng Phê: *“Nhận thức là quá trình hoặc kết quả phản ánh và tái hiện vào trong tư duy, là quá trình con người nhận biết, hiểu biết về thế giới khách quan hoặc kết quả nghiên cứu của quá trình đó”* [47].

Theo từ điển triết học: *“Nhận thức thức là quá trình phản ánh biện chứng, tích cực, tự giác và sáng tạo thế giới khách quan vào đầu óc con người trên cơ sở thực tiễn”* [61].

Theo từ điển Tâm lý (2008) do tác giả Vũ Dũng chủ biên: *“Nhận thức là hiểu được một điều gì đó, tiếp thu được những kiến thức về điều nào đó, hiểu biết những quy luật về những hiện tượng, quy trình nào đó”* [13].

Theo tác giả Nguyễn Quang Uẩn: *“Nhận thức là hoạt động chủ thể hướng vào đối tượng nhằm mục đích biết và hiểu đối tượng cũng như biết và hiểu chính mình... (tự nhận thức).”* [64].

Theo những quan điểm nêu trên thì nhận thức được nhấn mạnh là một trong ba mặt cơ bản của đời sống tâm lý của con người (nhận thức – tình cảm – hành động ý chí). Nó có mối quan hệ chặt chẽ với hai mặt kia và với các hiện tượng tâm lý khác.

Nhận thức là một quá trình phản ánh có mở đầu, diễn biến và kết thúc của tư duy con người với hiện thực khách quan. Đồng thời nhận thức cũng là kết quả của sự phản ánh đó. Khi con người có nhận thức về một sự vật hiện tượng nào đó trong cuộc sống con người lại dùng chính nhận thức đó để tiến hành một quá trình nhận thức mới.

Nhận thức là sự tác động tích cực vào thế giới khách quan nhằm biến đổi thực tiễn, phục vụ cho những lợi ích của con người.

Nhận thức là một cơ chế tâm lý đi trước trong hành vi có ý thức, có mục đích của mỗi người. Nó là cơ sở để lựa chọn các cách thức hành động, hình thành tính tích cực, thế giới quan, niềm tin của mỗi người.

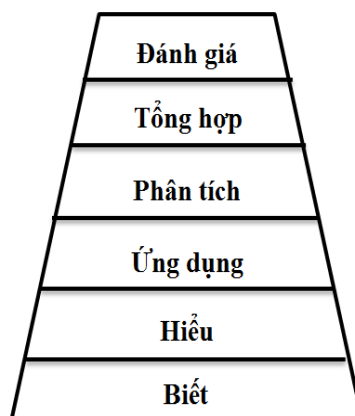
Tựu chung lại, người nghiên cứu tiếp cận khái niệm “nhận thức” là quá trình tâm lý phản ánh hiện thực khách quan vào trong bộ não của con người, chi phối thái độ và điều chỉnh hành vi của một cá nhân.

b) Các mức độ nhận thức

Trong việc nhận thức thế giới, con người có thể đạt đến những mức độ nhận thức khác nhau, từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp. Hoạt động nhận thức của con người bao gồm nhiều quá trình phản ánh hiện thực khách quan với những mức độ phản ánh khác nhau (cảm giác, tri giác, trí nhớ, tư duy, tưởng tượng) và mang lại cho ta những sản phẩm khác nhau (hình ảnh, hình tượng, biểu tượng, khái niệm...).

Có các quan điểm khác nhau về việc phân chia mức độ của quá trình nhận thức. Mọi sự phân chia đều mang tính chất tương đối, các quan điểm khác nhau sẽ thể hiện những khía cạnh khác nhau của quá trình nhận thức tùy thuộc vào mục đích nghiên cứu của các tác giả. Trong giới hạn của đề tài này chúng tôi đi sâu tìm hiểu cách phân chia mức độ nhận thức theo quan điểm của Benjamin S.Bloom [69].

Theo Benjamin S.Bloom thang nhận thức gồm có 6 cấp độ:



- **Biết (Knowledge)**

Biết là năng lực nhớ lại các thông tin, sự kiện mà không nhất thiết phải hiểu chúng.

Mức biết được thể hiện thông qua các hành động: nhắc lại, kể lại, tái tạo, định nghĩa, mô tả, nhận biết, nhận diện, xác định, gọi tên, ghi chép, phác thảo, trình bày, tường thuật, trích dẫn, liệt kê, khẳng định, kiểm tra, bố trí, thu thập,...

- **Hiểu (Comprehension)**

Hiểu là năng lực hiểu ý nghĩa của thông tin và giải thích các thông tin được học.

Các động từ khởi đầu thường dùng: liên kết, thay đổi, phân loại, làm rõ, kiến tạo, phân biệt, so sánh, sắp xếp, tương phản, giải mã, làm khác, thảo luận, lượng giá, giải thích, thể hiện, mở rộng, khái quát hóa, cho ví dụ minh họa, nhận định, suy luận, báo cáo, giải quyết, xem xét, thay đổi.

- **Ứng dụng (Application)**

Ứng dụng là năng lực vận dụng các thông tin hiểu biết được vào những hoàn cảnh mới, tình huống mới, điều kiện mới, giải quyết các vấn đề đặt ra.

Các động từ khởi đầu thường dùng: áp dụng, vận dụng, đánh giá, tính toán, thay đổi, chọn, hoàn tất, kiến tạo, chứng minh, phát triển, phát hiện, khai thác, kiểm tra, nhận biết, minh họa, giải nghĩa, điều chỉnh, điều khiển, vận hành, tổ chức, tạo ra, lập kế hoạch, trình diễn, phác thảo, phác họa.

- **Phân tích (Analysis)**

Phân tích là năng lực chia thông tin thành nhiều thành tố để biết được các mối quan hệ nội tại và cấu trúc của chúng.

Các động từ khởi đầu thường dùng: phân tích, lý giải, thẩm định, bố trí, bóc

tách, phân loại, tính toán, kết nối, so sánh, xác định, phân biệt, điều tra, khảo sát, đặt câu hỏi, suy luận.

- Tổng hợp (Synthesis)

Tổng hợp là năng lực liên kết các thông tin lại với nhau tạo ra ý tưởng mới, khái quát hóa các thông tin suy ra các hệ quả.

Các động từ khởi đầu thường dùng: biện luận, sắp đặt, phân loại, thu thập, phối hợp, kiến tạo, tạo ra, thiết kế, phát triển, giải thích, thiết lập, tích hợp, tổ chức, tái cấu trúc, tóm tắt, lập kế hoạch.

- Đánh giá (Evaluation)

Đánh giá là năng lực đưa ra nhận định, phán quyết về giá trị thông tin, vấn đề, sự vật, hiện tượng theo một mục đích cụ thể.

Các động từ khởi đầu thường dùng: thẩm định, khẳng định, liên hệ, đánh giá, so sánh, giải thích, giải nghĩa, quyết định, phán quyết, khuyến cáo, chỉnh sửa, tóm lược, phê chuẩn, xếp hạng, hỗ trợ, dự đoán.

Trong đề tài này, người nghiên cứu chỉ sử dụng ba mức độ đầu tiên trong sáu mức độ nhận thức của Benjamin S. Bloom để phục vụ cho quá trình nghiên cứu.

c) Các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức của cá nhân

Trong quá trình hoàn thiện nhân cách, con người chịu ảnh hưởng bởi rất nhiều yếu tố. Ngoài yếu tố di truyền là tiền đề sinh lý còn có các yếu tố khác như môi trường sống, yếu tố giáo dục nhà trường, hoạt động giao tiếp của cá nhân. Các yếu tố này có ảnh hưởng lớn đến việc nhận thức của các em nói chung và nhận thức về các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với người khác nói riêng.

- Bẩm sinh – di truyền

Bao gồm những đặc điểm cấu tạo thể chất, thần kinh, gen,.. những yếu tố này ảnh hưởng đến tốc độ và giới hạn của sự phát triển. Nói cách khác di truyền tạo tiền đề quan trọng cho sự hình thành và phát triển nhận thức của học sinh.

- Môi trường sống

Bao gồm môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Môi trường giữ vai trò ảnh hưởng quan trọng đến việc hình thành hệ thống định hướng giá trị ở mỗi cá nhân, trong đó có chi phối cách hiểu, nhìn nhận, đánh giá của cá nhân.

- Yếu tố giáo dục

Giáo dục có vai trò định hướng cho sự phát triển nhận thức của cá nhân. Giáo dục là sự tác động có mục đích, có tổ chức nên nó là nhân tố chủ đạo trong sự phát triển nhận thức của trẻ. Trong giáo dục thì có giáo dục gia đình, giáo dục ở nhà trường và quá trình tự giáo dục của trẻ em.

Trong đề tài này chúng tôi nghiên cứu mức độ ảnh hưởng của phong cách giáo dục của cha mẹ trong giáo dục gia đình đối với nhận thức của học sinh THCS về giá trị đạo đức.

1.2.2.2. Giá trị đạo đức

a) Giá trị

- Khái niệm giá trị

Giá trị là khái niệm được bàn đến và sử dụng từ rất sớm trong lịch sử tư tưởng, bắt đầu bằng quan niệm lợi ích của các nhà triết học cổ đại như Socrate, Platon và tiếp tục được phát triển trong thời trung cổ và cận đại. Tuy nhiên đến cuối thế kỷ XIX những vấn đề về bản chất, cấu trúc của giá trị, vị trí của giá trị trong hiện thực mới nghiên cứu với tư cách là lý luận về giá trị. Đến nửa sau thế kỷ XX, nhiều lĩnh vực khoa học bàn đến vấn đề giá trị một cách rộng rãi và sâu sắc hơn.

Trong mấy thập kỷ gần đây khái niệm giá trị được sử dụng rộng rãi trong nhiều ngành khoa học như Triết học, Xã hội học, Tâm lý học, Nhân chủng học.

Theo từ điển Bách khoa Toàn thư Xô Viết: “Giá trị là sự khẳng định hoặc phủ định ý nghĩa của các đối tượng thuộc thế giới xung quanh đối với con người, giai cấp, nhóm hoặc toàn bộ xã hội nói chung. Giá trị được xác định không phải bởi bản thân các thuộc tính tự nhiên, mà là bởi tính chất cuốn hút của các thuộc tính ấy vào phạm vi hoạt động sống của con người, phạm vi các hứng thú, nhu cầu, các mối quan hệ xã hội, các chuẩn mực và phương thức đánh giá ý nghĩa nói trên được biểu hiện trong các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức, trong lý tưởng, tâm thế và mục đích” [28].

Theo từ điển Triết học do M. M. Rozental (Liên Xô) chủ biên (1975) “Giá trị là những định nghĩa về mặt xã hội của các khách thể trong thế giới xung quanh nhằm nêu bật tác dụng tích cực hoặc tiêu cực của khách thể ấy đối với con người hoặc xã hội (Cái lợi, thiện và ác, cái đẹp và cái xấu nằm trong những hiện tượng của đời sống xã

hội hoặc tự nhiên). Xét bề ngoài, các giá trị là các đặc tính của sự vật hoặc hiện tượng, không phải đơn thuần do kết cấu bên trong của bản thân khách thể mà do khách thể bị thu hút vào phạm vi tồn tại xã hội của con người và trở thành cái mang những quan hệ xã hội nhất định. Đối với chủ thể (Con người), các giá trị là các đối tượng lợi ích của nó còn đối với ý thức của nó thì chúng đóng vai trò những vật định hướng hàng ngày trong thực trạng vật thể và xã hội, chúng biểu thị các quan hệ thực tiễn của con người đối với sự vật và hiện tượng xung quanh mình” [theo 1]

Theo từ điển Tiếng Việt: giá trị là cái con người dùng làm cơ sở để xem xét một vật có lợi ích đến mức nào đối với con người; cái mà con người dựa vào dùng để xem xét một người đáng quý đến mức nào về mặt đạo đức, trí tuệ, tài năng; những quan niệm và thực tại về cái đẹp, sự thật, điều thiện về xã hội; tính chất quy ra được thành tiền của một vật trong quan hệ mua bán, đổi chác, độ lớn của một đại lượng, một lượng biến thiên [62].

Theo tác giả J.H.Fichter- nhà xã hội học người Mỹ thì: “Tất cả cái gì có ích lợi, đáng ham chuộng, đáng kính phục đối với cá nhân hoặc xã hội đều có một giá trị” [theo 59].

Theo tài liệu “Giáo dục giá trị” (Bộ văn hóa thể thao Philipin), khái niệm giá trị được hiểu: “Một vật có giá trị khi nó được thừa nhận là có ích và mong muốn có được những thứ đó đã ảnh hưởng đến thái độ và hành vi của con người. Không chỉ có hàng hóa vật chất mà cả lý tưởng và những khái niệm đều có giá trị như: sự thật, công lý, lương thiện”[theo 59].

Tác giả T.Makiguchi (Nhà giáo dục Nhật Bản) cho rằng: “Giá trị là sự thể hiện có tính định lượng mối quan hệ giữa chủ thể đánh giá và đối tượng của việc đánh giá” [theo 59]

Tại Việt Nam, có nhiều công trình nghiên cứu về giá trị trong đó kể đến là công trình nghiên cứu của Giáo sư Trần Văn Giàu, Giáo sư Phạm Minh Hạc, Giáo sư Trần Trọng Thủy.

Giáo sư Trần Văn Giàu cho rằng: “Giá trị xuất hiện từ mối quan hệ giữa chủ thể và đối tượng, nghĩa là từ thực tiễn và chiến đấu của con người trong xã hội. Giá trị vì thế được xác định bởi sự đánh giá đúng đắn của con người xuất phát từ thực tiễn và

được kiểm nghiệm qua thực tiễn” [15].

Theo giáo sư Phạm Minh Hạc: “Giá trị là tính có nghĩa tích cực, đáng quý, có ích của các đối tượng với chủ thể” [20].

Giáo sư Trần Trọng Thủy khi nghiên cứu về giá trị, định hướng giá trị và nhân cách cũng xem giá trị là một hiện tượng xã hội điển hình, biểu thị các sự vật, hiện tượng, các thuộc tính và quan hệ của hiện thực, các tư tưởng, các chuẩn mực, mục đích và lý tưởng, các hiện tượng của tự nhiên và xã hội được con người tạo ra nhưng đều phục vụ cho sự tiến bộ của xã hội và sự phát triển của cá nhân con người [53].

Qua một số quan điểm nêu trên thì khái niệm về giá trị đều có chung những đặc điểm như sau:

- Là mức độ có ích, có ý nghĩa đối với con người, gắn liền với nhu cầu của con người, được con người đánh giá và thừa nhận.

- Mang tính khách quan, tức là xuất hiện, tồn tại hay mất đi của giá trị nào đó không phụ thuộc ý thức của con người.

- Trong mọi giá trị đều chứa đựng yếu tố nhận thức, tình cảm, hành vi của chủ thể trong mối quan hệ với vật mang giá trị.

- Giá trị là một phạm trù lịch sử vì giá trị thay đổi theo những điều kiện xã hội – lịch sử cụ thể, phụ thuộc vào tính dân tộc, tôn giáo, cộng đồng.

Trên cơ sở kế thừa các quan điểm về khái niệm giá trị, người nghiên cứu tiếp nhận khái niệm giá trị là: *những cái có ích lợi, ý nghĩa mà cá nhân, tập thể, xã hội cần đến như một nhu cầu, được thể hiện qua nhận thức, tình cảm, hành vi của chủ thể trong mối quan hệ với vật mang giá trị. Nó được đánh giá và có thể thay đổi theo những điều kiện xã hội – lịch sử cụ thể tùy thuộc vào sự phát triển của nhân cách.*

- Phân loại giá trị

Có nhiều cách phân loại giá trị khác nhau. Tùy thuộc vào mục đích tiếp cận mà các tác giả nêu lên các căn cứ khác nhau về giá trị.

Trong tác phẩm “Sự tận cùng của của triết học” của Mark Lila (Hoa Kỳ) [theo59] tác giả đã nêu các loại giá trị như sau:

- * Lí trí

- * Tình cảm

- * Vinh dự
- * Phẩm giá
- * Đạo đức.

Theo nhà giáo dục học J.Makiguchi [theo 59], dựa trên hệ thống thang bậc giá trị, được sắp xếp theo thứ tự Thiện, Ích, Mỹ mà ông chia thành ba loại giá trị:

- * Giá trị kinh tế
- * Giá trị đạo đức
- * Giá trị thẩm mỹ

Theo M. Popop và J.R. William [theo 59], căn cứ vào các giá trị chi phối hệ thống hành vi lớn của con người, tác giả đã đề xuất các giá trị gồm:

- * Giá trị tồn tại sinh học
- * Các giá trị tính cách
- * Các giá trị văn hoá
- * Các giá trị xã hội

Theo Thái Duy Tuyên [59] căn cứ vào các lĩnh vực hoạt động của con người, tác giả đã phân chia thành các nhóm giá trị:

- * Giá trị nhân văn
- * Giá trị đạo đức
- * Giá trị văn hoá
- * Giá trị chính trị, luật pháp
- * Giá trị kinh tế

Theo cách phân loại của Rokeach và được Grichtinj [59], tác giả đã thích nghi hoá cho phù hợp với xã hội Đài Loan thì có hai loại giá trị:

- * Giá trị mục đích
- * Giá trị công cụ

Mỗi cách phân loại giá trị thể hiện mỗi khía cạnh khác nhau, và không có cách phân loại nào thể hiện đầy đủ mọi phương diện của phạm trù giá trị. Điều quan trọng là các giá trị cần xác định chúng trong một hệ thống cấu trúc- cấu trúc, đặt chúng theo thứ bậc và chú ý tính đa dạng mọi phương diện biểu hiện của từng giá trị. Dựa vào mục đích và phạm vi nghiên cứu ban đầu đặt ra, người nghiên cứu chọn cách phân

loại theo tác giả Thái Duyên Tuyên làm cơ sở cho việc nghiên cứu. Theo đó, có thể quy về bốn nhóm giá trị như sau:

Nhóm giá trị nhân văn: Là những giá trị vì con người, hướng con người phấn đấu cho quyền phát triển tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc, được yêu thương và tôn trọng. Những giá trị nhân văn có tính chất chung cho toàn nhân loại, được thừa nhận ở mọi thời đại, mọi quốc gia, mọi dân tộc.

Nhóm giá trị đạo đức: Là những giá trị thể hiện lòng yêu thương và tôn trọng con người, quy định chuẩn mực đạo đức trong mối quan hệ giữa con người với nhau trong xã hội.

Nhóm giá trị chính trị - pháp luật: là những giá trị nói lên quyền lợi dân tộc, giai cấp, quyền công dân, mối quan hệ bình đẳng, công bằng, tự do, dân chủ và lý tưởng của người dân với thể chế Nhà nước.

Nhóm giá trị kinh tế: là những giá trị hướng con người vào hoạt động nghề nghiệp, kinh doanh làm tăng năng suất lao động, tăng lợi nhuận.

- Vai trò của giá trị

Giá trị có vai trò như những chuẩn mực, quy tắc để định hướng con người hướng tới mục tiêu, thúc đẩy và điều chỉnh hành động của con người nhằm đạt tới mục tiêu đó. Giá trị là cơ sở của việc đánh giá thái độ, hành vi nào là đúng và nên có, ngược lại hành vi nào là sai và không nên có. Các giá trị hình thành nên ý thức, thái độ và sức mạnh dư luận của đạo đức để đối phó với những hành vi đi ngược với lợi ích xã hội.

Giá trị có vai trò vô cùng quan trọng trong sự phát triển nhân cách, với hai chức năng cơ bản sau:

+ Thứ nhất, giá trị là cơ sở cho sự hình thành và bảo tồn những định hướng giá trị trong ý thức của con người, cho phép cá nhân giữ một lập trường xác định, bày tỏ quan điểm của mình, đánh giá và phê phán. Các giá trị là bộ phận của ý thức mà nếu thiếu nó thì không thể có nhân cách.

+ Thứ hai, giá trị thúc đẩy hành vi, hoạt động, bởi vì sự định hướng của con người trong thế giới xung quanh và nguyện vọng đạt được các mục đích riêng lẻ của họ đều được đối chiếu với các giá trị nằm trong cấu trúc nhân cách.

b) Đạo đức

- Khái niệm đạo đức

Từ thời cổ đại, đạo đức bao giờ cũng là một bộ phận của triết học ở mọi hệ thống triết học lớn, những vấn đề đạo đức thường là những vấn đề trung tâm. Cho đến bây giờ khái niệm đạo đức trở thành đối tượng nghiên cứu của rất nhiều ngành khoa học về con người như Triết học, Đạo đức học, Tâm lý học, Giáo dục học.

Đạo đức theo nghĩa gốc trong tiếng La tinh là “mos” - lễ thói, có nghĩa là nói đến những lễ thói, tập tục và biểu hiện mối quan hệ nhất định giữa người với người trong sự giao tiếp với nhau hàng ngày.

Theo từ điển Tiếng Việt của Viện ngôn ngữ học, Nhà xuất bản Đà Nẵng (2002): “Đạo đức là những nguyên tắc được dư luận xã hội thừa nhận, qui định hành vi quan hệ của con người đối với nhau và đối với xã hội”, “Là phẩm chất tốt đẹp của con người do tu dưỡng theo những chuẩn mực đạo đức mà có”.

Theo góc nhìn của Triết học thì đạo đức là một lĩnh vực của ý thức xã hội, là một mặt của hoạt động xã hội, là một hình thái chuyên biệt của quan hệ xã hội, thực hiện chức năng xã hội hết sức quan trọng là điều chỉnh hành vi con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đạo đức ra đời do nhu cầu của xã hội để điều hòa và thống nhất giữa lợi ích chung của xã hội với lợi ích riêng của cá nhân, nhằm đảm bảo trật tự xã hội và khả năng phát triển của xã hội và cá nhân. Như vậy nó là một hệ thống của hình thái ý thức xã hội, một trong những hình thái ý thức xã hội. Đạo đức là một hiện tượng xã hội. Đạo đức của một xã hội nhất định biểu thị cụ thể thành một hệ thống chuẩn mực đạo đức tương ứng của tất cả các nội dung nói trên, tạo thành ý thức đạo đức của một xã hội nhất định, phản ánh một tồn tại nhất định. Ý thức đạo đức xã hội thay đổi tùy theo hình thái kinh tế - xã hội và chế độ chính trị - xã hội khác nhau vì tồn tại xã hội bao giờ cũng qui định ý thức xã hội. Tuy nhiên, trong đạo đức của các chế độ chính trị - xã hội khác nhau cũng có một số vấn đề đạo đức giống nhau, như lòng nhân ái, tính tự trọng, khiêm tốn, lễ độ,.. nhưng trong lĩnh vực đạo đức căn bản vẫn là “xã hội nào thì đạo đức ấy”[37].

Theo góc độ đạo đức học, đã có nhiều quan niệm khác nhau về vấn đề đạo đức nhưng ở mức độ khái quát nhất chúng ta có thể hiểu đạo đức là một hình thái ý thức xã

hội bao gồm một hệ thống các qui tắc, chuẩn mực xã hội nhằm điều chỉnh hành vi, đánh giá cách ứng xử con người trong quan hệ với nhau và quan hệ xã hội, chúng được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, truyền thống dân tộc, sức mạnh của dư luận xã hội. Mỗi cá nhân là một thành viên của xã hội và bao giờ cũng tồn tại trong một xã hội nhất định. Mọi hoạt động sống của cá nhân luôn diễn ra mối quan hệ hai chiều với các cá nhân khác và với cả xã hội. Trong quá trình quan hệ qua lại với nhau các cá nhân thường đưa ra những yêu cầu, nguyên tắc, đòi hỏi cho mình, cho người khác và cho xã hội nhằm làm cho các mối quan hệ qua lại với nhau được diễn ra và đảm bảo lợi ích của các cá nhân tham gia vào mối quan hệ đó [1].

Dưới góc nhìn của tâm lý học, đạo đức là một bộ phận, một thành phần trong cấu trúc nhân cách, bao gồm hệ thống phẩm chất (đức), và hệ thống năng lực (tài).

Trong giáo dục học, đạo đức là hệ thống những chuẩn mực của xã hội buộc các thành viên trong xã hội đó phải tuân theo. Những chuẩn mực mà cá nhân tự đề ra cho bản thân mình càng phù hợp với hệ thống chuẩn mực của xã hội thì càng có đạo đức.

Theo Phạm Khắc Chương, Hà Nhật Thăng [8] “Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là tổng hợp những qui tắc, nguyên tắc, chuẩn mực xã hội nhờ đó mà con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với lợi ích, hạnh phúc của con người và với tiến bộ xã hội trong quan hệ giữa con người với con người, giữa cá nhân với xã hội”.

Trong đời sống hàng ngày, khái niệm đạo đức dùng để đánh giá tình cảm, thái độ, hành vi của mỗi con người so với những chuẩn mực đạo đức xã hội của mỗi thời kỳ lịch sử. Như vậy, khái niệm đạo đức ở đây được dùng để nhận xét nhân phẩm của mỗi người so với những chuẩn mực đạo đức xã hội, thể hiện trong quan hệ giao tiếp, ứng xử với mọi người xung quanh và so với bản phận, trách nhiệm đòi hỏi.

Trên cơ sở kế thừa các cách hiểu trên, người nghiên cứu tiếp cận khái niệm đạo đức là toàn bộ những phẩm chất tốt đẹp của con người trong giao tiếp, ứng xử với bản thân, với người khác, với cộng đồng.

c) Giá trị đạo đức

Giá trị đạo đức, nhìn từ góc độ cấu thành hệ thống các giá trị tinh thần của đời sống xã hội, là một hình thái của giá trị tinh thần, có quan hệ chặt chẽ, tác động lẫn

nhau với các giá trị khoa học, giá trị thẩm mỹ, giá trị chính trị,.. Giá trị đạo đức đóng vai trò là một yếu tố cấu thành nên diện mạo một thời đại, một xã hội, một dân tộc, một nền văn hóa.

Xét trên bình diện xã hội, giá trị đạo đức được định nghĩa: “*Là những chuẩn mực, những khuôn mẫu lý tưởng và những quy tắc ứng xử nhằm điều chỉnh và chuẩn hóa hành vi của con người*” [68].

Xét trên phương diện lựa chọn, đánh giá của con người thì giá trị đạo đức “*Là những cái được con người lựa chọn và đánh giá như việc làm có ý nghĩa tích cực đối với đời sống xã hội, được lương tâm đồng tình và dư luận biểu dương*” [68].

Từ những quan điểm trên, theo chúng tôi giá trị đạo đức được hiểu là: *Các chuẩn mực, quy tắc ứng xử được con người hay nhóm người đánh giá, lựa chọn và áp dụng một cách có ích thể hiện trong nhận thức, thái độ và hệ thống hành vi đối với các mối quan hệ trong đời sống, được lương tâm đồng tình và dư luận biểu dương.*

d) Nhận thức giá trị đạo đức

Định hướng giá trị đạo đức là sự nhận thức, đánh giá, lựa chọn các giá trị đạo đức trong quá trình hoạt động của cá nhân, từ đó thúc đẩy, điều chỉnh hành vi, hành động của mình nhằm hình thành tâm lý và phát triển nhân cách. Vì vậy, hoạt động nhận thức về các giá trị đạo đức là cơ sở, nền tảng để cá nhân thực hiện một hành vi đạo đức.

Những tư tưởng đạo đức và chuẩn mực đạo đức xã hội có trở thành các quan hệ đạo đức trong đời sống xã hội hay không, điều đó không chỉ phụ thuộc vào tính đúng đắn, tư tưởng đạo đức, của các chuẩn đạo đức, vào việc tuyên truyền, giáo dục trong xã hội, mà còn phụ thuộc rất lớn vào khả năng tiếp nhận và chuyển hoá nó trong hoạt động nhận thức của mỗi chủ thể đạo đức. Thông qua sự lựa chọn, đánh giá của các chủ thể đạo đức về những tư tưởng, chuẩn mực đạo đức, trong bản thân họ hình thành niềm tin, lý tưởng đạo đức và các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức trong quan hệ ứng xử của chính họ.

Hoạt động nhận thức các giá trị đạo đức cũng bao gồm hai trình độ: tình cảm và tư tưởng đạo đức, kinh nghiệm và lý luận đạo đức.

Nhận thức đạo đức ở trình độ kinh nghiệm hoặc tình cảm đạo đức gắn liền với

hoạt động thực tiễn, với các quan hệ đạo đức của xã hội và luôn chịu ảnh hưởng của dư luận, tập quán, truyền thống đạo đức. Quá trình này hình thành nên ở chủ thể đạo đức những hình ảnh, những "thân tượng" được coi là chuẩn mực trực tiếp cho việc đánh giá, điều chỉnh hành vi đạo đức của họ. Chẳng hạn, một đứa trẻ thường thông qua việc quan sát những hành vi ứng xử của bố mẹ nó với bạn bè, với những người thân trong gia đình, với công việc... nó cũng sẽ làm như bố mẹ đã làm trước đây. Nhận thức đạo đức ở trình độ tư tưởng hoặc lý luận là nhận thức có tính nguyên tắc được chỉ đạo bởi những lợi ích căn bản của giai cấp, của xã hội. Thông qua quá trình nhận thức cũng như hoạt động thực tiễn, chủ thể đạo đức phân tích, đánh giá, lựa chọn các tư tưởng đạo đức và các chuẩn mực đạo đức trong xã hội để trên cơ sở đó, chứng minh, lý giải các tư tưởng đạo đức và các chuẩn mực đạo đức được hình thành trong bản thân nó là đúng đắn và hợp lý, để tiếp thu cái đúng, cái hợp lý và phê phán những sai trái trong các tư tưởng và chuẩn mực đạo đức khác. Như vậy, có thể nói, giá trị đạo đức được hình thành ở mỗi cá nhân luôn phụ thuộc vào việc các cá nhân ấy được giáo dục và tiếp nhận những tư tưởng và các chuẩn mực đạo đức đúng đắn của xã hội.

Nhận thức của con người đối với các giá trị đạo đức của con người bao gồm những vấn đề sau.

- Sự hiểu biết của chủ thể về các giá trị đạo đức trong các mối quan hệ, cụ thể như với bản thân, gia đình, bạn bè, thầy cô, học tập, cộng đồng xã hội. Để từ đó chủ thể biết đâu là giá trị đạo đức đúng đắn, đâu là giá trị sai đối với cá nhân, đối với cộng đồng và dân tộc. Chủ thể biết gọi tên, xác định những hiện tượng đạo đức của bản thân mình và xung quanh.

- Nhận thức về sự cần thiết của các giá trị đạo đức mới trong cuộc sống hiện đại như năng động, tự lập, tự chủ, độc lập, sáng tạo, dũng cảm,.. hiểu được mọi sự vật hiện tượng luôn tồn tại trong môi quan hệ phát triển, xã hội cũng luôn vận động, phát triển, các giá trị đạo đức cũng luôn vận động, biến đổi không ngừng. Vì thế mà con người cần phải biết chọn lọc, biết thay đổi để thích nghi với cuộc sống, thích nghi với các giá trị đạo đức, lối sống mới.

- Nhận thức được sự cần thiết phải biết kết hợp hài hòa giữa những giá trị truyền thống của dân tộc và các giá trị đạo đức hiện đại.

Nghiên cứu nhận thức về giá trị đạo đức ở trong đề tài này chúng tôi chỉ đi sâu tìm hiểu nhận thức về giá trị đạo đức ở phương diện là sự hiểu biết của chủ thể về các giá trị đạo đức trong mối quan hệ xung quanh biểu hiện ở việc chủ thể biết gọi tên, xác định những hiện tượng đạo đức của bản thân và xung quanh.

1.2.3. Đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh THCS

1.2.3.1. Một số đặc điểm phát triển nhận thức của học sinh THCS

Từ học sinh tiểu học chuyển lên các lớp ở THCS là quá trình trẻ em thực hiện bước chuyển về phương thức hoạt động và trình độ phát triển mới về tâm lý, ý thức. Ở học sinh THCS bắt đầu có sự phân tích nhiệm vụ trí tuệ đặt ra cho nó với ý đồ vạch ra các mối quan hệ có thể có trong các dữ kiện đã cho, tạo ra những giả định khác nhau về những liên hệ của chúng và sau đó kiểm tra những giả thiết này. Đó là kỹ năng biết sử dụng những giả thiết để giải quyết các nhiệm vụ trí tuệ. Nhờ đó các khái niệm được hình thành trong giai đoạn này là các khái niệm khoa học, khái niệm lý luận đạt tới trình độ lý tính.

Nét đặc trưng của trình độ tư duy này là học sinh ý thức được các thao tác trí tuệ của bản thân mình và điều khiển được chúng. Quá trình này cũng trở thành đặc trưng cho cả những chức năng tâm lý khác. Ngôn ngữ được kiểm tra và điều khiển sao cho những lời viết ra, nói ra cho đúng, cho hay, cho đẹp.

Những tri thức mang tính khái niệm, tính khái quát, tính lôgic của tài liệu học tập thuộc các bộ môn đòi hỏi ở thiếu niên tính tích cực trí tuệ cao, đòi hỏi sự tập trung chú ý có chủ định, đòi hỏi sự ghi nhớ có ý nghĩa. Do đó cùng với sự phát triển trí tuệ ở tuổi thiếu niên, các phẩm chất khác của quá trình nhận thức như tri giác, tưởng tượng, tư duy cũng phát triển mạnh mẽ.

Hoạt động tư duy của học sinh trung học cơ sở có những biến đổi cơ bản:

Tư duy nói chung và tư duy trừu tượng nói riêng phát triển mạnh là một đặc điểm cơ bản của hoạt động tư duy ở thiếu niên. Nhưng thành phần của tư duy hình tượng - cụ thể vẫn được tiếp tục phát triển, nó vẫn giữ vai trò quan trọng trong cấu trúc của tư duy.

Các em hiểu các dấu hiệu bản chất của đối tượng nhưng không phải bao giờ cũng phân biệt được những dấu hiệu đó trong mọi trường hợp. Khi nắm khái niệm các

em có khi thu hẹp hoặc mở rộng khái niệm không đúng mức.

Ở tuổi thiếu niên, tính phê phán của tư duy cũng được phát triển, các em biết lập luận giải quyết vấn đề một cách có căn cứ. Các em không dễ tin như lúc nhỏ, nhất là ở lứa tuổi này, các em đã biết vận dụng lí luận vào thực tiễn, biết lấy những điều quan sát được, những kinh nghiệm riêng của mình để minh họa kiến thức.

Nhận thức của tuổi này về thế giới xung quanh khác với nhận thức của người lớn. Các em có một thế giới về mình với những quyền lợi, điều tốt, điều phải riêng của chúng. Các em ít có khả năng nhận biết rõ ràng mối quan hệ giữa bản thân nó với người khác và ít có khả năng nhận biết rõ các sự kiện mà chúng không liên quan trực tiếp đến chính bản thân.

1.2.3.2. Đặc điểm phát triển nhân cách của học sinh THCS

a) Sự hình thành tự ý thức

Một trong những đặc điểm quan trọng của sự phát triển nhân cách ở lứa tuổi thiếu niên là sự hình thành tự ý thức.

Sự bắt đầu hình thành và phát triển tự ý thức ở học sinh THCS đã tác động sâu sắc đến toàn bộ đời sống tâm lý của các em.

Do sự phát triển mạnh mẽ của cơ thể, đặc biệt do sự phát triển của các mối quan hệ xã hội và sự giao tiếp trong tập thể mà ở các em đã biểu hiện nhu cầu tự đánh giá nhu cầu so sánh mình với người khác. Các em đã bắt đầu xem xét mình, vạch cho mình một nhân cách tương lai, muốn hiểu biết mặt mạnh, mặt yếu trong nhân cách của mình. Mức độ tự ý thức của các em cũng có sự khác nhau.

Nội dung của sự tự ý thức ở lứa tuổi này bắt đầu từ sự ý thức hành vi của mình. Lúc đầu các em nhận thức những hành vi riêng lẻ sau đó là toàn bộ hành vi của bản thân. Học sinh THCS đã có thể tự nhận thức về những phẩm chất đạo đức, tính cách và khả năng của mình.

Về cách thức, ban đầu các em còn dựa vào đánh giá của những người gần gũi và có uy tín với mình. Dần dần các em hình thành khuynh hướng độc lập phân tích và đánh giá bản thân. Nhưng khả năng tự đánh giá của thiếu niên còn hạn chế, chưa đủ khách quan,.. do đó, nảy sinh những xung đột, mâu thuẫn giữa mức độ kì vọng của các em với địa vị thực tế của chúng trong tập thể; mâu thuẫn giữa thái độ của các em

đối với bản thân, đối với những phẩm chất nhân cách của mình và thái độ của các em đối với người lớn, đối với bạn bè cùng lứa tuổi.

Ý nghĩa quyết định nhất để phát triển tự ý thức ở lứa tuổi này cuộc sống tập thể của các em, nơi mà nhiều mối quan hệ giá trị đúng đắn, mối quan hệ này sẽ hình thành ở các em lòng tự tin vào sự tự đánh giá của mình, là những yêu cầu ngày càng cao đối với hành vi, hoạt động của các em... cũng đồng thời giúp cho sự phát triển về mặt tự ý thức của các em.

Việc nhận thức về mình còn thông qua việc đối chiếu so sánh mình với người khác. Nhưng khi đánh giá người khác, các em còn chủ quan, nông cạn, nhiều khi chỉ dựa vào một vài hình tượng không rõ ràng các em đã vội kết luận hoặc chỉ chú ý vào một vài phẩm chất nào đó mà quy kết toàn bộ. Vì thế, người lớn rất dễ mà cũng rất khó gây uy tín với thiếu niên. Và khi đã có kết luận đánh giá về một người nào đó, các em thường có ấn tượng dai dẳng, sâu sắc.

Trong quá trình tự ý thức, ở học sinh THCS xuất hiện mâu thuẫn giữa nhu cầu tìm hiểu bản thân và kỹ năng chưa đầy đủ của các em trong việc phân tích đúng đắn sự bộc lộ của bản thân mình. Do vậy, ở lứa tuổi này dễ nảy sinh xung đột, mâu thuẫn giữa mức độ kì vọng của các em với địa vị thực tế của mình trong tập thể.

Ở lứa tuổi thiếu niên, các em bắt đầu biết ý thức về bản thân mình. Các em biết tự đánh giá mình. Vấn đề này đã giúp cho các em bắt đầu nhận thức rõ hơn về bản thân, biết đánh giá về những mặt tốt và chưa tốt của mình. Sự nghĩ về tự thân, suy ngẫm về thế giới nội tâm của các em cũng đã mở rộng sang cả lĩnh vực xúc cảm gắn với sự phân tích, đánh giá những tình cảm đã trải nghiệm. Vì thế có một số em tỏ ra hối hận, ăn năn về những tình cảm không tốt của mình, đôi khi các em căm thù chính bản thân mình.

Sự phát triển tự ý thức của thiếu niên có ý nghĩa lớn lao ở chỗ, nó thúc đẩy các em bước vào một giai đoạn mới. Kể từ tuổi thiếu niên trở đi, khả năng tự giáo dục của các em được phát triển, các em không chỉ là khách thể của quá trình giáo dục mà còn đồng thời là chủ thể của quá trình này.

Ở nhiều em, tự giáo dục còn chưa có hệ thống, chưa có kế hoạch, các em còn lúng túng trong việc lựa chọn biện pháp tự giáo dục. Vì vậy, nhà giáo dục cần tổ chức

cuộc sống và hoạt động tập thể phong phú, hấp dẫn, lôi cuốn các em vào hoạt động chung của tập thể, tổ chức tốt mối quan hệ giữa người lớn và các em.

b) Sự hình thành đạo đức

Khi đến trường, trẻ được lĩnh hội chuẩn mực và quy tắc hành vi đạo đức một cách có hệ thống.

Đến tuổi thiếu niên, do sự mở rộng quan hệ xã hội, do sự phát triển mạnh mẽ của tự ý thức,.. mà trình độ đạo đức của các em được phát triển mạnh. Sự hình thành ý thức đạo đức nói chung, sự lĩnh hội tiêu chuẩn của hành vi đạo đức nói riêng là đặc điểm tâm lí quan trọng trong lứa tuổi thiếu niên.

Sự hình thành và phát triển đạo đức ở học sinh THCS là một quá trình lâu dài và phức tạp. Trong quá trình đó các yếu tố bên ngoài và động lực bên trong thường xuyên tác động lẫn nhau, như những yếu tố có vai trò nhất định và có thể thay đổi. Nhờ giáo dục, những yếu tố bên trong dần dần chiếm ưu thế, lấn át những yếu tố bên ngoài trong việc điều chỉnh hành vi của học sinh. Nhờ giáo dục, tri thức đạo đức của học sinh dần dần chuyển thành niềm tin đạo đức, khi đó thì mọi hành vi của học sinh được định hướng đúng đắn.

Sự hình thành đạo đức của học sinh THCS là do ảnh hưởng tác động bên ngoài, là do tác động của giáo dục nhà trường trong đó có tập thể, của giáo dục gia đình và xã hội, dần dần chuyển thành sự tự giáo dục. Tự giáo dục là hành động tự giác mà mỗi cá nhân thực hiện với bản thân mình nhằm khắc phục những hành vi trái đạo đức, đồng thời củng cố những hành vi đạo đức của mình, góp phần tích cực hình thành và phát triển nhân cách.

Những nghiên cứu tâm lí học cho thấy trình độ nhận thức đạo đức của thiếu niên là cao. Thiếu niên hiểu rõ những khái niệm đạo đức vừa sức đối với chúng...

Nhưng cũng có cả những kinh nghiệm và khái niệm đạo đức hình thành một cách tự phát ngoài sự hướng dẫn của giáo dục, do ảnh hưởng của những sự kiện trong sách, phim, bạn bè xấu,.. do vậy, các em có thể có những ngộ nhận hoặc hiểu phiến diện, không chính xác một số khái niệm đạo đức. Trong công tác giáo dục cần chú ý giúp các em hiểu được khái niệm đạo đức một cách chính xác và tổ chức hành động để thiếu niên có được kinh nghiệm đạo đức đúng đắn.

c) Giao tiếp của thiếu niên với người lớn

Cảm giác mình đã là người lớn được thể hiện rất phong phú về nội dung và hình thức. Các em quan tâm đến hình thức, tác phong, cử chỉ,.. và những khả năng của bản thân.

Các em thiếu niên không còn là trẻ con nữa. Chính các em cũng ý thức được vấn đề này. Cho nên các em có nhu cầu muốn trở thành người lớn, muốn tự khẳng định mình và muốn được xem là người lớn. Điều này đã đưa đến sự hình thành tính tích cực xã hội trong các em. Các em thích được tham gia vào các hoạt động tập thể, các hoạt động mang tính xã hội. Các em có nguyện vọng muốn đem lại điều tốt lành cho mọi người - giúp mọi người trong cơn hoạn nạn, ốm đau; cảm thông sâu sắc với những nỗi khổ cực, bất hạnh của người khác. Những mong muốn này thường được các em ý thức rõ ràng, song đôi khi cũng chưa được ý thức một cách đầy đủ. Hơn nữa, các em còn có tính bông bột, thiếu chín chắn trong suy nghĩ và thiếu thận trọng trong công việc. Cho nên nhiều người lớn vẫn xem thiếu niên là trẻ con. Đây là nguyên nhân dẫn đến sự khó khăn trong mối quan hệ giữa thiếu niên và người lớn. Khó khăn này sẽ được hóa giải nếu như người lớn biết tìm cho thiếu niên một vị trí phù hợp bên cạnh mình, nếu mối quan hệ giữa thiếu niên và người lớn được xem như là mối quan hệ “bạn bè”, hoặc là mối quan hệ có tính hợp tác với những chuẩn mực đặc trưng của người lớn – đó là sự tôn trọng, tin tưởng và giúp đỡ lẫn nhau.

Các em đòi hỏi, mong muốn người lớn quan hệ đối xử với mình bình đẳng như đối xử với người lớn, không can thiệp quá tỉ mỉ vào một số mặt trong đời sống riêng của các em. Thiếu niên bắt đầu chống đối những yêu cầu mà trước đây nó vẫn thực hiện một cách tự nguyện. Các em bảo vệ ý kiến của mình không chỉ trong lời nói mà cả trong hành động.

Cảm giác về sự trưởng thành và nhu cầu được người lớn thừa nhận nó là người lớn đã đưa đến vấn đề quyền hạn của người lớn và các em trong quan hệ với nhau. Các em mong muốn hạn chế quyền hạn của người lớn, mở rộng quyền hạn của mình. Các em cần người lớn tôn trọng nhân cách, phẩm giá, tin tưởng và mở rộng tính độc lập của các em.

Nguyện vọng muốn được tin tưởng và độc lập hơn, muốn được quyền bình

đẳng nhất định với người lớn có thể thúc đẩy các em tích cực hoạt động, chấp nhận những yêu cầu đạo đức của người lớn và phương thức hành vi trong thế giới người lớn, khiến các em xứng đáng với vị trí xã hội tích cực. Nhưng mặt khác nguyện vọng này cũng có thể khiến các em chống cự, không phục tùng những yêu cầu của người lớn.

Cần phải thấy: nhu cầu và nguyện vọng của thiếu niên là chính đáng, người lớn phải thay đổi thái độ đối xử đối với thiếu niên. Nếu người lớn không chịu thay đổi quan hệ với các em, thì các em sẽ trở thành người khởi xướng thay đổi mối quan hệ này. Nếu người lớn chống đối, sẽ gây ra những phản ứng của các em với người lớn dưới dạng bướng bỉnh, bất bình, không vâng lời,.. Nếu người lớn thấy sự phản đối của các em, mà không suy xét về phía mình để thay đổi quan hệ với các em, thì sự xung đột của các em với người lớn còn kéo dài đến hết thời kì của lứa tuổi này.

Những quan hệ xung đột giữa các em và người lớn làm nảy sinh những hành vi tương ứng ở các em: xa lánh người lớn, không tin tưởng vào người lớn, cho rằng người lớn không hiểu các em và không chịu hiểu các em, khó chịu một cách có ý thức với những yêu cầu, những đánh giá, những nhận xét của người lớn. Tác động giáo dục của người lớn đối với các em bị giảm sút.

Chính sự không thay đổi thái độ của người lớn khi thiếu niên đang trở thành người lớn là nguyên nhân gây ra “đụng độ” giữa thiếu niên với người lớn. Nếu người lớn không thay đổi thái độ, các em sẽ thái độ chống đối, các em sẽ xa lánh người lớn, cho rằng người lớn không hiểu và không thể hiểu mình...

1.2.3.3. Nhận thức về các giá trị đạo đức của học sinh THCS

Ở nội dung này chúng tôi nghiên cứu nhận thức của học sinh THCS về các giá trị đạo đức ở ba mức độ: hiểu, biết và vận dụng.

- Mức độ biết

Học sinh vận dụng trí nhớ nêu được định nghĩa của các giá trị, nhận ra và gọi tên được các giá trị đạo đức mà chưa cần giải thích điều gì.

Cách thức phù hợp để nhận thức về các giá trị đạo đức ở mức độ biết thể hiện ở việc trả lời những câu hỏi mang tính chất gợi nhớ, tái hiện những định nghĩa và gọi tên đúng giá trị đang thể hiện trong tình huống, câu chuyện.

- Mức hiểu

Ở mức độ hiểu học sinh phải hiểu được các khái niệm cơ bản về các giá trị đạo đức, có thể diễn đạt được bằng lời cách hiểu của mình. Hiểu được ý nghĩa của giá trị đạo đức trong các mối quan hệ, giải thích được tại sao cần phải có những giá trị đó. So sánh sự giống và khác nhau với những giá trị khác, phát hiện ra điểm sai điểm thiếu về giá trị.

Cách thức thể hiện nhận thức về các giá trị đạo đức ở mức độ hiểu là diễn giải, trình bày, phân biệt, phát hiện chỗ sai, bổ sung khuyết thiếu.

- Mức vận dụng

Ở cấp độ này học sinh phải vận dụng những kiến thức, sự hiểu biết về các giá trị đạo đức để ứng xử trong những tình huống mới.

Cách thức thể hiện nhận thức về các giá trị đạo đức ở mức độ hiểu là sử dụng thông tin, khái niệm đã biết để áp dụng, đánh giá, phát triển, điều chỉnh những giá trị đạo đức trong những tình huống mới.

- Các giá trị đạo đức cần giáo dục cho học sinh THCS

Ở trong các trường THCS việc giáo dục các giá trị đạo đức cho học sinh được thực hiện thông qua hoạt động dạy học đặc biệt là môn giáo dục công dân. Môn học này có vai trò, vị trí rất quan trọng trong giáo dục nhân cách học sinh, đặc biệt trong việc xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân cho học sinh THCS, thông qua các bài học người giáo viên sẽ trang bị, hình thành cho học sinh những phẩm chất, những chuẩn mực, hành vi đạo đức cần thiết trong cuộc sống một cách có hệ thống, đúng phương pháp, đúng quy trình. Căn cứ vào chương trình giáo dục công dân ở trường THCS thì nội dung giáo dục giá trị đạo đức cho học sinh bao gồm:

+ Nhóm 1: Những giá trị đạo đức với bản thân.

Bao gồm các giá trị đạo đức cụ thể: Tự trọng, trách nhiệm, trung thực, khiêm tốn, tự tin, dũng cảm, yêu cầu cao, tự phê bình,...

+ Nhóm 2: Những giá trị đạo đức trong mối quan hệ với gia đình.

Gồm các giá trị đạo đức như: Yêu thương, trách nhiệm, hiếu thảo, biết ơn, kính trọng, quan tâm, trung thực, uy tín,...

+ Nhóm 3: Những giá trị đạo đức trong mối quan hệ với thầy cô.

Gồm những giá trị đạo đức: Kính trọng, lễ phép, biết ơn, tôn trọng, quan tâm, trung thực, tin tưởng,...

+ Nhóm 4: Những giá trị đạo đức trong mối quan hệ với bạn bè.

Bao gồm những giá trị đạo đức như: Đoàn kết, bao dung, lịch sự, tôn trọng, quan tâm, đồng cảm,..

+ Nhóm 5: Những giá trị đạo đức trong học tập.

Bao gồm: Trung thực, chăm chỉ, nghiêm túc, cầu tiến, tự chủ, sáng tạo, tính có mục đích,...

+ Nhóm 6: Những giá trị trong đối với tổ quốc, cộng đồng xã hội, môi trường...

Trong đề tài này, người nghiên cứu đi sâu vào nghiên cứu nhận thức của học sinh về một số giá trị trong các mối quan hệ gần gũi với các em, là những giá trị đạo đức đối với bản thân, các giá trị trong mối quan hệ với gia đình, thầy cô, bạn bè và đối với hoạt động học tập.

1.2.4. Ảnh hưởng của phong cách làm cha mẹ đến nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS

1.2.4.1. Khái niệm ảnh hưởng

Ảnh hưởng là sự tác động của sự vật hiện tượng hay của con người đến sự vật hiện tượng khác và đưa đến một kết quả nào đó.

Như vậy, có thể hiểu ảnh hưởng vừa là sự tác động vừa là kết quả của sự tác động. Một sự vật hiện tượng được xem là chịu ảnh hưởng của sự vật hiện tượng khác khác khi mà nó chứa đựng những dấu vết, dấu hiệu, hình ảnh của sự vật hiện tượng tác động vào nó. Chính vì vậy, ảnh hưởng không chỉ là quá trình tác động mà ảnh hưởng còn là kết quả của quá trình đó. Ảnh hưởng có thể mang tính tự phát hay tự giác tùy vào hoàn cảnh cụ thể. Ảnh hưởng tự phát thường mang tính tự nhiên, không được bố trí, sắp đặt thậm chí đối tượng chịu ảnh hưởng có thể không nhận thấy được. Nếu mang tính tự giác thì quá trình ảnh hưởng đó được gọi là giáo dục. Ảnh hưởng tự giác chính là quá trình tác động có có định hướng, có mục đích thông qua những hình thức, phương pháp khác nhau và có sự hưởng ứng từ đối tượng được tác động làm hình thành những đặc điểm mới hay xóa bỏ những đặc điểm không còn phù hợp. Như vậy, với tư cách là một sự ảnh hưởng tự giác thì giáo dục là quá trình tác động có mục đích

làm biến đổi tâm lý, ý thức của các đối tượng được giáo dục. Ảnh hưởng đó có thể là ảnh hưởng qua lại một chiều hay hai chiều. Trong đề tài này chúng tôi chỉ nghiên cứu ảnh hưởng một chiều để xác định mức độ ảnh hưởng của phong cách giáo dục của cha mẹ đến nhận thức của học sinh THCS.

1.2.4.2. Ảnh hưởng của phong cách giáo dục của cha mẹ đến nhận thức về các giá trị đạo đức của học sinh THCS

Học sinh ở lứa tuổi THCS được sinh ra và lớn lên trong gia đình, được hưởng sự chăm sóc và nuôi nấng, giáo dục từ phía cha mẹ. Giáo dục trong gia đình của cha mẹ tác động mạnh mẽ ở giai đoạn ấu thơ của cuộc đời mỗi con người, vì con người Việt Nam gắn bó vô cùng chặt chẽ với đời sống gia đình nên có thể nói ảnh hưởng của giáo dục gia đình là hết sức to lớn, lâu dài suốt cả cuộc đời. Gia đình là môi trường xã hội hóa đầu tiên của con người. Trong môi trường này, cá nhân được lĩnh hội những quan niệm, những giá trị, chuẩn mực xã hội, những quy tắc, những khuôn mẫu, những tri thức và kinh nghiệm xã hội. Sự lĩnh hội, tiếp nhận này cho phép cá nhân tham gia hoạt động như những người bình thường trong xã hội. Chất lượng cuộc sống gia đình được trẻ hấp thu một cách tự nhiên. Hầu hết tất cả những gì xảy ra trong gia đình đều kết tinh ở trẻ, tạo thành các cấu trúc tâm lý nhân cách. Nó tạo ra cơ sở tâm lý giúp trẻ có khả năng nhận thức, đánh giá và thừa nhận các giá trị. Cấu trúc nhân cách có nhiều lớp nhưng lớp căn bản, có ý nghĩa nền tảng thường gọi là nhân cách cơ sở nói chung được hình thành trong môi trường gia đình. Trẻ không thể hình thành nhân cách và phát triển nhân cách đầy đủ và bền vững nếu không có một môi trường giáo dục đầy đủ và thuận lợi.

Mối liên hệ giữa cha mẹ và con cái cùng những phương thức, cách ứng xử của cha mẹ sẽ mang lại cho trẻ những hiểu biết, những kỹ năng và thái độ cần thiết đối với các sự vật, hiện tượng của thế giới xung quanh để đưa trẻ gia nhập vào đời sống xã hội. Xã hội càng phát triển thì càng làm tăng tầm quan trọng của giáo dục gia đình đối với sự hình thành và phát triển nhân cách thế hệ trẻ. Mục đích sâu xa của giáo dục gia đình là hướng tới xây dựng nhân cách con người, đạo lý làm người. Giáo dục của cha mẹ sẽ hướng dẫn cho trẻ nhận thức đúng đắn về những giá trị đích thực, những chuẩn mực và khuôn mẫu xã hội, những bổn phận, nghĩa vụ và quyền lợi, cũng như những

trật tự không chỉ trong gia đình mà ở cả ngoài xã hội.

Giáo dục của cha mẹ là một quá trình liên tục và lâu dài từ khi đứa trẻ hình thành ý thức đến tận tuổi già. Nó có đặc trưng riêng xuất phát từ tình cảm và thông qua tình cảm, thái độ, việc làm, hành vi ứng xử của người lớn mà trẻ học tập cách sống, cách nghĩ. Giáo dục của cha mẹ có phương pháp đặc biệt, cho dù là bằng thuyết phục, giảng giải, cùng trao đổi thân tình và làm gương trên cơ sở tình thương yêu, hay là những quy tắc, mệnh lệnh nghiêm khắc thì mục đích là vẫn muốn truyền thụ cho trẻ em trong gia đình được thực hiện đầy đủ, chính xác những chuẩn mực xã hội. Một thông tin có khi được thể hiện qua lời nói, có khi được thể hiện qua những hành vi ứng xử, cũng có khi bằng thái độ và trẻ em học tập, trưởng thành theo kiểu thấm nhuần dần. Trẻ em được sống trong những gia đình khác nhau với những người cha, người mẹ có phong cách dạy dỗ con cái khác nhau nhưng về cơ bản giáo dục gia đình sẽ giúp cho thế hệ trẻ tiếp nhận những kinh nghiệm, những chuẩn mực, những giá trị và những vai trò xã hội, mà những tri thức cốt yếu này chủ yếu được truyền thụ thông qua môi liên hệ, tác động giữa cha mẹ và con cái. Những ảnh hưởng từ hành vi, thái độ của cha mẹ đến trẻ thông qua mối quan hệ giữa cha mẹ và trẻ sẽ quyết định nhiều đến cách thức ứng xử mà trẻ sẽ trải qua sau này trong môi liên hệ với những người khác. Nhiều công trình nghiên cứu đã chỉ ra rằng cha mẹ độc đoán là người luôn khắt khe, bắt buộc con phải tuân theo những yêu cầu đã được cha mẹ vạch sẵn, quản lý gắt gao, họ mong muốn con phải phục tùng tuyệt đối, không cho phép con phản ứng, trao đổi hay có ý kiến, họ ít thể hiện sự yêu thương chăm sóc con cái. Con cái của những bậc cha mẹ này thì thường khó bảo, nhút nhát, lòng tự trọng thấp và thụ động trong mọi việc, hay nói dối. Cha mẹ dân chủ thì luôn khuyến khích con độc lập nhưng vẫn đặt ra những giới hạn và kiểm soát hoạt động của con. Họ rất quan tâm đến con, tạo cho con sự phát triển tốt về tâm lý, họ là người hỗ trợ rất vững chắc cho con nhất là lứa tuổi thiếu niên. Những đứa con của họ thường có lòng vị tha, dễ dàng chấp nhận và tuân theo những chuẩn mực, những quy định chung. Những đứa trẻ trong những gia đình cha mẹ tự do, dễ dãi thường thấp về năng lực nhận thức, kém tự chủ, độc lập. Riêng những trẻ không được cha mẹ quan tâm, bỏ mặc thì thường có xu hướng thiếu sự kiểm soát, kết quả học tập thấp, dễ trở thành những trẻ em hư hỏng. Như vậy, phong cách

giáo dục của cha mẹ có tác động ảnh hưởng đến sự tiếp nhận những kinh nghiệm, những chuẩn mực, những quy tắc ứng xử. Hay nói cách khác, phong cách giáo dục của cha mẹ ảnh hưởng đến mặt nhận thức của con đối với các giá trị đạo đức. Đặc điểm của mỗi kiểu phong cách giáo dục khác nhau nên sự tác động đến nhận thức là khác nhau [33].

Trong những gia đình cha, mẹ có phong cách giáo dục độc đoán với tính chất nghiêm khắc, khắt khe của cha mẹ, luôn yêu cầu con cái phải tuân thủ theo những ý kiến, quy tắc mình đưa ra mà không cần giải thích, không để cho con trình bày ý kiến. Như vậy, cha mẹ không thể là người thực hiện chức năng truyền thụ cho con những thông tin, những hiểu biết về những việc mà trẻ được phép làm hay không nên làm. Thêm vào đó việc thường xuyên sử dụng những hình phạt, kỷ luật làm cho con cái luôn có cảm giác lo sợ, chúng chỉ biết thực hiện đúng theo yêu cầu của cha mẹ một cách thụ động, không dám ngần ngại trao đổi hay bày tỏ ý kiến. Nhu cầu hiểu biết về chuẩn mực mà cha mẹ yêu cầu chúng thực hiện vì thế giảm dần [34].

Những đứa con ở các gia đình có cha mẹ tự do, dễ dãi thường mất hẳn sự chỉ đạo từ phía cha mẹ. Chúng thường ứng xử bột phát, không phù hợp với những quy tắc chung, dễ dãi với bản thân, không có trách nhiệm với bản thân và người khác. Mức độ nhận thức về các giá trị đạo đức không cao. Tương tự thì trẻ em trong những gia đình có cha mẹ thờ ơ, không quan tâm cũng như vậy, thậm chí chúng có nhận thức sai lệch về những giá trị đạo đức cơ bản trong các mối quan hệ hàng ngày [35].

Trong các gia đình có cha mẹ giáo dục con theo phong cách dân chủ luôn tạo cho con sự tự tin thoải mái. Các em cảm nhận mình được tôn trọng, quan tâm, yêu thương. Các em có thể nói lên những ý kiến, thắc mắc của mình. Các ý kiến của các em được cha mẹ lắng nghe, chia sẻ, được giải thích rõ ràng. Các em nhận thức đúng đắn về những việc mình làm, những việc không nên làm. Ở các em hình thành nên những hiểu biết về các giá trị đạo đức và tầm quan trọng của chúng trong cuộc sống hàng ngày thông qua học hỏi ở cách ứng xử, hành vi, thái độ hàng ngày của cha mẹ. Những giá trị đạo đức cơ bản sẽ được các em nhận thức ở mức độ cao [2].

Như vậy: *“Ảnh hưởng của phong cách giáo dục của cha mẹ đến nhận thức của học sinh THCS về các giá trị đạo đức là sự tác động có kết quả của phong cách giáo*

dục của cha mẹ đến các mức độ nhận thức về các giá trị đạo đức của họ”.

Tiểu kết chương 1

Phong cách là tổng hợp các phương pháp, cách thức, phản ứng, hành vi tương đối ổn định, có tính hệ thống và bền vững của con người trong hoạt động.

Phong cách giáo dục của cha mẹ là hệ thống ổn định về cách thức hành động và thể hiện thái độ của cha mẹ trong quá trình giáo dục con cái.

Có nhiều kiểu phong cách giáo dục của cha mẹ, trong đề tài này chúng tôi chia thành bốn kiểu phong cách: phong cách giáo dục dân chủ, phong cách giáo dục tự do, phong cách giáo dục độc đoán, phong cách giáo dục thờ ơ.

Học sinh THCS hay là tuổi thiếu niên được xác định vào khoảng từ 12 đến 15 tuổi. Đây là lứa tuổi có nhiều thay đổi đặc biệt về tâm lý, đặc biệt là sự phát triển tự ý thức. Sự phát triển tự ý thức của thiếu niên có ý nghĩa lớn lao đối với sự phát triển của các em, nó thúc đẩy các em bước vào một giai đoạn mới. Kể từ tuổi thiếu niên trở đi, khả năng tự giáo dục của các em được phát triển, các em không chỉ là khách thể của quá trình giáo dục mà còn đồng thời là chủ thể của quá trình này.

Do sự phát triển mạnh mẽ của tự ý thức và việc mở rộng các quan hệ xã hội mà trình độ đạo đức của các em được phát triển mạnh. Sự hình thành ý thức đạo đức nói chung, sự lĩnh hội tiêu chuẩn của hành vi đạo đức nói riêng là đặc điểm tâm lý quan trọng trong lứa tuổi học sinh THCS.

Nhận thức về giá trị của học sinh THCS là những hiểu biết của các em về các giá trị đạo đức trong các mối quan hệ. Trong đề tài này chúng tôi chỉ nghiên cứu ba mức độ nhận thức: mức biết, mức hiểu và mức vận dụng.

Mức độ nhận thức về các giá trị đạo đức của học sinh THCS chịu sự ảnh hưởng của nhiều yếu tố, trong đó có sự ảnh hưởng của phong cách giáo dục của cha mẹ. Ảnh hưởng của phong cách giáo dục của cha mẹ đến nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS là sự tác động có kết quả của phong cách giáo dục của cha mẹ đến mức độ nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh.

CHƯƠNG 2: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Tổ chức nghiên cứu

2.1.1. Khách thể nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu bao gồm:

- Mẫu nghiên cứu là học sinh: Gồm 370 em học sinh THCS có cha mẹ làm nghề nông thuộc bốn trường: trường THCS Chu Văn An (CVA), trường THCS Lê Quý Đôn (LQĐ), trường THCS Lý Thường Kiệt (LTK), trường THCS Nguyễn Trãi (NTr).

Đặc điểm của từng khách thể nghiên cứu là học sinh được nêu trong Bảng 2.1.

Bảng 2.1. Mẫu khách thể nghiên cứu là học sinh THCS

Các tiêu chí		SL	Tỉ lệ (%)
Trường	THCS Chu Văn An	94	25.4%
	THCS Lê Quý Đôn	104	28.1%
	THCS Lý Thường Kiệt	76	20.5%
	THCS Nguyễn Trãi	96	26.0%
Tổng		370	100%
Lớp	Lớp 7	128	34.6%
	Lớp 8	126	34.0%
	Lớp 9	116	31.4%
Tổng		370	100%
Giới tính	Nam	186	50.3%
	Nữ	184	49.7%
Tổng		370	100%
Học lực	Giỏi	92	24.9%
	Khá	167	45.1%
	Trung bình	100	27.0%
	Yếu	11	3.0%
Tổng		370	100%

Để có được mẫu nghiên cứu chính thức như trên, chúng tôi khảo sát ngẫu nhiên 762 em học sinh thuộc bốn trường nói trên, qua xử lý số liệu ban đầu, loại bỏ 60 phiếu không hợp lệ. Trên số phiếu còn lại của 702 học sinh, chúng tôi lấy ra 370 học sinh có đặc điểm chung là có đầy đủ cha mẹ và cha mẹ cùng làm nghề nông.

- Nhóm khách thể nghiên cứu là cha mẹ học sinh: gồm 370 cặp cha mẹ của các học sinh được nghiên cứu có đặc điểm chung là làm nông nghiệp.

Đặc điểm của từng khách thể nghiên cứu là học sinh được nêu trong Bảng 2. 2.

Bảng 2.2. Mẫu khách thể nghiên cứu là cha mẹ

Các tiêu chí		Cha		Mẹ	
		Số lượng	%	Số lượng	%
Tuổi	Dưới 35	28	7,6	35	9,5
	Từ 35 – 45	229	61,9	225	60,8
	Trên 45	113	30,5	110	29,7
Tổng		370	100%	370	100%
Lớp của con	Lớp 7	128	34,6	128	34,6
	Lớp 8	126	34,0	126	34,0
	Lớp 9	116	31,4	116	31,4
Tổng		370	100%	370	100%

- Mẫu khách thể phỏng vấn của đề tài bao gồm:

+ 12 gia đình (cha - mẹ - con) được chọn ngẫu nhiên trong tổng số 370 cha mẹ - con của mẫu tổng, phân phối đều trên các địa bàn được nghiên cứu.

+ 10 giáo viên chủ nhiệm của các lớp được nghiên cứu của các trường THCS.

2.1.2. Phương pháp nghiên cứu

Với mục đích nghiên cứu đề tài này, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu như sau:

2.1.2.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

* Mục đích: Khái quát hóa, hệ thống hóa một số vấn đề lý luận cơ bản trên cơ sở đó xây dựng công cụ nghiên cứu.

* Phương pháp này được tiến hành thông qua việc đọc tài liệu, sách báo, các đề tài nghiên cứu có trước, tổng hợp, khái quát các vấn đề liên quan đến nội dung nghiên cứu của đề tài, từ đó xây dựng hệ thống khái niệm công cụ, phục vụ cho việc nghiên cứu .

2.1.2.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

a) Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Đây là phương pháp chính nhằm khảo sát thực trạng phong cách giáo dục của cha mẹ.

Từ kết quả của phiếu thăm dò và cơ sở lý luận, người nghiên cứu xây dựng một bảng câu hỏi bao gồm 20 câu tìm hiểu về phong cách giáo dục của cha mẹ trong giáo dục con ở các nội dung: học tập – lao động, đạo đức lối sống, ứng xử trong quan hệ với người thân trong gia đình và những người xung quanh cũng như tìm hiểu quan điểm chung của cha mẹ về vấn đề giáo dục con cái.

* Cách tính điểm:

Mỗi câu hỏi trong bảng hỏi có bốn lựa chọn, tương ứng với bốn kiểu phong cách giáo dục của cha mẹ. Điểm số được quy định như sau:

- Các ý thể hiện sự kiểm soát/ yêu cầu thấp và sự giúp đỡ/ quan tâm của cha mẹ đến con thấp thì những cha mẹ này thuộc nhóm phong cách giáo dục thờ ơ được 1 điểm.

- Các ý thể hiện sự kiểm soát/yêu cầu cao và sự giúp đỡ/ quan tâm của cha mẹ đến con thấp thì những cha mẹ này thuộc nhóm phong cách giáo dục độc đoán được 2 điểm.

- Các ý thể hiện sự kiểm soát/yêu cầu thấp và sự giúp đỡ/ quan tâm của cha mẹ đến con cao thì những cha mẹ này thuộc nhóm phong cách giáo dục tự do được 3 điểm.

- Các ý thể hiện sự kiểm soát/yêu cầu cao và sự giúp đỡ/ quan tâm của cha mẹ đến con cao thì những cha mẹ này thuộc nhóm phong cách giáo dục dân chủ được 4 điểm.

Căn cứ vào quy ước tính điểm trên có thể tính điểm trung bình cho từng nội dung giáo dục cũng như điểm trung bình mà mỗi cha mẹ đạt được trong phiếu trả lời câu hỏi.

Điểm trung bình mà mỗi cha mẹ đạt được sẽ xác định phong cách giáo dục của họ, cụ thể như sau:

+ $\leq 1,75$: phong cách giáo dục thờ ơ.

+ 1,76 - 2,50: phong cách giáo dục độc đoán.

+ 2,51- 3,25: phong cách giáo dục tự do.

+ 3,26: phong cách giáo dục dân chủ.

b) Phương pháp trắc nghiệm

Phương pháp trắc nghiệm dùng để khảo sát mức độ nhận thức về các giá trị đạo đức dành cho học sinh THCS.

Nội dung phiếu trắc nghiệm bao gồm 40 câu hỏi chia thành ba nội dung cụ thể như sau:

* Nội dung 1: khảo sát nhận thức của học sinh về các giá trị đạo đức ở mức độ biết, bao gồm 20 câu hỏi thể hiện ở phần I và phần II của bảng câu hỏi.

* Nội dung 2: khảo sát nhận thức của học sinh về các giá trị đạo đức ở mức độ hiểu, bao gồm 10 câu hỏi thể hiện ở phần III của bảng câu hỏi.

* Nội dung 3: khảo sát nhận thức của học sinh về các giá trị đạo đức ở mức độ vận dụng, bao gồm 10 câu hỏi thể hiện ở phần IV của bảng câu hỏi.

Phần lựa chọn của tất cả các câu hỏi gồm 3 đáp án: a, b, c là các gợi ý trả lời cho câu hỏi. Trong đó, chỉ có duy nhất một đáp án đúng.

* Cách cho điểm cụ thể được tính như sau: chọn đúng đáp án cho 1 điểm, chọn sai đáp án cho 0 điểm.

Dựa vào đó có thể tính được điểm trung bình của từng học sinh ở các mức độ nhận thức và xếp loại mức độ nhận thức của từng học sinh được nêu trong Bảng 2.3.

Bảng 2.3. Phân chia mức độ nhận thức về giá trị đạo đức

Mức độ	1	2	3	4
Tên mức độ	Thấp	Trung bình	Khá	Cao
Điểm	0-0,33	0,34 – 0,55	0,56 – 0,77	0,76 – 1,00

c) Phương pháp phỏng vấn

* **Mục đích:** thu thập thêm thông tin hỗ trợ cho các phương pháp nghiên cứu của đề tài.

* **Cách tiến hành:**

- Tạo không khí thân mật giữa người nghiên cứu và đối tượng được phỏng vấn.
- Nêu ra các nội dung cần phỏng vấn kết hợp với việc đặt các câu hỏi liên quan đến nội dung cần nghiên cứu.

- Đối với các bậc cha mẹ phương pháp này được thực hiện trong quá trình cha mẹ trả lời phiếu câu hỏi. Đối với học sinh, người nghiên cứu kết hợp phỏng vấn vào các giờ ra chơi, các buổi sinh hoạt lớp,...

- Ghi chép đầy đủ các thông tin cần thiết trong quá trình phỏng vấn.

Nội dung phỏng vấn:

*** Đối với cha mẹ**

- Quan điểm của cha (mẹ) về cách thức giáo dục con.

- Sự ảnh hưởng của phong cách giáo dục đến lứa tuổi thiếu niên.

- Những thuận lợi và khó khăn của cha mẹ trong việc giáo dục đạo đức cho con ở lứa tuổi thiếu niên.

- Nhận xét của cha mẹ về con cái của mình.

*** Đối với học sinh**

- Những giá trị đạo đức nào là cần thiết với một học sinh THCS với bản thân, các mối quan hệ xung quanh và xã hội.

- Tìm hiểu những giá trị đạo đức mà các học sinh hiểu rõ và rèn luyện được.

- Tìm hiểu nhận định của các em về phong cách giáo dục của cha mẹ.

- Tìm hiểu cảm nhận của các em về sự ảnh hưởng của phong cách giáo dục của cha mẹ đến các em.

- Nguyện vọng của các em đối với việc giáo dục của cha mẹ.

*** Đối với giáo viên chủ nhiệm**

- Tìm hiểu thông tin về lớp chủ nhiệm (học sinh cá biệt, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt như cha mẹ ly dị, mồ côi, những học sinh ngoan, học giỏi,..).

- Cảm nhận của giáo viên chủ nhiệm về sự quan tâm của các cha mẹ đến việc giáo dục đạo đức cho con cái họ.

- Nhận xét của giáo viên về phong cách giáo dục của một số phụ huynh.

- Nhận xét của giáo viên về nhận thức của học sinh về các giá trị đạo đức.

d) Phương pháp thống kê toán học

Trong đề tài này người nghiên cứu sử dụng chương trình SPSS 18 để xử lý và phân tích dữ liệu nghiên cứu. Các thông số và phép toán sử dụng trong luận văn là:

- Điểm trung bình cộng được dùng để tính điểm cho phong cách giáo dục của

cha mẹ và các mức độ nhận thức của con.

- Tỷ lệ phần trăm.

- Độ lệch chuẩn được dùng để mô tả mức độ phân tán hay mức độ tập trung của các câu hỏi trả lời mà khách thể lựa chọn.

- Phân tích so sánh, đề tài chủ yếu dùng phép so sánh giá trị trung bình.

- Phân tích tương quan nhị biến dùng để tìm hiểu liên hệ giữa hai biến số.

- Phép toán hồi quy tuyến tính được dùng để xác định mức độ ảnh hưởng của PCGD của cha mẹ đến nhận thức về giá trị đạo đức của con.

2.1.3. Tiến trình nghiên cứu

2.1.3.1. Tiến trình nghiên cứu lý luận

- Nghiên cứu lý luận làm cơ sở cho đề tài. Bước này được tiến hành thông qua phương pháp đọc tài liệu, sách báo, các đề tài nghiên cứu đi trước, tổng hợp các vấn đề liên quan đến nội dung nghiên cứu của đề tài. Từ đó xây dựng hệ thống khái niệm công cụ phục vụ cho việc nghiên cứu.

- Xây dựng hệ thống công cụ nghiên cứu:

- + Phiếu điều tra về PCGD của cha mẹ (mẫu phiếu 1- phụ lục 1).

- + Phiếu trắc nghiệm về mức độ nhận thức của học sinh THCS (mẫu phiếu 2 – phụ lục 2).

- + Phiếu phỏng vấn cha mẹ (mẫu phỏng vấn 1 – phụ lục 3).

- + Phiếu phỏng vấn học sinh THCS (mẫu phỏng vấn 2 – phụ lục 4).

- + Phiếu phỏng vấn giáo viên (mẫu phỏng vấn 3 – phụ lục 5).

2.1.3.2. Nghiên cứu thăm dò

- * Mục đích:

- Xác định khách thể nghiên cứu.

- Tìm hiểu khái quát về phong cách giáo dục của cha mẹ, nhận thức của học sinh THCS về giá trị đạo đức làm cơ sở thực tiễn cho việc đề ra giả thuyết khoa học và xây dựng phương pháp nghiên cứu.

- * Tiến trình thực hiện:

- Liên hệ các trường ở địa phương lựa chọn để nghiên cứu, thống kê số liệu học sinh nắm bắt tình hình chung của trường.

- Lựa chọn ngẫu nhiên 60 gia đình (cặp cha mẹ – con) trong số 4 trường dự kiến nghiên cứu để nghiên cứu thăm dò, sau đó chỉnh sửa lại bộ công cụ nghiên cứu của đề tài.

2.1.3.3. Nghiên cứu thực trạng

* Mục đích: Khảo sát mức độ ảnh hưởng của phong cách giáo dục của cha mẹ đến nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS.

* Tiến trình thực hiện:

- Bước một: Dựa vào cơ sở lý luận người nghiên cứu soạn hai phiếu thăm dò mở:

+ Phiếu thứ nhất: Lấy ý kiến của các bậc cha mẹ về phong cách giáo dục con của mình.

+ Phiếu thứ hai: Tìm hiểu sự hiểu biết của học sinh THCS về các giá trị đạo đức trong các mối quan hệ của các em.

- Bước hai:

+ Khảo sát bằng phiếu nhằm tìm hiểu PCGD của cha mẹ.

+ Khảo sát bằng phiếu trắc nghiệm nhằm tìm hiểu các mức độ nhận thức của học sinh THCS về giá trị đạo đức.

- Bước ba: Phỏng vấn giáo viên chủ nhiệm ở các lớp được nghiên cứu, phỏng vấn sâu một số các cha mẹ - con để tìm hiểu mức độ ảnh hưởng của PCGD của cha mẹ đến nhận thức về giá trị đạo đức của con.

- Bước bốn: Phân tích kết quả nghiên cứu thực tiễn nhằm rút ra kết luận về hiểu mức độ ảnh hưởng của PCGD của cha mẹ đến nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS.

- Bước năm: Dựa vào cơ sở lý luận và kết quả nghiên cứu thực trạng ảnh hưởng của PCGD của cha mẹ đến nhận thức của học sinh THCS về giá trị đạo đức đề xuất biện pháp tác động.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Thực trạng phong cách giáo dục của cha

Kết quả nghiên cứu thực trạng phong cách giáo dục của cha được trình bày trong Bảng 2.4.

Bảng 2.4. Tỷ lệ phân bố các kiểu phong cách giáo dục của cha

Kiểu PCGD	Số lượng	Phần trăm
PCGD thờ ơ	30	8,1%
PCGD độc đoán	111	30%
PCGD tự do	96	25,9%
PCGD dân chủ	133	36%
Tổng	370	100%

Kết quả nghiên cứu cho thấy, người cha có PCGD dân chủ chiếm tỉ lệ cao nhất. Kế đến là người cha có PCGD độc đoán, chiếm tỉ lệ thấp nhất trong các kiểu PCGD là người cha có phong cách thờ ơ.

Theo kết quả trên thì đa số người cha được nghiên cứu quan tâm đến việc giáo dục con cái, họ là những người cha có yêu cầu cao với con và đồng thời cũng là những người luôn ở bên con, hướng dẫn giúp đỡ khi con cần. Bên cạnh đó người cha độc đoán trong việc giáo dục con cái cũng chiếm một tỉ lệ khá cao, điều này thể hiện nét đặc trưng chung của những người đàn ông ở các vùng quê miền Trung là tính gia trưởng độc đoán.

2.2.2. Thực trạng phong cách giáo dục của mẹ

Thực trạng phong cách giáo dục của mẹ được thể hiện trong Bảng 2.5

Bảng 2.5. Tỉ lệ phân bố các kiểu phong cách giáo dục của mẹ

Kiểu PCGD	Số lượng	Phần trăm
PCGD thờ ơ	36	9,7%
PCGD độc đoán	109	29,5%
PCGD tự do	86	23,2%
PCGD dân chủ	139	37,6%
Tổng	370	100%

Kết quả nghiên cứu về phong cách giáo dục của mẹ cho thấy tương tự như người cha, PCGD chiếm ưu thế ở người mẹ là phong cách dân chủ. Điều đó cho thấy là có nhiều người mẹ được nghiên cứu đã dung hòa phù hợp giữa việc quản lý con và tạo

ra sự thoải mái tâm lý cho con. Xếp vị trí thứ hai là PCGD độc đoán, kể đến là PCGD tự do. Như vậy vẫn còn một tỉ lệ khá lớn những người mẹ không sử dụng phong cách giáo dục dân chủ trong việc giáo dục con.

Sự quản lý chặt chẽ hay sự buông lỏng tự do đều không phải là biện pháp hữu hiệu đối với việc giáo dục trẻ ở lứa tuổi này.

Vẫn còn có một tỉ lệ những người mẹ không quan tâm đến việc giáo dục con cái trong gia đình (9,7%). Qua tìm hiểu thì hầu hết những người mẹ trong nhóm phong cách giáo dục này cho rằng nguyên nhân là vì họ quá bận rộn với công việc làm ăn, phó mặc việc giáo dục con cho nhà trường.

So sánh với kết quả nghiên cứu thực trạng PCGD của cha thì không có sự chênh lệch nhiều về tỉ lệ các kiểu PCGD giữa cha và mẹ. Trong đó điểm đáng lưu ý là kiểu PCGD độc đoán ở cha và mẹ ngang nhau. Thực tế cho thấy hầu hết đàn ông ở những vùng nông thôn miền Trung có tính gia trưởng, độc đoán hơn phụ nữ nhiều lần. Tuy nhiên, qua kết quả nghiên cứu thì trong giáo dục con cái những người cha không độc đoán nhiều hơn người mẹ. Điều đó khiến cho chúng ta có một cách nhìn mới hơn về những người đàn ông ở những vùng quê miền Trung.

Từ các kết quả trên đây cho phép đi đến những kết luận về thực trạng phong cách giáo dục của các bậc cha mẹ được nghiên cứu như sau:

- Đa số các bậc cha mẹ tham gia vào quá trình nghiên cứu thuộc phong cách giáo dục dân chủ. Sự chênh lệch giữa ba phong cách giáo dục: dân chủ, tự do, độc đoán không nhiều, còn sự chênh lệch giữa ba kiểu phong cách giáo dục nói trên so với phong cách giáo dục thờ ơ – không quan tâm thì lớn hơn. Không có sự chênh lệch nhiều về tỉ lệ PCGD giữa cha và mẹ trên địa bàn nghiên cứu.

2.2.3. Phong cách giáo dục của cha mẹ trong một số nội dung giáo dục gia đình

Như đã phân tích trong phần lý luận, phong cách là một yếu tố có tính chất khá ổn định. Một người khi đã thuộc phong cách nào đó họ thường xuyên có cách ứng xử, tư thế tác phong thể hiện phong cách đó ở trong mọi tình huống, hoàn cảnh khác nhau. Phong cách giáo dục của các bậc cha mẹ cũng vậy, nếu đã có kiểu phong cách giáo dục nào đó thì họ sử dụng thường xuyên trong suốt quá trình giáo dục con cái ở mọi lứa tuổi cũng như các nội dung giáo dục khác nhau.

Tuy nhiên trong quá trình giáo dục con, bên cạnh việc sử dụng phong cách giáo dục chủ đạo các bậc cha mẹ cũng sử dụng linh hoạt các phong cách khác nhằm đạt hiệu quả giáo dục. Điều đó có nghĩa là có những bậc cha mẹ sử dụng kiểu phong cách giáo dục này ở một nội dung giáo dục nào đó nhưng lại có phong cách giáo dục khác trong một nội dung giáo dục khác.

Giáo dục con cái ở trong gia đình bao gồm nhiều nội dung khác nhau. Trong đề tài này chúng tôi đi sâu vào tìm hiểu về biểu hiện của các kiểu phong cách giáo dục của cha mẹ ở bốn nội dung giáo dục gia đình là: giáo dục con ứng xử với các mối quan hệ trong xã hội, gia đình, giáo dục con trong hoạt động học tập – lao động, đạo đức – lối sống. Đây là những nội dung giáo dục quan trọng, cần thiết mà mỗi bậc cha mẹ cần giáo dục cho con. Tuy nhiên, việc sử dụng các phong cách giáo dục trong các nội dung này của cha mẹ là khác nhau và ngay bản thân mỗi bậc cha mẹ cũng có thể có những phong cách giáo dục khác nhau đối với từng nội dung giáo dục trong gia đình. Để có được đánh giá tổng quát về phong cách giáo dục của cha mẹ trong từng nội dung giáo dục khác nhau chúng tôi thống kê điểm trung bình chung mà mỗi cha mẹ đạt được ở từng nội dung giáo dục dựa vào thang điểm đánh giá phong cách giáo dục của từng nội dung để xác định phong cách giáo dục của cha mẹ trong từng nội dung giáo dục gia đình.

Trước tiên chúng tôi tìm hiểu phong cách giáo dục của cha trong từng nội dung giáo dục cụ thể. Kết quả nghiên cứu được trình bày ở Bảng 2.6.

Bảng 2.6. Tỷ lệ phân bố phong cách giáo dục của cha trong từng nội dung giáo dục

Các nội dung giáo dục trong gia đình	PCGD thờ ơ	PCGD độc đoán	PCGD tự do	PCGD dân chủ	Tổng %
	%	%	%	%	
PCGD của cha ở nội dung giáo dục trong mối quan hệ ở trường	17,6	32,2	22,2	28,1	100
PCGD của cha ở nội dung giáo dục mối quan hệ gia	12,7	18,9	32,7	35,7	100

đình					
PCGD của cha trong nội dung giáo dục học tập – lao động	8,1	33,5	20,0	38,4	100
PCGD của cha trong nội dung giáo dục đạo đức- lối sống	3,5	28,6	24,3	43,5	100

Kết quả nghiên cứu cho thấy phong cách giáo dục của cha trong từng nội dung giáo dục thể hiện một số đặc điểm sau:

+ Trong nội dung giáo dục con ứng xử với các mối quan ở trường thì phong cách giáo dục của cha chiếm ưu thế là phong cách giáo dục độc đoán và dân chủ. Tỷ lệ chênh lệch giữa hai phong cách giáo dục này không nhiều. Điều đó cho thấy việc giáo dục con ứng xử trong các mối quan bạn bè, thầy cô thì những người cha có xu hướng thiên về hai kiểu phong cách giáo dục này hơn là phong cách giáo dục tự do và thờ ơ không quan tâm. Những người cha thiên về phong cách giáo dục độc đoán trong nội dung giáo dục này cũng đã chỉ ra lý do khiến họ sử dụng kiểu phong cách này, đó là ở lứa tuổi này nhu cầu giao lưu kết bạn của các em rất lớn, ngoài các bạn trong lớp trong trường thì còn có những mối quan hệ ngoài xã hội. Bên cạnh quan hệ bạn bè cùng giới còn có mối quan hệ bạn bè khác giới, là lứa tuổi thích khám phá, tò mò. Nếu không quản lý chặt chẽ các cháu dễ sa đà vào chuyện yêu đương sớm, ảnh hưởng đến việc học tập. Thêm vào đó, họ cho rằng đây là lứa tuổi ương bướng, thích gì làm nấy theo cảm tính, thiếu suy nghĩ chín chắn vì thế cha mẹ cần phải uốn nắn, sát sao để tránh con không có những thái độ, hành vi lệch lạc trong mối quan hệ ứng xử với mọi người xung quanh. Việc giáo dục con ở nội dung này những người cha rất nghiêm khắc, họ là người chỉ đạo và đưa ra quyết định đối với những mối quan hệ bạn bè, thầy cô hay với mọi người xung quanh của con. Với những người cha này thì trong việc giáo dục con kỷ luật luôn được đề cao.

+ Nội dung giáo dục việc học tập – lao động cho con: Trong nội dung giáo dục này phong cách giáo dục chiếm ưu thế là phong cách dân chủ, tỷ lệ người cha có phong

cách này là 38,4%. Nhưng đây không phải là con số tối đa, có nghĩa là vẫn còn một tỉ lệ những người cha không sử dụng phong cách giáo dục dân chủ trong quá trình quản lý việc học tập của con, trong đó chiếm tỉ lệ cao là PCGD độc đoán, kế đến là PCGD tự do, một tỉ lệ nhỏ người cha có PCGD thờ ơ (8,1%). Học tập và lao động là một nội dung giáo dục quan trọng trong gia đình. Sự quan tâm cùng sự quản lý, đôn đốc của cha mẹ sẽ giúp các em có ý thức đối với việc học tập lao động, hình thành thái độ đúng đắn trong học tập và lao động. Vì vậy các bậc cha mẹ phải có một phong cách giáo dục phù hợp nhằm vừa kiểm soát được con tốt, vừa tạo ra tâm lý thoải mái giúp các em có hứng thú đối với việc học tập và lao động.

+ Nội dung giáo dục con trong mối quan hệ với người thân trong gia đình: Ở nội dung giáo dục này đa số những người cha được nghiên cứu sử dụng phong cách giáo dục dân chủ và phong cách giáo dục tự do. Tỉ lệ này dao động từ 32% đến 35%, chỉ có 19% người cha sử dụng phong cách giáo dục độc đoán còn lại 12% số người cha không quan tâm đến việc giáo dục con trong mối quan hệ gia đình. Nhìn chung đối với nội dung giáo dục này người cha có quan niệm thoải mái. Những người cha thuộc kiểu phong cách giáo dục dân chủ hay tự do đều cho rằng mối quan hệ gia đình là mối quan hệ tự nhiên ruột thịt nên để cho các con thể hiện một cách tự nhiên cha mẹ chỉ nhắc nhở khi con có những biểu hiện không tốt mà thôi. Không nên quá khắt khe nghiêm khắc sẽ tạo ra bầu không khí ngột ngạt, ảnh hưởng đến mọi thành viên trong gia đình. Tuy nhiên thì vẫn có những người cha lại cho rằng việc giáo dục cách ứng xử với những thành viên trong gia đình cho con cần phải nghiêm khắc để con hiểu những chuẩn mực cần thiết và khi ra xã hội sẽ không phạm sai lầm.

+ Giáo dục đạo đức – lối sống: Phong cách chiếm tỉ lệ gần một nửa trong tổng số người cha được nghiên cứu là phong cách dân chủ. Kế đến là phong cách giáo dục độc đoán, phong cách giáo dục tự do và thấp nhất là phong cách giáo dục thờ ơ. Đây là một trong những giáo dục chủ đạo theo nhận định của những người cha khi được hỏi. Những người cha thuộc phong cách giáo dục độc đoán ở nội dung giáo dục này tỏ ra rất lo lắng khi mà qua các phương tiện thông tin đại chúng họ thấy rất nhiều hiện tượng xuống cấp về đạo đức lối sống của giới trẻ nhất là trẻ em vị thành niên, những giá trị đạo đức trong cuộc sống bị xem nhẹ. Con cái hờn oán với cha mẹ và những người xung quanh, thậm chí có

những em phạm pháp khi chưa đủ tuổi vị thành niên. Họ cho rằng nguyên nhân xuất phát từ những biểu hiện nói trên là do sự buông lỏng trong giáo dục gia đình, cha mẹ không quan tâm hay quá chiều chuộng con cái. Vì vậy những người cha có phong cách giáo dục độc đoán rất nghiêm khắc trong việc giáo dục đạo đức lối sống cho con. Nhưng phần lớn những người cha cho rằng không phải kiểm soát thật chặt chẽ thì con cái của họ sẽ không hư hỏng. Theo họ thì cùng với việc quản lý con, cha mẹ cần phải thường xuyên trao đổi nói chuyện với con, hiểu được tâm tư nguyện vọng của con, giảng giải cho con hiểu những giá trị đạo đức tốt đẹp trong cuộc sống, giúp con có nhận thức và thái độ đúng đắn đối với các giá trị đạo đức lối sống.

Tiếp theo chúng tôi tiến hành nghiên cứu phong cách giáo dục của mẹ trong từng nội dung giáo dục gia đình cụ thể. Kết quả được trình bày ở Bảng 2.7.

Bảng 2.7. Tỷ lệ phân bố phong cách giáo dục của mẹ trong từng nội dung giáo dục

Các nội dung giáo dục trong gia đình	PCGD thờ ơ	PCGD độc đoán	PCGD tự do	PCGD dân chủ	Tổng %
	%	%	%	%	
PCGD của mẹ ở nội dung giáo dục mối quan hệ ở trường	20,5	28,4	21,6	29,5	100
PCGD của mẹ ở nội dung giáo dục mối quan hệ gia đình	14,1	17,0	28,9	40,0	100
PCGD của mẹ trong lĩnh vực giáo dục học tập – lao động	11,6	28,9	21,4	38,1	100
PCGD của mẹ ở nội dung giáo dục đạo đức- lối sống	5,1	25,4	21,9	47,6	100

Qua quan sát bảng và biểu đồ chúng tôi thấy rằng trong bốn nội dung giáo dục gia đình, những người mẹ có phong cách giáo dục dân chủ chiếm tỉ lệ cao nhất là ở nội dung giáo dục đạo đức lối sống, tiếp đến là giáo dục quan hệ gia đình, nội dung giáo dục học tập lao động và thấp nhất là nội dung giáo dục mối quan hệ xã hội. Nhóm

phong cách giáo dục độc đoán và tự do cũng có những nội dung giáo dục chiếm tỉ lệ cao như phong cách giáo dục độc đoán ở nội dung giáo dục học tập lao động hay phong cách giáo dục tự do ở nội dung giáo dục mối quan hệ gia đình, phong cách giáo dục thờ ơ chiếm tỉ lệ thấp ở tất cả các nội dung giáo dục, thấp nhất là ở nội dung giáo dục đạo đức lối sống.

Như vậy thì ở tất cả các nội dung giáo dục trong gia đình đại đa số người mẹ sử dụng phong cách giáo dục dân chủ. Tìm hiểu sâu hơn về vấn đề này chúng tôi nhận thấy đa số người mẹ tham gia phỏng vấn đều đồng nhất nhận định rằng đây là những nội dung giáo dục quan trọng trong giáo dục gia đình vì vậy cha mẹ không thể để cho con cái tự do, thiếu sự quan tâm quản lý. Để việc giáo dục con có hiệu quả thì cha mẹ phải là người hướng dẫn định hướng cho con, không nên áp đặt bắt buộc con phải làm theo ý muốn của mình.

Cụ thể trong nội dung giáo dục việc học tập lao động, tỉ lệ người mẹ sử dụng phong cách giáo dục dân chủ khá cao, khi trò chuyện với những nhóm người mẹ này chúng tôi nhận được những ý kiến như sau:

Bà L.T.N mẹ của một học sinh lớp 7 cho biết: *“Đối với chúng tôi việc học tập của con cái là mối quan tâm lớn nhất, ai cũng muốn con mình học tốt để có tương lai. Nhưng không phải cứ bắt ép con học hay kiểm soát thời gian của con quá khắt khe thì sẽ không mang lại hiệu quả trong giáo dục, có khi còn tạo áp lực không tốt cho con”*.

Hay bà N.T.T.L mẹ của một học sinh lớp 9 chia sẽ *“Các cháu đang ở lớp cuối cấp nên việc học tập ở lớp rất căng thẳng, ở nhà cha mẹ cũng đừng tạo áp lực cho con, ảnh hưởng không tốt đến tâm lý, sức khỏe của con. Theo tôi cha mẹ nên hiểu rõ về khả năng của con mình, đừng bắt ép con làm những điều quá sức với khả năng, trình độ của trẻ”*.

Trong tất cả bốn nội dung giáo dục thì sự chênh lệch tỉ lệ người mẹ có phong cách giáo dục tự do là không đáng kể. Tỉ lệ người mẹ có phong cách giáo dục tự do cao nhất là ở nội dung giáo dục mối quan hệ trong gia đình, còn ba nội dung giáo dục còn lại tỉ lệ người mẹ có phong cách giáo dục tự do gần như tương đương nhau.

Phỏng vấn một số người mẹ có phong cách giáo dục tự do ở nội dung giáo dục cách ứng xử cho con trong mối quan hệ người thân trong gia đình, chúng tôi nhận thấy

đối với các mối quan hệ trong gia đình các bà mẹ thường để cho con tự do thể hiện tình cảm theo ý của mình, họ không yêu cầu ép buộc con làm những điều mà chúng không thích, họ sợ sẽ tạo ra sự bất hòa giữa cha mẹ và con cái.

So với phong cách giáo dục tự do thì tỉ lệ người mẹ có phong cách giáo dục độc đoán ở trong các nội dung giáo dục gia đình có phần cao hơn. Trong đó nội dung học tập lao động và là ở nội dung giáo dục mối quan hệ ở trường chiếm tỉ lệ cao nhất.

Theo kết quả phỏng vấn, trong khi giáo dục con người mẹ thường quan tâm giáo dục con trong học tập, lao động và lối ứng xử với các mối quan hệ với thầy cô, bạn bè. Đối với hai nội dung giáo dục này những người mẹ thường sát sao và nghiêm khắc đối với con. Vì thế tỉ lệ người mẹ có phong cách giáo dục độc đoán ở hai nội dung này cao hơn. Theo đa số ý kiến của các người mẹ thì đối với con trẻ việc học tập và rèn luyện lao động rất quan trọng, nó có ý nghĩa quyết định đến tương lai của con em họ. Mặt khác ở lứa tuổi này các em còn ham chơi, dễ sa đà vào những việc vô bổ. Vì vậy, sự kiểm soát chặt chẽ của cha mẹ là rất cần thiết.

Bên cạnh những người mẹ quan tâm chặt chẽ đến việc giáo dục con cái thì vẫn còn một số người mẹ thờ ơ trong việc giáo dục con. Tuy rằng tỉ lệ này không quá nhiều so với tổng số người mẹ trong điều tra của chúng tôi, chiếm từ khoảng 5% đến 20% ở bốn nội dung giáo dục. Khi trao đổi, phỏng vấn những người mẹ trong nhóm phong cách này về nguyên nhân của sự thờ ơ nói trên thì chúng tôi nhận được đại đa số ý kiến cho rằng nguyên nhân mà họ thờ ơ với việc giáo dục con trong gia đình là do họ không có thời gian, và trong suy nghĩ của những người mẹ này thì con cái của họ đã đủ lớn có thể tự lo được mọi việc cha mẹ không cần lúc nào cũng ở bên cạnh. Ngoài ra cũng có một số ý kiến cho rằng các nội dung giáo dục này các em đã được học ở trường, được thầy cô dạy dỗ các em dễ nghe lời thầy cô hơn cha mẹ. Trên đây là những suy nghĩ sai lầm, giáo dục gia đình đã không được đánh giá cao, trong khi ở lứa tuổi học sinh THCS thì giáo dục gia đình đặc biệt là cha mẹ có ý nghĩa rất quan trọng trong sự hình thành và phát triển nhân cách của các em.

Từ kết quả nghiên cứu trên chúng tôi nhận thấy trong cả bốn nội dung giáo dục gia đình tỉ lệ từng kiểu phong cách giáo dục trong mỗi nội dung có sự khác nhau. Ở mỗi nội dung giáo dục có các kiểu phong cách giáo dục chiếm ưu thế, có phong cách

giáo dục chiếm tỉ lệ cao trong nội dung giáo dục này nhưng lại có tỉ lệ thấp hơn ở nội dung giáo dục khác. Tiến hành nghiên cứu sâu qua phương pháp phỏng vấn chúng tôi thấy có những ý kiến về việc lựa chọn phong cách giáo dục của những người mẹ trong gia đình đối với từng nội dung giáo dục như sau:

Bà H.P.Y mẹ của một học sinh lớp 8 trường THCS Chu Văn An tâm sự: *“Cháu nhà tôi là con trai, và cũng hiếu động hơn con người khác. Vì vậy trong quá trình dạy dỗ con, vợ chồng tôi luôn phải nghiêm khắc, quản lý giờ giấc chặt chẽ, cha mẹ mà buông lỏng là sao nhãng học hành, sa vào chơi game, tụ tập ngay”*.

Bà P.T.H mẹ của học sinh lớp 9 trường THCS Lý Thường Kiệt chia sẻ: *“Chúng tôi là những người nông dân quanh năm chân lấm tay bùn, chỉ mong sao các con được học hành đến nơi đến chốn, cuộc sống sau này đỡ vất vả hơn cha mẹ. Vì vậy vợ chồng tôi luôn nghiêm khắc đối với việc học hành của các con”*.

Bà Đ.N.B mẹ của học sinh lớp 7 trường THCS Nguyễn Trãi thì nói rằng *“Xem ti vi, báo đài tôi thấy ngày nay trẻ em hư rất nhiều, con tôi đang ở độ tuổi ương bướng khó bảo. Tôi cảm thấy rất lo lắng, nhưng quát nạt nghiêm khắc quá không phải là cách hay để dạy con. Tôi thường quan tâm trò chuyện với cháu nhiều hơn để cháu biết việc gì đúng thì nên làm, việc gì sai thì nên tránh”*.

Từ ý kiến của những người mẹ chúng tôi nhận thấy rằng phong cách giáo dục của mẹ trong từng nội dung giáo dục cụ thể chịu sự chi phối của các yếu tố sau:

- Đặc điểm cá nhân từ người mẹ.
- Đặc điểm của từng trẻ: đặc điểm về lứa tuổi, tính cách,...
- Các nội dung giáo dục gia đình.

Ngoài ra một số yếu tố khách quan cũng tác động đến việc lựa chọn phong cách giáo dục của người mẹ đối với từng nội dung giáo dục.

Do nhiều nguyên nhân mỗi người mẹ lại có một kiểu phong cách giáo dục khác nhau đối với từng nội dung giáo dục trong gia đình. Tuy nhiên, sự chênh lệch tỉ lệ các kiểu phong cách giáo dục trong những nội dung giáo dục không nhiều và có sự cân bằng tương đối đối với phong cách giáo dục chung của mẹ.

Ngoài những kết quả nghiên cứu chung đã trình bày ở trên thì nhằm có sự đánh giá toàn diện hơn về PCGD của cha mẹ chúng tôi đã tìm hiểu thêm PCGD của cha và

mẹ ở các độ tuổi khác nhau cũng như việc sử dụng các kiểu phong cách giáo dục khác nhau với từng độ tuổi của con.

Trước tiên chúng tôi tìm hiểu PCGD của cha mẹ ở từng độ tuổi khác nhau, kết quả thu được nêu trong Bảng 2.8.

Bảng 2.8. Phân bố phong cách giáo dục của cha mẹ theo nhóm tuổi

Tuổi	Phong cách giáo dục của cha mẹ				Tổng %
	PCGD thờ ơ	PCGD độc đoán	PCGD tự do	PCGD dân chủ	
	%	%	%	%	
Dưới 35 tuổi	7,9	30,2	28,6	33,3	100
Từ 35 – 45	7,9	29,3	25,6	37,2	100
Trên 45	11,2	30,5	21,5	36,8	100

Kết quả nghiên cứu cho thấy PCGD dân chủ là phong cách có sự phân bố cao ở hầu hết các nhóm tuổi, xếp vị trí thứ hai là PCGD độc đoán. Các nhóm PCGD tự do và PCGD thờ ơ chiếm số lượng thấp hơn. Nhìn chung các kiểu PCGD phân bố đều ở các nhóm tuổi, không có kiểu PCGD nào tập trung ở một độ tuổi nhất định. Từ kết quả nghiên cứu thì có thể thấy rằng ở bất kỳ độ tuổi nào thì các bậc cha mẹ cũng có các PCGD khác nhau: dân chủ, độc đoán, tự do hay thờ ơ không quan tâm. Độ tuổi không phải là yếu tố quy định PCGD của cha mẹ.

Ngoài ra chúng tôi cũng tiến hành nghiên cứu PCGD của cha, mẹ đối với học sinh ở các khối lớp khác nhau được trình bày trong Bảng 2.9.

Bảng 2.9. Phân bố phong cách giáo dục của cha mẹ theo khối lớp của con

PCGD cha, mẹ	Khối lớp của con			Tổng
	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	
PCGD thờ ơ	21	22	23	66
PCGD độc đoán	68	78	74	220
PCGD tự do	65	59	58	182
PCGD dân chủ	96	81	95	272

Tổng	252	240	248	740
-------------	------------	------------	------------	------------

Kết quả nghiên cứu cho thấy sự phân bố các kiểu PCGD ở từng khối lớp của con gần như tương đương nhau, không có sự chênh lệch rõ rệt. Xét từng kiểu PCGD của cha mẹ thì thấy rằng hai phong cách giáo dục độc đoán và thờ ơ của cha mẹ phân bố ở khối học sinh lớp 7 ít hơn so với ở khối lớp 8 và lớp 9, còn kiểu PCGD dân chủ và tự do thì ở lại cao hơn ở hai khối lớp 8 và 9, tuy nhiên sự chênh lệch này rất ít.

Tóm lại, trên cùng một địa bàn sinh sống, cùng chung yếu tố về nghề nghiệp, văn hóa thì độ tuổi của cha, mẹ hay đặc điểm độ tuổi của con không ảnh hưởng đến việc sử dụng các kiểu PCGD của cha mẹ trong quá trình giáo dục con cái.

2.3. Nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh tại một số trường THCS tại huyện Vĩnh Linh- Quảng Trị

Để tìm hiểu mức độ nhận thức của học sinh THCS về các giá trị đạo đức, chúng tôi nghiên cứu trên ba mức độ nhận thức: mức biết, mức hiểu và mức vận dụng.

2.3.1. Nhận thức chung ở 3 mức biết, hiểu và vận dụng

Bảng 2.10. Điểm trung bình chung ở ba mức độ: biết, hiểu, vận dụng

	MỨC BIẾT			MỨC HIỂU			MỨC VẬN DỤNG		
	TB	ĐLC	Xếp loại	TB	ĐLC	Xếp loại	TB	ĐLC	Xếp loại
TB chung	0,78	0,42	Cao	0,64	0,43	Khá	0,76	0,40	Cao

Quan sát bảng số liệu nhận thấy: Nhìn chung nhận thức về các giá trị đạo đức của học sinh tại một số trường THCS tại Vĩnh Linh - Quảng Trị ở mức độ biết đạt mức độ cao. Điều đó cho thấy hầu hết các em học sinh đã gọi tên và biết cơ bản về khái niệm của các giá trị đạo đức.

Ở mức hiểu thì học sinh đạt điểm trung bình thấp hơn nhiều so với mức biết. Khi được hỏi thì hầu hết các em học sinh đều có chung chia sẻ rằng các em biết gọi tên và khái niệm của các giá trị đạo đức, biết đó là các giá trị đạo đức đúng đắn. Tuy nhiên các em vẫn chưa thể hiểu rõ ý nghĩa của một số giá trị đạo đức và chưa lý giải được tại

sao cần phải có những giá trị đó trong cuộc sống.

Ở mức vận dụng: kết quả trung bình chung về nhân thức trên toàn bộ các giá trị đạo đức là 0,76, thấp hơn so với mức biết nhưng cao hơn so với mức hiểu. Hầu hết các học sinh vận dụng tốt trong các tình huống nêu ra, trong khi mức hiểu về các giá trị đạo đức lại thấp hơn. Có thể đây là sự vận dụng theo thói quen hàng ngày của các em.

2.3.2. Kết quả nhận thức của học sinh về các giá trị đạo đức ở từng mức độ

a) Kết quả nhận thức chung của học sinh THCS ở mức độ biết về các giá trị đạo đức

Biết là mức độ đầu tiên trong quá trình nhận thức, nhưng là một mức độ quan trọng, nó giúp con người có những khái niệm cơ sở, nền tảng để con người có thể nhận thức ở những mức độ cao hơn. Nghiên cứu nhận thức của học sinh tại một số trường THCS trên địa bàn huyện Vĩnh Linh- Quảng Trị về các giá trị đạo đức ở mức độ biết chúng tôi thu được kết quả trong Bảng 2.11.

Bảng 2.11. Điểm trung bình chung ở mức độ biết về các giá trị đạo đức.

GIÁ TRỊ	MỨC BIẾT		
	TB	ĐLC	Xếp loại
Trách nhiệm	0,74	0,45	Khá
Trung thực	0,95	0,25	Cao
Hiếu thảo	0,96	0,24	Cao
Yêu thương	0,56	0,45	Khá
Khoan dung	0,80	0,30	Cao
Quan tâm	0,45	0,47	TB
Biết ơn	0,92	0,28	Cao
Tôn trọng	0,88	0,32	Cao
Nghiêm túc	0,82	0,29	Cao
Chăm chỉ	0,66	0,38	Khá
TB Chung	0,78	0,42	Cao

Qua kết quả nghiên cứu cho thấy hầu hết các giá trị đạo đức được học sinh biết

rõ, cụ thể giá trị đạo đức có điểm trung bình cao nhất là giá trị hiếu thảo với ông bà cha mẹ và giá trị trung thực đối với bản thân. Đây là hai giá trị đạo truyền thống tốt đẹp luôn được gìn giữ và phát huy. Trung thực là một đức tính rất cần thiết trong cuộc sống. Trong thời kì hiện đại khi mà chúng ta hội nhập với nền kinh tế tri thức toàn cầu thì đức tính trung thực lại càng cần thiết hơn bao giờ hết.

Quan sát điểm trung bình chung thì thấy rằng giá trị được biết ít nhất là giá trị quan tâm bạn bè, chỉ ở mức trung bình. Nhưng quan sát độ lệch chuẩn thì nhận thấy rằng sự phân tán các câu trả lời của học sinh ở mức cao. Mặc dù, điểm số trung bình ở mức trung bình, nhưng đây không phải là kết quả chung của toàn bộ học sinh được nghiên cứu.

Để làm rõ hơn về mức độ biết của học sinh về giá trị quan tâm bạn bè, chúng tôi đã phỏng vấn một số em học sinh tại các trường THCS trên địa bàn nghiên cứu. Một số em biết là cần phải quan tâm bạn bè, bạn bè học chung với nhau nên phải thăm hỏi và giúp đỡ. Tuy nhiên vẫn có nhiều học sinh có suy nghĩ rằng vì mình đang đi học, sống phụ thuộc vào gia đình nên không thể giúp đỡ được gì cho bạn khi bạn ốm hay gia đình bạn gặp khó khăn. Các em chưa nhận biết được là quan tâm giúp đỡ người khác không nhất thiết phải cho họ về vật chất mà chỉ là sự thăm hỏi, động viên cũng thể hiện sự quan tâm lẫn nhau. Đó là một lệch lạc trong suy nghĩ của các em. Thiết nghĩ, các bậc cha mẹ, thầy cô giáo cần phải có sự uốn nắn, hướng các em đến một cách nghĩ đúng đắn hơn.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy bên cạnh những giá trị hiếu thảo, trung thực thì các giá trị còn lại cũng được các em học sinh biết ở mức độ khá cao.

b) Kết quả nhận thức chung của học sinh THCS ở mức độ hiểu về các giá trị đạo đức

Kết quả bảng 2.12 về điểm trung bình nhận thức các giá trị đạo đức ở mức độ hiểu ta thấy trong 10 giá trị đạo đức đối với bản thân và đối với các mối quan hệ trong cuộc sống hàng ngày của các em mà người nghiên cứu đưa ra thì có những giá trị đạo đức được học sinh hiểu ở mức độ khá cao. Đó là hiếu thảo với ông bà cha mẹ, biết ơn thầy cô, trung thực với bản thân. Các giá trị được các em hiểu ở mức khá là : tôn trọng thầy cô, khoan dung với bạn bè, yêu thương anh chị em. Mặc dù giá trị yêu thương có

điểm trung bình ở mức khá nhưng lại nằm ở giới hạn thấp nhất của mức khá, tức là mức hiểu của các em về giá trị này ở ranh giới của mức trung bình và mức khá. Ở lứa tuổi này, mối quan hệ với bạn bè cùng tuổi chiếm vị trí quan trọng nhất trong đời sống của các em. Các em dành nhiều thời gian chuyện trò chia sẻ với bạn hơn là với anh chị em. Điều này lý giải phần nào kết quả như trên.

Bảng 2.12. Điểm trung bình chung ở mức độ hiểu về các giá trị đạo đức

GIÁ TRỊ	MỨC HIỂU		
	TB	ĐLC	Xếp loại
Trách nhiệm	0,46	0,46	TB
Trung thực	0,78	0,41	Cao
Hiếu thảo	0,91	0,29	Cao
Yêu thương	0,56	0,45	Khá
Khoan dung	0,71	0,46	Khá
Quan tâm	0,46	0,44	TB
Biết ơn	0,87	0,32	Cao
Tôn trọng	0,65	0,33	Khá
Nghiêm túc	0,51	0,26	TB
Chăm chỉ	0,44	0,38	TB
TB chung	0,64	0,43	Khá

Kết quả nghiên cứu cho thấy dù xã hội có thay đổi thì những giá trị đạo đức được các em hiểu đầy đủ trong mối quan hệ với cha mẹ, thầy cô, những người xung quanh vẫn là những giá trị đạo đức truyền thống từ ngàn đời nay.

Tuy vậy vẫn còn những giá trị đạo đức các em hiểu một cách hạn chế đó là giá trị trách nhiệm, quan tâm, giá trị chăm chỉ và giá trị nghiêm túc. Đây là những giá trị cần thiết hình thành nên phẩm chất tốt đẹp của con người trong cuộc sống, hoạt động. Phải chăng ngày nay xã hội phát triển, mức sống của các gia đình được nâng cao, các em được sống trong điều kiện đầy đủ nên các em có tư tưởng ỷ lại vào cha mẹ, và những người xung quanh? Ý thức về tinh thần trách nhiệm của bản thân với các mối quan hệ và cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của các em bị xem nhẹ, thiếu sự quan tâm

đến người khác, chỉ biết đến lợi ích của bản thân. Là lứa tuổi nhiều ước mơ, nhưng các em hay lơ là, không tập trung vào những việc cần thiết như là học tập. Cũng có thể đây là các giá trị tổng hợp các em biết nhưng không thể hiểu đầy đủ được ngay trong các hoạt động hàng ngày.

Như vậy, ở mức hiểu, một số giá trị đạo đức vẫn chưa được các em hiểu một cách thấu đáo.

c) Kết quả nhận thức chung của học sinh THCS ở mức độ vận dụng về các giá trị đạo đức

Bảng 2.13. Điểm trung bình chung ở mức độ vận dụng về các giá trị đạo đức

GIÁ TRỊ	MỨC VẬN DỤNG		
	TB	ĐLC	Xếp loại
Trách nhiệm	0,45	0,36	TB
Trung thực	0,90	0,26	Cao
Hiếu thảo	0,96	0,22	Cao
Yêu thương	0,86	0,31	Cao
Khoan dung	0,92	0,27	Cao
Quan tâm	0,55	0,23	Khá
Biết ơn	0,81	0,30	Cao
Tôn trọng	0,78	0,41	Cao
Nghiêm túc	0,84	0,28	Cao
Chăm chỉ	0,49	0,32	TB
TB chung	0,76	0,41	Cao

Kết quả thu cho thấy hầu hết các giá trị đạo đức được các em học sinh vận dụng tốt, trong đó giá trị hiếu thảo đạt điểm trung bình chung cao nhất. Điều này cho thấy trong mối quan hệ với ông bà, cha mẹ thì tình yêu thương, lòng hiếu thảo luôn ngự trị trong nhận thức của mỗi học sinh. Nó sẽ làm nền tảng để các em hình thành nhận thức đúng đắn về các giá trị đạo đức ở tất cả những mối quan hệ khác. Bên cạnh đó kết quả nghiên cứu cũng cho thấy vẫn có những học sinh có cách ứng xử tiêu cực trong tình huống về giá trị trách nhiệm đối với bản thân, chăm chỉ trong học tập. Ta nhận thấy ở

đây có sự tương đồng giữa nhận thức của các em ở mức hiểu và mức vận dụng. Có thể do các em hiểu chưa đầy đủ về giá trị đạo đức này nên không vận dụng tốt trong tình huống cụ thể.

Tóm lại, tuy mức trung bình chung nhận thức ở mức vận dụng của học sinh tại các trường THCS được nghiên cứu về các giá trị đạo đức ở mức cao nhưng khi xem xét vào từng giá trị cụ thể thì vẫn còn những điểm hạn chế, đặc biệt là ở nhóm giá trị đạo đức đối với bản thân và hoạt động học tập.

2.3.3. So sánh mức độ nhận thức của học sinh ở một số tiêu chí

Nhằm đánh giá một cách đầy đủ hơn về mức độ nhận thức của học sinh tại một số trường THCS trên địa bàn huyện Vĩnh Linh - Quảng Trị về các giá trị đạo đức chúng tôi tiến hành so sánh sự khác biệt về các mức độ nhận thức giữa các nhóm học sinh theo từng tiêu chí: giới tính, trường, học lực, khối lớp. Kết quả thu được trình bày ở Bảng 2.14.

Bảng 2.14. So sánh điểm trung bình nhận thức về giá trị đạo đức theo giới tính, trường, khối lớp và học lực

		Giới tính		Trường				Lớp			Học lực			
		Nam	Nữ	CVA	LQĐ	LTK	N.Tr	7	8	9	Giỏi	Khá	TB	Yếu
Mức biết	TB	3,34	3,31	3,32	3,34	3,51	3,35	3,19	3,11	3,05	3,00	3,07	3,12	3,03
	Test	T =0,241 P =0,632		F =1,670 P =0,172				F =2,243 P =0,225			F =0,114 P =0,060			
Mức hiểu	TB	3,14	2,98	0,303	0,311	0,316	0,327	3,40	3,25	3,17	3,33	3,24	3,15	3,26
	Test	T =1,536 P =0,232		F =5,923 P =0,001				F =4,529 P =0,590			F =0,045 P =0,167			
Mức vận dụng	TB	3,22	3,13	3,23	3,41	3,09	3,14	3,31	3,33	3,23	3,32	3,22	3,28	3,30
	Test	T =1,134 P =0,246		F =1,452 P =0,125				F =0,519 P =0,021			F =2,703 P =0,159			

a) Xét theo giới tính

Từ kết quả kiểm nghiệm ở bảng trên cho thấy ở học sinh nam và học sinh nữ không có sự khác biệt ở các mức độ nhận thức.

b) Xét theo trường

Dựa vào kết quả nghiên cứu thì nhận thấy rằng có sự khác biệt về nhận thức giữa học sinh của các trường cụ thể như sau:

- Mức biết: không có sự khác biệt ở các mức độ nhận thức về các giá trị đạo đức của học sinh ở các trường được nghiên cứu. Hầu hết nhận thức của học sinh ở mức độ biết tại các trường có điểm trung bình tương đương nhau.

- Mức hiểu: có sự khác biệt nhận thức về các giá trị đạo đức giữa học sinh của trường Chu Văn An với trường Lý Thường Kiệt và Nguyễn Trãi, giữa trường Nguyễn Trãi và trường Lê Quý Đôn. Tuy nhiên mức chênh lệch trung bình nhận thức giữa các trường là không lớn.

- Mức vận dụng: không có sự khác biệt về nhận thức ở mức độ vận dụng ở các trường.

Nhìn chung không có sự khác biệt lớn về mức độ nhận thức các giá trị đạo đức giữa các trường được nghiên cứu trên địa bàn huyện Vĩnh Linh - Quảng Trị. Có thể thấy rằng tri thức mà học sinh được giáo dục trong các nhà trường là tương đương nhau, sự chú trọng giáo dục đạo đức ở các trường ở địa bàn nghiên cứu không có sự chênh lệch nhiều.

c) Xét về khối lớp

Nhìn vào bảng kết quả ta thấy có sự khác biệt giữa học sinh lớp 7, học sinh lớp 8 và học sinh lớp 9 về nhận thức ở mức độ vận dụng các giá trị đạo đức. Thể hiện rõ nhất ở học sinh khối lớp 7 và học sinh khối lớp 9. Học sinh lớp 7 nhận thức ở mức độ vận dụng đối với các giá trị đạo đức cao nhất, còn học sinh lớp 9 nhận thức ở mức độ vận dụng đối với các giá trị đạo đức thấp nhất. Như vậy học sinh khối lớp 7 có nhận thức ở mức độ vận dụng tốt nhất về các giá trị đạo đức. Vấn đề cần quan tâm ở đây là càng học lên các lớp trên thì mức độ nhận thức về các giá trị đạo đức của học sinh lại càng giảm. Có thể thấy rằng, lứa tuổi học sinh THCS là lứa tuổi chưa thành người lớn nhưng không muốn người lớn coi mình là trẻ con và sẵn sàng phản ứng và làm khác đi lời dạy bảo của cha mẹ, thầy cô giáo. Sự khác biệt về mức độ vận dụng các giá trị đạo đức giữa các khối lớp chưa hẳn là do các lớp lớn có mức độ nhận thức thấp hơn, mà có thể do các em hiểu nhưng các em không làm theo những điều mình biết, những giá trị

mà người lớn đã dạy.

d) Xét theo học lực

Kết quả nghiên cứu cho thấy mức biết và mức hiểu của học sinh là tương đồng ở tất cả các khối lớp điều này thể hiện thông qua độ chênh lệch trung bình điểm số giữa các khối lớp. Đồng thời, ta còn nhận thấy không có sự khác biệt nhận thức ở việc vận dụng các giá trị đạo đức trong các mối quan hệ của học sinh.

Nhìn chung kết quả học tập không ảnh hưởng đến việc nhận thức về các giá trị đạo đức của học sinh.

Từ kết quả nghiên cứu như trên, chúng tôi thấy rằng mức độ nhận thức chung của học sinh THCS được nghiên cứu về các giá trị đạo đức ở mức khá cao. Tuy nhiên đi vào từng giá trị cụ thể thì vẫn có sự chênh lệch. Hầu hết, những giá trị trong quan hệ với cha mẹ, thầy cô các em có sự nhận thức tốt ở các mức độ, nhưng các giá trị đạo đức trong học tập, đối với bản thân hay trong mối quan hệ bạn bè các em nhận thức còn hạn chế.

2.4. Mức độ ảnh hưởng của phong cách giáo dục của cha mẹ đến nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh tại một số trường THCS tại huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị

2.4.1. Ảnh hưởng phong cách giáo dục của cha đến nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS

Để nghiên cứu thực trạng ảnh hưởng của phong cách giáo dục của cha đến nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS chúng tôi tiến hành nghiên cứu ảnh hưởng phong cách giáo dục của cha đến từng mức độ nhận thức của học sinh thông qua việc thống kê hệ số tương quan R. Kết quả thu được trong Bảng 2.15.

Bảng 2.15. Hệ số tương quan giữa PCGD của cha nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS

Nhận thức PCGD	Mức biết	Mức hiểu	Mức vận dụng
PCGD dân chủ	0,76 ^{**}	0,70 ^{**}	0,72 ^{**}
PCGD tự do	0,22 ^{**}	0,25 ^{**}	0,10 ^{**}
PCGD độc đoán	- 0,26 ^{**}	- 0,21 ^{**}	0,25 ^{**}

PCGD thờ ơ	-0,06 ^{**}	- 0,14 ^{**}	- 0,17 ^{**}
------------	---------------------	----------------------	----------------------

^{**}: Hệ số tương quan có nghĩa ở mức 0,001 (2 phía)

Dựa vào kết quả nghiên cứu ở bảng 2.15 ta thấy hệ số tương quan giữa các kiểu PCGD của cha và các mức độ nhận thức của học sinh THCS về các giá trị đạo đức có sự chênh lệch nhau, cụ thể:

Giữa nhóm PCGD thờ ơ của người cha với từng mức độ nhận thức của học sinh có mối tương quan nghịch. PCGD thờ ơ của cha tương quan nghịch với nhận thức ở mức độ biết của học sinh về các giá trị đạo đức nhưng không rõ rệt, hệ số tương quan $R = -0,06$ ở mức không đáng kể. Giữa PCGD thờ ơ của người cha có tương quan nghịch với nhận thức của học sinh về giá trị đạo đức ở mức độ hiểu và mức độ vận dụng. Hệ số tương quan với hai mức độ này lần lượt là $R = -0,14$ và $R = -0,17$. Kết quả cho thấy nếu người cha càng thờ ơ, không quan tâm đến việc giáo dục con thì mức độ nhận thức của con về các giá trị đạo đức trong các mối quan hệ càng thấp. Đặc điểm của người cha có PCGD thờ ơ - không quan tâm là không quan tâm đến con, việc trò chuyện với con hàng ngày rất hạn chế, sự phát triển của con không phải là mối quan tâm hàng đầu trong suy nghĩ của người cha thuộc kiểu phong cách này. Những đứa trẻ có cha thuộc phong cách này hầu như không cảm nhận được tình cảm, sự dạy dỗ của cha, trẻ sống và hoạt động theo ý thích của mình. Sự quản lý, nhắc nhở, hướng dẫn của những người cha đối với con thuộc nhóm phong cách giáo dục này hầu như không có, vì vậy những điều mà trẻ biết về những mối quan hệ xung, về những giá trị đạo đức trong xã hội từ sự giáo dục của cha là rất ít.

Trong nhóm người cha có PCGD tự do thì qua quan sát bảng 2.16 cho thấy PCGD tự do của người cha có mối tương quan thuận với cả ba mức độ nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS, là những tương quan có ý nghĩa. Hệ số tương quan ở ba mức độ này lần lượt là 0,22, 0,25 và 0,10, là những hệ số tương đương nhau, không có hệ số nào cao vượt trội hơn và đây là những hệ số tương quan ở mức thấp. Điều đó chứng tỏ sự tác động của PCGD tự do đến các mức độ nhận thức của học sinh THCS về các giá trị đạo đức là không cao. Những người cha có PCGD tự do luôn trao cho con quyền tự quyết, họ luôn tôn trọng mọi quyết định của con và để cho con làm theo ý mình một cách tự do. Họ không ép buộc, kiểm soát con, nếu con có sai phạm thì

cũng chỉ là sự nhắc nhở nhẹ nhàng. Họ chỉ đứng từ xa, chỉ khi nào con cần thì họ mới có sự can thiệp. Những người cha thuộc PCGD này hơn hẳn những cha mẹ thờ ơ, không quan tâm đến con, tuy nhiên họ hoàn toàn để con quyết định mọi việc. Cách cư xử của những người cha này với con rất thoải mái, điều đó có thể tạo được mối quan hệ cha con thân thiện. Tuy nhiên tự do quá mức không phải lúc nào cũng mang lại lợi ích trong việc giáo dục con. Trẻ em ở lứa tuổi học sinh THCS thích thể hiện cái tôi, muốn tự khẳng định mình, nhưng đây là lứa tuổi còn bốc đồng, kinh nghiệm sống chưa nhiều, suy nghĩ còn thiếu độ chín chắn. Trẻ được tự do làm theo những suy nghĩ của mình nhưng không phải lúc nào trẻ cũng hành động xuất phát từ nhận thức đúng đắn. Nếu cha mẹ không chú ý có những tác động, hướng dẫn, uốn nắn trẻ kịp thời thì đó là điều sai lầm trong việc giáo dục con ở lứa tuổi này.

Quan sát ở nhóm PCGD độc đoán thì nhận thấy rằng hệ số tương quan giữa PCGD của cha với từng mức độ nhận thức của học sinh về các giá trị đạo đức có sự chênh lệch khá lớn. Ở mức độ biết và mức độ hiểu của học sinh về giá trị đạo đức thì hệ số tương quan có giá trị âm, dao động ở mức -0,26 đến -0,21. Thể hiện tương quan nghịch giữa PCGD của cha và nhận thức của học sinh ở hai mức độ biết và hiểu của học sinh. Nếu PCGD của người cha càng độc đoán thì mức độ biết và hiểu về các giá trị đạo đức của học sinh lại càng thấp. Trong khi đó hệ số tương quan của PCGD độc đoán của người cha với nhận thức của học sinh về các giá trị đạo đức thì lại có giá trị dương ($R=0,25$), điều đó chỉ ra mối tương quan thuận giữa PCGD độc đoán của người cha với nhận thức ở mức độ biết của học sinh. Lý giải cho vấn đề này thì thấy rằng những người cha thuộc PCGD độc đoán luôn kiểm soát gắt gao mọi sinh hoạt và học tập của con, mọi việc làm của con đều có sự giám sát chặt chẽ của người cha. Những người cha luôn đặt ra cho con nhưng yêu cầu và luật lệ, con phải thực hiện mà không có một sự giải thích nào. Với những người cha này thì trẻ luôn biết nghe lời, làm theo những gì cha yêu cầu với một thái độ phục tùng và sợ sệt. Quát mắng và trừng phạt luôn được người cha trong nhóm PCGD này sử dụng. Vì vậy trong mọi tình huống xảy ra trong cuộc sống trẻ thường làm đúng, mà đúng hơn là trẻ luôn làm đúng theo lời của cha dặn. Trẻ làm theo một cách máy móc, tuyệt đối tuân thủ theo yêu cầu của cha vì sợ bị phạt. Trẻ không được giải thích tại sao phải làm như thế, thực hiện yêu cầu đó thì có ý nghĩa như thế nào.

Trẻ cũng sợ nên không giám hỏi hay nói ra những điều còn thắc mắc, chưa hiểu. Chính vì vậy trẻ em trong những gia đình có cha mẹ độc đoán có sự hạn chế về mức độ hiểu biết đối với các chuẩn mực đạo đức trong các nội dung giáo dục ở gia đình. Nếu như mọi yêu cầu đối với con từ phía người cha luôn đúng, những hành vi mà người cha dạy trẻ làm là phù hợp thì đó là điều tốt, tuy nhiên không phải bất cứ bậc cha mẹ cũng dạy con những điều hoàn toàn đúng với lứa tuổi của các em.

Tìm hiểu ý kiến của học sinh về cảm nhận của các em đối với cách giáo dục của cha mẹ thì hầu hết các em đều cảm thấy rất sợ cha, tất cả những việc cha yêu cầu các em đều phải thực hiện, có thắc mắc thì các em không bao giờ chia sẻ với cha, hoặc là các em tự giải quyết, hoặc là hỏi các bạn cùng tuổi hay thầy cô.

Ngoài ra, chúng tôi cũng nhận được nhận xét của một số giáo viên chủ nhiệm về một số học sinh của họ như sau:

Cô giáo N.T.L.H, giáo viên chủ nhiệm lớp 8, trường THCS Nguyễn Trãi chia sẻ: *“Trong lớp tôi có nhiều học sinh rất nghiêm túc trong học tập và kết quả học tập cũng cao ở hầu hết các môn. Tuy nhiên, qua theo dõi tôi thấy rằng đối với các hoạt động khác trong lớp các em rất trầm, ít tham gia và hoạt bát như những em học sinh khác.”*

Thầy T.C.T, giáo viên chủ nhiệm lớp 9, trường THCS Chu Văn An nhận xét: *“Hầu hết các em học sinh lớp 9 ngoan, có ý thức trong việc học tập. Nhưng vẫn có một số phụ huynh không tin tưởng con, kiểm soát quá chặt chẽ, khiến các em áp lực. Vẫn có những phụ huynh thiếu tôn trọng con, mắng con trước mặt bạn, hay thầy cô. Điều đó khiến các em mặc cảm, sống thu mình.”*

Từ đó chúng ta thấy rằng PCGD độc đoán của cha mẹ tồn tại nhiều hạn chế, có ảnh hưởng không tốt đến mong muốn học hỏi những điều hay, lẽ phải ở trẻ em trong gia đình.

Tiếp tục quan sát ở bảng số liệu ta thấy hệ số tương quan giữa PCGD dân chủ và các mức độ nhận thức của học sinh đối với các giá trị đạo đức lần lượt ở mức biết là 0,764, mức hiểu là 0,707 và mức vận dụng là 0,723. Kiểu phong cách giáo dục này ở người cha tỉ lệ thuận và khá chặt chẽ với các mức độ nhận thức của học sinh THCS về các giá trị đạo đức. Hệ số này cao hơn hẳn so với hệ số tương quan thuận của PCGD tự

do và PCGD độc đoán với các mức độ nhận thức của học sinh. Điều này cho chúng ta thấy có mối quan hệ phụ thuộc, người cha dân chủ trong giáo dục con cái bao nhiêu thì con cái họ có mức độ nhận thức về các giá trị đạo đức tốt bấy nhiêu. Qua trao đổi với một số phụ huynh thì đại đa số chúng tôi nhận được ý kiến cho rằng trẻ em ở lứa tuổi này không còn nhỏ nhưng cũng chưa phải là người lớn, các em muốn làm người lớn nhưng thế giới của người lớn vẫn còn nhiều điều ngỡ ngàng với các em. Hơn bao giờ hết đây là lứa tuổi mà các em cần sự dìu dắt, hướng dẫn từ cha mẹ. Trong gia đoạn này việc giáo dục của cha mẹ về những chuẩn mực đạo đức có ý nghĩa quan trọng, nó giúp hình thành nên những phẩm chất tốt đẹp gắn với cả cuộc đời của các em sau này. Ý thức được vai trò của cha mẹ đối với con trong giai đoạn này nhiều người cha cho rằng cách tốt nhất để giúp có thói quen đạo đức đúng đắn là thường xuyên quan tâm, trao đổi với con để kịp thời nhận ra những lệch lạc của con mà kịp thời uốn nắn, đồng thời nói cho con biết những điều mà các con còn mơ hồ về cuộc sống, về mối quan hệ đối với những người xung quanh cũng như đối với hoạt động hàng ngày của các con. Sự quan tâm, chỉ bảo tận tình sẽ tăng hiệu quả giáo dục, giúp con phát triển hoàn thiện.

2.4.2. Ảnh hưởng phong cách giáo dục của mẹ đến nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS

Tương tự như đối với PCGD của cha chúng tôi tiến hành tính hệ số tương quan R giữa PCGD của mẹ với các mức độ nhận thức của học sinh THCS về các giá trị đạo đức. Kết quả trình bày trong Bảng 2.16.

Bảng 2.16. Hệ số tương quan giữa PCGD của mẹ nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS

PCGD \ Nhận thức	MỨC		
	BIẾT	HIỂU	VẬN DỤNG
PCGD dân chủ	0,58**	0,67**	0,62**
PCGD tự do	0,12**	0,06**	0,02**
PCGD độc đoán	- 0,21**	- 0,20**	0,24**
PCGD thờ ơ	- 0,19**	- 0,10**	- 0,15**

** : Hệ số tương quan có nghĩa ở mức 0,001 (2 phía)

Quan sát bảng 2.16 cho thấy hệ số tương quan R giữa PCGD thờ ơ không quan

tâm của người mẹ với ba mức độ nhận thức biết, hiểu và vận dụng của học sinh THCS đều là những giá trị âm, thể hiện mối tương quan nghịch giữa PCGD thờ ơ của mẹ với các mức độ nhận thức của học sinh THCS đối với các giá trị đạo đức, và chúng có giá trị nhỏ hơn so hệ số tương quan nghịch của PCGD thờ ơ của cha với các mức độ nhận thức của học sinh. Mẹ thờ ơ, không quan tâm con thì nhận thức của con về các giá trị đạo đức càng thấp và thấp hơn nhiều so với sự thờ ơ của cha. Điều này cũng chỉ ra vai trò của những người mẹ ở những vùng nông thôn trong việc giáo dục con nói chung và giáo dục các giá trị đạo đức cho con nói riêng. Địa bàn nghiên cứu là vùng nông thôn, nghề nghiệp của tất cả những cha mẹ được nghiên cứu là làm nông. Công việc đồng áng thường vất vả, những việc nặng nhọc là do người cha đảm nhiệm chủ yếu, trách nhiệm chăm sóc, gần gũi con cái thì người mẹ đảm nhiệm nhiều hơn, thời gian tiếp xúc với mẹ nhiều hơn cha. Vì vậy, sự quan tâm hay không của mẹ ảnh hưởng rất lớn đến con.

Gần giống với PCGD độc đoán của người cha, PCGD độc đoán của mẹ cũng tương quan nghịch với mức độ biết ($R = -0,21$) và mức độ hiểu ($R = -0,20$), tương quan thuận với mức độ vận dụng ($R = 0,24$) trong nhận thức của học sinh THCS về các giá trị đạo đức. Kết quả cho thấy sự tác động của PCGD độc đoán của cha và mẹ đến nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh tại một số trường THCS ở huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị là tương đương nhau.

Tiếp theo chúng tôi xem xét tương quan giữa PCGD tự do của mẹ với các mức độ nhận thức của học sinh. Kết quả cho thấy PCGD tự do của mẹ không tác động nhiều đến mức độ nhận thức của học sinh về các giá trị đạo đức. Thể hiện ở hệ số tương quan giữa PCGD tự do của mẹ với các mức độ nhận thức của học sinh: Mức biết $R = 0,12$, mức hiểu $R = 0,06$, mức vận dụng $R = 0,02$. Như vậy, các mức độ nhận thức của học sinh THCS dường như không chịu ảnh hưởng từ PCGD tự do của mẹ.

Cuối cùng chúng tôi tìm hiểu tương quan giữa PCGD dân chủ của mẹ và mức độ nhận thức của học sinh THCS về các giá trị đạo đức. Cũng tương tự người cha, PCGD dân chủ của mẹ có tương quan thuận với các mức độ nhận thức của học sinh về các giá trị đạo đức, hệ số tương quan dao động từ 0,58 đến 0,67. Người mẹ dân chủ trong giáo dục con cái thì sẽ tỉ lệ thuận với mức độ nhận thức của con về các giá trị đạo đức.

Để có thể khẳng định đầy đủ hơn về mức độ ảnh hưởng của PCGD của cha mẹ đến nhận thức về các giá trị đạo đức của học sinh THCS, chúng tôi sử dụng phép toán hồi quy tuyến tính để tính mức độ ảnh hưởng của PCGD của cha mẹ đến các mức độ nhận thức của học sinh tại một số trường THCS trên địa bàn huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị về các giá trị đạo đức.

Qua kết quả hồi quy tuyến tính bậc nhất nhận thấy rằng trong số các biến số độc lập ở bảng trên thì các mức độ nhận thức của học sinh THCS về các giá trị đạo đức phụ thuộc vào kiểu PCGD dân chủ của cha, mẹ. Cụ thể như sau:

*** Ở mức biết:**

Bảng 2.17. Mức độ ảnh hưởng của các kiểu PCGD của cha mẹ đến nhận thức mức độ biết về giá trị đạo đức của học sinh THCS

	Biến phụ thuộc: Mức biết	R²
Biến độc lập	PCGD dân chủ của cha	0,55
	PCGD tự do của cha	0,04
	PCGD độc đoán của cha	0,06
	PCGD thờ ơ của cha	0,00
	PCGD dân chủ của mẹ	0,30
	PCGD tự do của mẹ	0,01
	PCGD độc đoán của mẹ	0,04
	PCGD thờ ơ của mẹ	0,03

- Tỷ lệ đóng góp của PCGD dân chủ của cha vào nhận thức ở mức độ biết về các giá trị đạo đức của học sinh THCS là $R^2 = 0,55 = 55\%$.

- Tỷ lệ đóng góp của PCGD dân chủ của mẹ vào nhận thức ở mức độ biết về các giá trị đạo đức của học sinh THCS là $R^2 = 0,30 = 30\%$.

*** Mức hiểu:**

Bảng 2.18. Mức độ ảnh hưởng của các kiểu PCGD của cha mẹ đến nhận thức ở mức độ hiểu về giá trị đạo đức của học sinh THCS

Biến	Biến phụ thuộc: Mức hiểu	R²
-------------	---------------------------------	----------------------

độc lập	PCGD dân chủ của cha	0,50
	PCGD tự do của cha	0,06
	PCGD độc đoán của cha	0,04
	PCGD thờ ơ của cha	0,02
	PCGD dân chủ của mẹ	0,45
	PCGD tự do của mẹ	0,00
	PCGD độc đoán của mẹ	0,04
	PCGD thờ ơ của mẹ	0,01

- Tỷ lệ đóng góp của PCGD dân chủ của cha vào nhận thức ở mức độ hiểu về các giá trị đạo đức của học sinh THCS là $R^2 = 0,50 = 50\%$.

- Tỷ lệ đóng góp của PCGD dân chủ của mẹ vào nhận thức ở mức độ hiểu về các giá trị đạo đức của học sinh THCS là $R^2 = 0,45 = 45\%$.

*** Mức vận dụng:**

Bảng 2.19. Mức độ ảnh hưởng của các kiểu PCGD của cha mẹ đến nhận thức ở mức độ vận dụng về giá trị đạo đức của học sinh THCS

Biến độc lập	Biến phụ thuộc: Mức vận dụng	R^2
	PCGD dân chủ của cha	0,52
	PCGD tự do của cha	0,01
	PCGD độc đoán của cha	0,06
	PCGD thờ ơ của cha	0,03
	PCGD dân chủ của mẹ	0,39
	PCGD tự do của mẹ	0,00
	PCGD độc đoán của mẹ	0,05
	PCGD thờ ơ của mẹ	0,02

- Tỷ lệ đóng góp của PCGD dân chủ của cha vào nhận thức ở mức độ vận dụng về các giá trị đạo đức của học sinh THCS là $R^2 = 0,52 = 52\%$.

- Tỷ lệ đóng góp của PCGD dân chủ của mẹ vào nhận thức ở mức độ vận dụng về các giá trị đạo đức của học sinh THCS là $R^2 = 0,39 = 39\%$.

Đối với các kiểu PCGD khác của cha, mẹ thì sự đóng góp vào các mức độ nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS là rất nhỏ (dưới 7%). Như vậy có thể thấy rằng mức độ nhận thức về các giá trị đạo đức của học sinh THCS ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau. PCGD của cha mẹ chỉ là một trong nhiều yếu tố ảnh hưởng đến mức độ nhận thức của học sinh THCS về các giá trị đạo đức. Qua kết quả phân tích hồi quy bậc nhất thì có thể rút ra nhận định rằng PCGD dân chủ của cha mẹ là một trong những yếu tố cần quan tâm trong quá trình giáo dục nâng cao nhận thức cho học sinh THCS về các giá trị đạo đức.

2.4.3. Các biện pháp giáo dục nhận thức giá trị đạo đức cho học sinh THCS

2.4.3.1. Cơ sở đề xuất biện pháp

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về ảnh hưởng của phong cách giáo dục của cha mẹ đến nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh về giá trị đạo đức và từ kết quả nghiên cứu thực trạng mức độ ảnh hưởng của phong cách giáo dục của cha mẹ đến nhận thức của học sinh tại một số trường THCS trên địa bàn huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị người nghiên cứu nhận thấy một số vấn đề sau:

- Sự nhận thức về các giá trị đạo đức của học sinh THCS là mức độ xác định, gọi tên, hiểu ý nghĩa của từng giá trị đạo đức và vận dụng được trong từng tình huống cụ thể.

- Mức độ nhận thức của học sinh về các giá trị đạo đức chịu sự tác động của nhiều yếu tố trong đó có yếu tố phong cách giáo dục của cha mẹ.

- Nhận thức của học sinh về các giá trị đạo đức ở mức độ biết và mức độ vận dụng khá tốt, tuy nhiên việc hiểu được ý nghĩa của các giá trị đạo đức của các em còn hạn chế. Các giá trị đức trong mối quan hệ với người thân trong gia đình được các em nhận thức rất tốt, nhưng một số giá trị đạo đức trong hoạt động học tập, quan hệ với những người ngoài gia đình thì mức hiểu của các em còn thấp.

- Qua kết quả nghiên cứu mức độ nhận thức của học sinh về các giá trị đạo đức thì thấy rằng các em con thiếu sự quan tâm bạn bè, ý thức trách nhiệm chưa cao, chưa hiểu đúng về sự chăm chỉ trong học tập.

- Phong cách giáo dục của cha mẹ, đặc biệt là phong cách giáo dục dân chủ có những ảnh hưởng tới mức độ nhận thức về giá trị đạo đức của con ở lứa tuổi học sinh

THCS. Cha mẹ có sự quan tâm, hướng dẫn và quản lý con đúng mức thì sẽ có những tác động tích cực tới nhận thức về các giá trị đạo đức của con cái.

Chính từ cơ sở lý luận và thực trạng trên, người nghiên cứu đề xuất một số phương pháp nhằm nâng cao hiệu quả việc giáo dục nhận thức cho học sinh về các giá trị đạo đức.

2.4.3.2. Nội dung các biện pháp giáo dục nhận thức về giá trị đạo đức cho học sinh THCS

a) Đối với nhà trường

Trong nhà trường trung học cơ sở, giáo dục nhận thức về giá trị đạo đức phải đặc biệt được coi trọng thì chất lượng giáo dục toàn diện mới được nâng lên vì đạo đức có mối quan hệ mật thiết với các mặt giáo dục khác. Vì vậy, trong nhà trường bên cạnh việc giảng dạy để trang bị kiến thức khoa học cho học sinh thì cần phải có những biện pháp tích cực nhằm cung cấp cho học sinh những hiểu biết về hệ thống các giá trị đạo đức.

-Giáo dục giá trị đạo đức thông qua quá trình dạy học

Trước hết việc giáo dục các giá trị đạo đức cho học sinh trong nhà trường THCS cần phải thông qua việc dạy học. Trong chương trình THCS môn giáo dục công dân là môn học cơ bản để giáo viên truyền tải đến học sinh những hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức. Thông qua môn học này mà học sinh có được một hệ thống khái niệm, tri thức đạo đức. Nhờ đó học sinh có thể hiểu được mục đích hành động, biết được cần phải làm gì, phân biệt được “cái tốt và cái xấu”, “cái đạo đức và cái vô đạo đức”,... Trên cơ sở đó, các em định hướng đúng trong các hiện tượng phong phú và phức tạp ở quanh mình và có được tính tự giác trong quá trình học tập, rèn luyện. Vì vậy, môn giáo dục công dân cần phải được chú trọng nâng cao chất lượng, tránh những bài giảng lý thuyết khó hiểu, không gắn liền với thực tế cuộc sống của học sinh.

Ngoài môn giáo dục công dân, tất cả các môn học khác ở trường THCS đều có khả năng lồng ghép các nội dung giáo dục các giá trị đạo đức cho học sinh. Chẳng hạn ở môn Văn qua các câu chuyện kể, các bài văn, bài thơ có nội dung phong phú, sinh động ca ngợi vẻ đẹp của đất nước, ca ngợi văn hóa, các tập quán truyền thống tốt đẹp của dân tộc nếu được khai thác, tiến hành đúng đắn sẽ mở rộng được kiến thức về giá

trị đạo đức, về truyền thống văn hóa, về kinh nghiệm, lối sống mang tính dân gian, phản ánh bản sắc đạo đức của dân tộc. Tất cả sẽ giáo dục, bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc và kể cả các chuẩn mực sơ giản trong giao tiếp, ứng xử về đạo đức ...

-Giáo dục giá trị đạo đức thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp

Nhà trường nên tổ chức các hoạt động tập thể trong phạm vi toàn trường tạo điều kiện để các em hình thành các mối quan hệ, gắn bó với nhau vì quyền lợi, danh dự chung, gây niềm vinh dự, tự hào về lớp mình, điều đó sẽ có ý nghĩa và tác dụng sâu sắc đến nhận thức, tình cảm của học sinh. Nhà trường có thể tổ chức các hoạt động như: lao động tập thể, các cuộc thi tài năng, sáng kiến của cá nhân, tổ chức giao lưu trong tập thể giữa các khối lớp,... Qua hoạt động tập thể, lòng nhân ái, sự quan tâm lẫn nhau, tính vị tha, tinh thần dũng cảm, trách nhiệm vì tập thể sẽ được hình thành ở các em.

-Vận động mọi lực lượng tham gia giáo dục đạo đức cho học sinh

Cần phải ý thức việc giáo dục nhận thức về các giá trị đạo đức cho học sinh là nhiệm vụ chung của toàn thể giáo viên, cán bộ trong nhà trường. Người có vai trò quan trọng và trực tiếp trong việc giáo dục giá trị đạo đức cho học sinh là các giáo viên chủ nhiệm. Giáo viên chủ nhiệm là linh hồn, là cố vấn tối cao của một lớp, là lực lượng giáo dục nòng cốt của nhà trường. Họ là người trực tiếp tổ chức, quản lý toàn diện các hoạt động giáo dục của một lớp học. Giáo viên chủ nhiệm là cầu nối giữa học sinh với phụ huynh, với các giáo viên khác và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường. Cho nên cần phải lựa chọn, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên chủ nhiệm và thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho giáo viên chủ nhiệm về công tác giáo dục đạo đức.

Đối với giáo viên bộ môn, phấn đấu dạy tốt môn học của mình, chú ý đến mọi đối tượng học sinh, để tận tình giúp đỡ các em tiếp thu tốt nhất kiến thức mình truyền đạt. Tích cực nâng cao chất lượng giờ dạy, chú trọng yêu cầu hiệu quả việc lồng ghép nội dung giáo dục giá trị đạo đức cho học sinh trong môn học, giờ học.

Đội thiếu niên và Đoàn thanh niên có vai trò rất lớn trong việc giáo dục đạo đức cho học sinh. Muốn thực hiện tốt công tác giáo dục đạo đức cho học sinh, Đoàn và Đội ngày càng phát huy hơn nữa tính chủ động, tích cực của mình, đặc biệt là trong việc tổ

chức các hoạt động tập thể nhằm thu hút học sinh đến tập thể, đến những hoạt động bổ ích. Để giáo dục về lòng nhân ái, truyền thống, đạo lý con người Việt Nam. Tổ chức Đoàn và Đội phải là tổ chức đi đầu trong việc nêu gương, giáo dục bốn phẩm, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình trong các mối quan hệ xã giúp học sinh nhận thức đúng về các giá trị đạo đức.

Kết hợp chặt chẽ với gia đình để giáo dục các em. Gia đình là một môi trường, lực lượng giáo dục đầu tiên, trực tiếp, gần gũi, thường xuyên và lâu dài nhất đối với mọi trẻ em. Vì vậy, nhà trường, đặc biệt là giáo viên chủ nhiệm cần xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với gia đình để tạo môi trường giáo dục thống nhất, đồng bộ đối với học sinh.

b) Đối với gia đình

- Cha mẹ phải ý thức vai trò và trách nhiệm của mình trong việc giáo dục giá trị đạo đức cho con.

Giáo dục trong gia đình là bước đầu tiên và quan trọng trong việc hình thành và phát triển nhân cách con người. Giáo dục gia đình chuẩn bị cho trẻ những hiểu biết, những kỹ năng và thái độ cần thiết đối với các sự vật, hiện tượng của thế giới xung quanh để đưa trẻ gia nhập vào đời sống xã hội. Xã hội càng phát triển thì càng làm tăng tầm quan trọng của giáo dục gia đình đối với sự hình thành và phát triển nhân cách thế hệ trẻ. Mục đích sâu xa của giáo dục gia đình là hướng tới xây dựng nhân cách con người, đạo lý làm người. Giáo dục gia đình sẽ hướng dẫn cho trẻ nhận thức đúng đắn về những giá trị đích thực, những chuẩn mực và khuôn mẫu xã hội, những bốn phẩm, nghĩa vụ và quyền lợi, cũng như những trật tự không chỉ trong gia đình mà ở cả ngoài xã hội. Chính vì vậy mà cha mẹ cần ý thức được trách nhiệm làm cha mẹ là quan trọng và không thể thay thế trong việc giáo dục các giá trị đạo đức cho con.

- Cha mẹ là tấm gương về đạo đức cho con

Giáo dục trẻ bắt đầu từ cái nôi gia đình và cha mẹ là những người thầy đầu tiên của chúng. Nhân quan của trẻ em về thế giới xung quanh được hình thành, dựa trên những tiếp xúc và giao tiếp của chúng với những người chúng gần gũi. Con cái lệ thuộc, hay để ý và bắt chước cha mẹ. Do đó cha mẹ là người trực tiếp gieo vào tâm hồn trẻ những hạt giống yêu thương, trung thực, tốt bụng hay giả dối, gây hấn, bạo lực....

Dạy con từ thưở còn thơ vì trẻ con có thể phân biệt được đúng-sai, phải-trái, tốt-xấu. Để hình thành ở trẻ em những nhận thức đúng đắn về chuẩn mực đạo đức, trẻ em cần thấy được gương sáng nơi người lớn, chúng cần thấy được phản ứng của cha mẹ trước những tình huống xảy ra trong cuộc sống. Chính bằng phản ứng và nhất là gương sáng của mình, cha mẹ đóng dấu lên tâm hồn trẻ những nhận thức đúng đắn về cách hành xử và giải quyết vấn đề.

- ***Xây dựng truyền thống, nề nếp sinh hoạt lành mạnh trong gia đình***

Cha mẹ cần coi trọng việc xây dựng nề nếp, truyền thống đạo đức của gia đình. Môi trường giáo dục có ảnh hưởng rất lớn đến lối sống của các em. Một gia đình có nề nếp gia phong, cha mẹ yêu thương, quan tâm, lắng nghe và tôn trọng con cái, các thành viên trong gia đình yêu thương đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau... sẽ giúp các em có được nền tảng đạo đức vững chắc. Mỗi gia đình phải thực sự là một tổ ấm, luôn giữ bếp lửa gia đình, bữa cơm gia đình thực sự ấm cúng, tình cảm, tràn đầy niềm vui, là mảnh đất tốt để ươm trồng những mầm non phát triển toàn diện cả thể chất, tinh thần, tâm sinh lý và nhân cách.

- ***Hiểu con để có cách giáo dục tốt***

Học sinh THCS là lứa tuổi có nhiều thay đổi trong đời sống tâm sinh lý, vì thế nên cha mẹ cần hiểu tâm sinh lý của con trẻ để có phương pháp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục phù hợp, động viên khích lệ kịp thời lời nói và hành vi tốt, nhắc nhở phê bình lời nói, cử chỉ, hành động chưa tốt của con trẻ.

Trong gia đình cha mẹ nên tổ chức những công việc cho con cùng tham gia. Qua đó, giáo dục con ý thức về lao động, về tinh thần trách nhiệm trong công việc. Cha mẹ nên tạo dựng mối quan hệ gần gũi, thân tình với con cái. Cha mẹ hãy là một người bạn, một nhà tham vấn cho con. Ở tuổi các em, giao lưu bạn bè là hoạt động chủ đạo. Các em dễ tiếp nhận ý kiến từ bạn bè. Do vậy, để việc giáo dục đạt hiệu quả, cha mẹ cần trở nên như một người bạn của con, để con tin tưởng chia sẻ và bày tỏ mọi vấn đề trong cuộc sống. Cha mẹ cũng nên biết những mối quan hệ bạn bè của con, không phải để kiểm soát mà để định hướng, giúp con biết “chọn bạn mà chơi”. Bạn bè có tầm ảnh hưởng rất lớn đến các em trong giai đoạn này, nên cha mẹ cũng có thể giáo dục con cái thông qua các nhóm bạn.

c) Đối với xã hội

- Tổ chức các hoạt động phù hợp lứa tuổi học sinh THCS

Học sinh THCS là lứa tuổi rất thích tham gia vào các hoạt động xã hội, những hoạt động có nhiều người cùng tham gia. Chính vì thế những tác động của các mối quan hệ xã hội đến nhận thức của các em về giá trị đạo đức là không nhỏ.

Các em luôn muốn mình là người lớn vì thế hãy coi các em là thành viên của xã hội để tổ chức cho các em tham gia những hoạt động tại địa phương như: vệ sinh đường làng, ngõ xóm, giúp đỡ các gia đình neo đơn, người già, gia đình có công với cách mạng,... nhằm nâng cao tầm hiểu biết, tạo sự quan tâm tập thể, vun đắp cho các em lòng yêu thương con người, nâng cao tính tự lập và đặc biệt giáo dục cao lòng yêu quê hương, đất nước, biết ơn thế hệ trước.

- Xây dựng lối sống văn hóa trong cộng đồng

Trong mỗi xóm, làng cần phát động xây dựng lối sống văn hóa, lành mạnh, không có tệ nạn xã hội, làng xóm láng giềng đoàn kết, quan tâm giúp đỡ nhau nhằm tạo môi trường sống trong sạch, an toàn cho trẻ.

Xã hội cần tạo ra sức mạnh dư luận theo chiều hướng tích cực để học sinh có thái độ sống phù hợp, có ích, biết chia sẻ, chung sức cùng cộng đồng trong các hoạt động tập thể, đoàn kết và phấn đấu xây dựng nếp sống văn hóa, lành mạnh, chống lại những biểu hiện tiêu cực, suy thoái đạo đức.

Cần phải có sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động, game, tụ điểm ca nhạc, chiếu phim,.. Để có sự ngăn chặn kịp thời những ảnh hưởng không tốt đến học sinh.

- Tạo điều kiện cho các tổ chức trong cộng đồng phát huy hiệu quả hoạt động

Các cấp chính quyền tại địa phương tạo mọi điều kiện để Đoàn thanh niên, các chi hội phụ nữ đẩy mạnh hoạt động của mình bằng nhiều hình thức như các hoạt động tình nguyện, xây dựng tủ sách ở các thôn xóm, tổ chức các buổi sinh hoạt thanh thiếu niên thiết thực, ý nghĩa, hay các thành lập các câu lạc bộ của cha mẹ nhằm trao đổi kinh nghiệm trong việc giáo dục con cái.

- Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng khác để giáo dục giá trị đạo đức cho học sinh

Cần chú trọng xây dựng mối quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và địa phương. Hằng năm, thông qua các văn bản, công văn, báo cáo định kỳ, nhà trường và địa phương nơi học sinh sinh sống trao đổi thông tin đồng thời triển khai kế hoạch phối hợp trong công tác giáo dục nhận thức giá trị đạo đức cho học sinh. Đưa công tác giáo dục đạo đức cho học sinh vào tiêu chí xây dựng, bình chọn “*Gia đình văn hóa - Làng văn hoá - Ông bà mẫu mực, con cháu thảo hiền*”, có đánh giá nhận xét của chính quyền địa phương về “*sinh hoạt hè*” của học sinh, tổ chức ký cam kết trách nhiệm giữa “*Nhà trường - Chính quyền địa phương*”. Tạo được sự hỗ trợ tích cực của các lực lượng hình thành quá trình khép kín trong công tác giáo dục nhận thức giá trị đạo đức cho học sinh.

d) Đối với bản thân học sinh

Học sinh là khách thể nhận sự giáo dục từ gia đình, nhà trường, xã hội, đồng thời các em cũng là những chủ thể chủ động trong quá trình tự giáo dục nâng cao nhận thức về các giá trị đạo đức.

Sự nỗ lực học tập giúp học sinh trang bị những kiến thức cơ bản về các chuẩn mực đạo đức của xã hội. Đó không chỉ là những kiến thức trong nhà trường, mà còn bao gồm cả kỹ năng sống, cách giao tiếp, ứng xử. Học sinh cần nhận thức rõ rằng, việc nhận thức đúng đắn các giá trị đạo đức không chỉ là trách nhiệm, mà còn là quyền lợi của chính bản thân các em.

Bản thân mỗi học sinh cần xác định mục tiêu học tập, rèn luyện. Đề ra cho mình những yêu cầu để bản thân phấn đấu khi còn ngồi trên ghế nhà trường.

Tích cực tiếp cận nhiều nguồn thông tin để nâng cao mức hiểu của bản thân về các giá trị đạo đức.

Thường xuyên rèn luyện đạo đức của bản thân trong môi trường gia đình, nhà trường và xã hội.

Tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng ở nhà trường, địa phương để có những trải nghiệm về các giá trị đạo đức trong cuộc sống.

Tiểu kết chương 2

Đa số cha mẹ của học sinh THCS được nghiên cứu thuộc PCGD dân chủ. Bên cạnh tính ổn định của PCGD của cha mẹ thì vẫn có sự linh hoạt trong việc sử dụng các PCGD trong từng nội dung giáo dục.

Sự chênh lệch giữa ba phong cách giáo dục: dân chủ, tự do, độc đoán không nhiều, còn sự chênh lệch giữa ba kiểu phong cách giáo dục nói trên so với phong cách giáo dục thờ ơ – không quan tâm thì lớn hơn.

Trên cùng một địa bàn sinh sống, cùng chung yếu tố về nghề nghiệp, văn hóa thì độ tuổi hay đặc điểm độ tuổi của con không ảnh hưởng đến việc sử dụng các kiểu PCGD của cha mẹ trong quá trình giáo dục con cái.

Nhận thức của học sinh THCS trên địa bàn được nghiên cứu nhìn chung ở mức độ cao, tập trung ở mức độ biết về các giá trị đạo đức và mức vận dụng còn ở mức hiểu về các giá trị đạo đức thì ở mức trung bình. Không có sự khác biệt nhiều về mức độ nhận thức giữa các học sinh nam và học sinh nữ, học sinh có xếp loại học lực khác nhau, giữa học sinh của các trường, khối lớp khác nhau.

Có sự ảnh hưởng của PCGD của cha, mẹ đến các mức độ nhận thức của học sinh về giá trị đạo đức, mỗi kiểu PCGD khác nhau của cha mẹ có ảnh hưởng khác nhau đến nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS.

Trong bốn kiểu PCGD thì chỉ có PCGD dân chủ của cha mẹ có tỉ lệ đóng góp cao vào mức độ nhận thức của học sinh THCS. Đối với các kiểu PCGD khác của cha, mẹ thì sự đóng góp vào các mức độ nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS là rất nhỏ (dưới 7%).

Có nhiều biện pháp từ phía gia đình, nhà trường, xã hội, nhằm góp phần giáo dục nhận thức về giá trị đạo đức cho học sinh THCS.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Kết quả nghiên cứu thực trạng ảnh hưởng của PCGD của cha mẹ đến nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh tại một số trường THCS huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị cho phép người nghiên cứu rút ra các kết luận như sau:

1.1. Phong cách giáo dục của cha mẹ là tập hợp các cách thức thể hiện hành động, thái độ của cha mẹ trong quá trình giáo dục con.

1.2. Nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS là sự hiểu biết của học sinh về các giá trị đạo đức và sự vận dụng sự hiểu biết đó để ứng xử, hành động trong những môi quan hệ diễn ra xung quanh cuộc sống của các em. Nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS được nghiên cứu trên ba mức độ: mức độ biết, mức độ hiểu và mức độ vận dụng.

1.3. Ảnh hưởng của PCGD của cha mẹ đến nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS là sự tác động theo hai chiều thuận, nghịch. Mức độ ảnh hưởng của PCGD của cha mẹ đến nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS được xác định về mặt định lượng thông qua hệ số tương quan và phép toán hồi quy để đánh giá mức đóng góp của PCGD của cha mẹ đến nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh.

1.4. Kết quả nghiên cứu cho thấy trong quá trình giáo dục con cái, các bậc cha mẹ sử dụng các kiểu PCGD khác nhau. Có sự khác biệt về PCGD giữa những người cha và những người mẹ. Sự khác biệt về kiểu PCGD của từng cha, mẹ trong các nội dung giáo dục khác nhau. Trong bốn kiểu giáo dục được nghiên cứu thì PCGD dân chủ chiếm ưu thế nhất, chiếm tỉ lệ thấp nhất là PCGD thờ ơ. Trên cùng một địa bàn sinh sống, cùng chung yếu tố về nghề nghiệp, văn hóa thì độ tuổi của cha, mẹ hay đặc điểm độ tuổi của con không ảnh hưởng đến việc sử dụng các kiểu PCGD của cha mẹ trong quá trình giáo dục con cái.

1.5. Học sinh tại một số trường THCS trên địa bàn huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị có nhận thức về các giá trị đạo đức nhưng chưa thật đầy đủ. Các em biết về các giá trị đạo đức và vận dụng vào các tình huống cụ thể thì khá tốt. Những giá trị đạo đức trong quan hệ gia đình, thầy cô được các em biết rất tốt. Nhưng việc hiểu đầy đủ về các giá trị đạo đức thì còn ở mức độ trung bình, một số giá trị đạo đức đối với bản

thân, đối với việc học tập các em hiểu còn hạn chế.

1.6. Phong cách giáo dục của cha mẹ có ảnh hưởng, tác động đến mức độ nhận thức của học sinh THCS. Trong bốn kiểu PCGD thì chỉ có PCGD dân chủ của cha mẹ có tỉ lệ đóng góp cao vào mức độ nhận thức của học sinh THCS. Đối với các kiểu PCGD khác của cha, mẹ thì sự đóng góp vào các mức độ nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS là rất nhỏ (dưới 7%).

Có nhiều biện pháp từ phía gia đình, nhà trường, xã hội, nhằm góp phần giáo dục nhận thức về giá trị đạo đức cho học sinh THCS.

2. Kiến nghị

Để giúp học sinh THCS nói chung và học sinh THCS tại Quảng Trị nói riêng có nhận thức đúng đắn, đầy đủ về các giá trị đạo đức truyền thống cũng như những giá trị đạo đức cần thiết cho sự phát triển nhân cách trong thời đại mới, người nghiên cứu xin kiến nghị:

2.1. Đối với các cấp lãnh đạo nhà trường cần nâng cao ý thức về tầm quan trọng của việc giáo dục nhận thức cho học sinh về các giá trị đạo đức vì nhận thức điều chỉnh hành vi đạo đức và thúc đẩy hành vi của học sinh. Nhận thức đúng sẽ thúc đẩy các em có hành vi đạo đức phù hợp chuẩn mực của xã hội.

2.2. Tại các trường nên đổi mới nội dung và hình thức giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh. Cung cấp cho học sinh các tri thức sơ đẳng về các chuẩn mực đạo đức gắn với kinh nghiệm sống, giúp học sinh hình thành, định hướng về giá trị đạo đức, biết các nghĩa vụ, trách nhiệm và phân biệt được cái đúng cái sai, cái thiện cái ác. Từ đó có nguyện vọng thông qua hoạt động mà đưa các chuẩn mực, các giá trị ấy vào mọi lĩnh vực của cuộc sống, phù hợp với trình độ nhận thức, thói quen hành vi đạo đức đang hình thành ở mỗi em. Đội ngũ các thầy cô giáo và những người có trách nhiệm giáo dục các em phải là những tấm gương sáng về đạo đức, lối sống.

2.3. Đối với gia đình, cần phấn đấu xây dựng gia đình văn hóa. Cha mẹ và những người lớn trong gia đình cần quan tâm đến việc giáo dục nhận thức về các giá trị đạo đức cho con cháu, gương mẫu trong cuộc sống, trong công việc, trong ứng xử với các thành viên trong gia đình và với mọi người xung quanh.

2.4. Các tổ chức đoàn thể ở địa phương cần có những hoạt động tích cực và

hiệu quả hơn nữa trong việc phối hợp với nhà trường, gia đình nhằm giáo dục cho học sinh những giá trị đạo đức thiết thực.

Cuối cùng, chúng tôi mong muốn có những nghiên cứu tiếp theo về vấn đề ảnh hưởng của phong cách làm cha mẹ đến nhận thức về các giá trị đạo đức ở các lứa tuổi khác nhau để có sự đánh giá phong phú, bao quát hơn về những tác động của phong cách giáo dục của cha mẹ đến nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh, từ đó có những biện pháp tác động tâm lý hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Hoàng Anh (2007), *Thực trạng định hướng giá trị đạo đức của sinh viên sư phạm Tp. HCM*, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, Tp. HCM.
2. Bacđian. A. M (1977), *Giáo dục các con trong gia đình*, Nxb Kim Đồng.
3. Phạm Thanh Bình, Lê Phong, Trần Thị Hương, Trần Văn Tính (1995), *Thực trạng - nguyên nhân - giải pháp giáo dục học sinh yếu kém về đạo đức ở một số trường phổ thông miền Trung hiện nay*, Kỷ yếu hội thảo Khoa học.
4. Bộ giáo dục và đào tạo (2006), *Luật giáo dục*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Lê Thị Bừng (2000), *Trường học đầu tiên của lòng nhân ái*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
6. Trần Thị Cẩm (2005), *Tâm lý trẻ em và giáo dục trong gia đình*, Nxb Phụ nữ.
7. Mai Phương Chi (2006), *Dạy con nên người*, Nxb Văn hóa thông tin.
8. Phạm Khắc Chương, Hà Nhật Thăng (1998), *Đạo đức học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
9. Phạm Khắc Chương (1993), *Giải pháp tình huống trong giáo dục gia đình*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. Võ Thị Cúc (2003), *Văn hóa gia đình với việc hình thành và phát triển tâm lý trẻ em*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
11. Dominique Chalvin (1993), *Các phong cách quản lý*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
12. Phạm Tất Dong, Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Hải Khoát (2004), *Tâm lý học đại cương tập II*, Viện đại học Mở Hà Nội.
13. Vũ Dũng (2000), *Từ điển Tâm lý học*, Nxb Khoa học xã hội.
14. Vũ Dũng (2011), *Giáo trình Tâm lý học quản lý*, Nxb Đại học Sư phạm.
15. Trần Văn Giàu (1993), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb Tp. HCM.
16. Ginott. H. G (2004), *Ứng xử giữa cha mẹ và con cái*, Nxb Phụ nữ.
17. Lưu Song Hà (1999), *Hành vi lệch chuẩn của học sinh trung học cơ sở và mối tương quan giữa nó với kiểu cha mẹ - con cái*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Viện Tâm lý học, Hà Nội.
18. Trương Thị Khánh Hà (2011), “Phong cách giáo dục của cha mẹ”, *Tạp chí khoa*

- học*, (27), tr.162 – 169.
19. Phan Thị Hồng Hà (2012), *Định hướng giá trị đạo đức của sinh viên trường Đại học Đồng Nai*, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, Đại học Sư phạm Tp. HCM.
 20. Phạm Minh Hạc (1996), *Phát triển giáo dục, phát triển con người phục vụ phát triển xã hội kinh tế*, Nxb Khoa học xã hội.
 21. Cẩn Hữu Hải (2002), *Ảnh hưởng của truyền thống gia đình đến định hướng giá trị của lứa tuổi đầu thanh niên*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
 22. Vũ Hạnh, Trần Tuyên, Đỗ Quang (1975), *Bàn tay người mẹ - kinh nghiệm giáo dục gia đình*, Nxb Kim Đồng.
 23. Cao Thu Hằng (2006), “Giá trị đạo đức truyền thống và những yêu cầu đạo đức đối với nhân cách con người Việt Nam hiện nay”, *Triết học*.
 24. Lê Như Hoa (2000), *Văn hóa gia đình với việc hình thành và phát triển nhân một cách trẻ em*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
 25. Nguyễn Thị Hoa (1999), “Hành vi có vấn đề của trẻ vị thành niên: Những ảnh hưởng của cha mẹ”, *Tạp chí Tâm lý học*, 99, (1), tr.35 - 38
 26. Ngô Công Hoàn (1993), *Tâm lý học gia đình*, Nxb Đại học sư phạm Hà Nội.
 27. Lê Văn Hồng, Lê Ngọc Lan, Nguyễn Văn Thành (1998), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
 28. Trần Minh Hồ (1992), “Ý thức đạo đức phản ánh lĩnh vực nào của đời sống xã hội”, *Tạp chí triết học*, (1), tr.24 - 25.
 29. Nguyễn Thế Hùng (dịch) (1989), *Từ điển Bách khoa toàn thư Xô Viết 1979*, Matxcova, Hà Nội.
 30. Vũ Khiêu (2003), “Sự suy thoái về đạo đức và giải pháp của chúng ta”, *Tạp chí Tâm lý học*, (9).
 31. Đặng Phương Kiệt (1999), *Trẻ em và gia đình những nghịch lý*, Nxb Phụ nữ.
 32. Đặng Xuân Kỳ (2004), *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị.
 33. Vũ Thị Khánh Linh (2013), *Mối tương quan giữa phong cách giáo dục của cha mẹ và tính tích cực giao tiếp với cha mẹ của thiếu niên*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Đại học Sư phạm Hà Nội.

34. Vũ Thị Khánh Linh (2007), “Thực trạng về phong cách giáo dục của cha mẹ học sinh trường THCS Trần Đăng Ninh, TP Nam Định”, *Tạp chí tâm lý học*, (12), tr17 - 23.
35. Vũ Thị Khánh Linh (2011), “Phong cách giáo dục của cha mẹ trong các lĩnh vực giáo dục gia đình”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, Viện khoa học giáo dục, (75), tr44 - 48.
36. Nguyễn Hồi Loan (2000), “Ảnh hưởng của gia đình tới hành vi vi phạm pháp luật của trẻ em vị thành niên”, *Tâm lý học*, (6), tr39 - 42.
37. Nguyễn Ngọc Long, Nguyễn Hữu Vui (2005), *Giáo trình triết học Mác – Lênin*, Bộ giáo dục và đào tạo.
38. Đức Minh (1976), *Những mẫu chuyện dạy con*, Nxb Phụ nữ.
39. Đức Minh (1977), *Giáo dục gia đình và tuổi thiếu niên*, Nxb Phụ nữ.
40. Hoàng Lê Minh (2005), *Khoa học quản lý*, Nxb Văn hóa thông tin.
41. Nguyễn Chí Mỹ (1999), *Sự biến đổi thang giá trị đạo đức trong nền kinh tế thị trường với việc xây dựng đạo đức mới cho cán bộ quản lý ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia.
42. Phan Trọng Ngọ, Nguyễn Đức Hương (2003), *Các lý thuyết phát triển tâm lý người*, Nxb Đại học Sư phạm.
43. Lê Minh Nguyệt (2011), *Mức độ tương tác giữa cha mẹ và con tuổi thiếu niên*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Viện Tâm lý học, Hà Nội.
44. Vũ Thị Nho (2005), *Tâm lý học phát triển*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
45. Bùi Ngọc Oánh (1995), *Tâm lý học quản lý và xã hội*, Nxb Thống kê.
46. Hoàng Phê (2006), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
47. Nguyễn Thị Bích Phượng (2012), *Ảnh hưởng của phong cách làm cha mẹ đến hành vi không thích nghi của trẻ vị thành niên có rối loạn hành vi*, Luận văn thạc sĩ Tâm lý học, Trường Đại học Giáo dục.
48. Hà Nhật Thăng (1998), *Giáo dục hệ thống giá trị đạo đức nhân văn*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
49. Hà Nhật Thăng, Đào Thanh Âm (1998), *Lịch sử giáo dục thế giới*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

50. Mạch Quang Thắng (2006), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
51. Nguyễn Xuân Thức (2006), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
52. Trần Trọng Thủy (2000), *Tâm lý học đại cương*, Sách dành cho CĐSP, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
53. Trần Trọng Thủy (1993), “Giá trị, định hướng giá trị và nhân cách”, *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục* (7).
54. Đặng Hữu Toàn (2006), “Hướng các giá trị đạo đức truyền thống theo hệ chuẩn giá trị Chân – Thiện – Mỹ”, *Tạp chí Triết học* (3).
55. Dương Thiệu Tống (2005), *Phương pháp nghiên cứu Khoa học giáo dục và tâm lí*, Nxb Khoa học xã hội.
56. Mạc Văn Trang (1983), *Giáo dục hành vi đạo đức cho học sinh nhỏ*, Nxb Giáo dục.
57. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2005), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Nxb Thống kê.
58. Thái Duy Tuyên (1994), *Ảnh hưởng của kinh tế thị trường đối với việc hình thành và phát triển nhân cách con người Việt Nam*, Đề tài KX – 07 – 10, Hà Nội.
59. Thái Duy Tuyên (1994), *Tìm hiểu định hướng giá trị của thanh niên Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường*, Hà Nội.
60. Thái Duy Tuyên (1995), *Tìm hiểu định hướng giá trị của thanh niên Việt Nam, Chương trình khoa học công nghệ*, Đề tài KX – 07 – 10, Hà Nội.
61. Từ điển Triết học (1986), Nxb Sự thật, Hà Nội.
62. Từ điển Tiếng Việt (1992), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
63. Nguyễn Quang Uẩn – Nguyễn Thạc – Mạc Văn Trang (1995), *Giá trị - Định hướng giá trị nhân cách và giáo dục giá trị*, Đề tài KX – 07 – 04, Hà Nội.
64. Nguyễn Quang Uẩn – Trần Trọng Thủy (2007), *Tâm lý học đại cương*, Nxb Đại học Sư phạm.
65. Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Thạc, Mạc Văn Trang (1995), *Giá trị - định hướng nhân cách và giáo dục giá trị*, Chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước

KX – 07, Đề tài KX 07 – 04.

66. Nguyễn Khắc Viện (1999), *Tâm lý gia đình*, Nxb Thanh niên.
67. Viện nghiên cứu giáo dục (2001), *Kỷ yếu hội thảo khoa học về vấn đề giáo dục đạo đức cho học sinh trung học cơ sở ở thành phố Hồ Chí Minh*.
68. Huỳnh Khải Vinh (2000), *Một số vấn đề về lối sống đạo đức chuẩn giá trị xã hội*, Nxb Chính trị Quốc gia.

Tiếng Anh

69. Bloom B. S. (1956). *Taxonomy of Educational Objectives, Handbook I: The Cognitive*.
70. D. Baumrind (1967), *Parental disciplinary patterns and social competence in children*, Youth and Society, pp 239 - 276.
71. D. Baumrind (1991), *The influence of parenting style on adolescent competence and substance use*, Journal of Early Adolescence 11(1), pp 56 - 95.
72. R.K.Chao (2001), *Extending research on the consequences of parenting style for Chinese American and European American*, Child Development, pp1832- 1843.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

PHIẾU THĂM DÒ Ý KIẾN

(Dành cho phụ huynh học sinh)

Để tìm hiểu ảnh hưởng của phong cách giáo dục của cha mẹ đến nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh THCS, trên cơ sở đó đề xuất một số biện pháp nhằm giáo dục nhận thức về giá trị đạo đức cho học sinh. Xin ông (bà) vui lòng trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách đánh dấu (X) vào ý kiến mà ông (bà) cho là phù hợp nhất với mình.

Câu 1: Ông (bà) có thường xuyên tìm hiểu vấn đề giáo dục con cái không?

- Thường xuyên
- thỉnh thoảng
- Ít khi
- Rất hiếm

Câu 2: Theo ông(bà) cách tốt nhất để giáo dục con cái hiệu quả là:

- Thường xuyên trò chuyện để hiểu con và cho con lời khuyên kịp thời
- Cho con quyền tự chủ trong mọi vấn đề, cha mẹ chỉ giúp đỡ khi cần thiết
- Nghiêm khắc và kiểm soát chặt chẽ
- Để mặc cho con tự do phát triển

Câu 3: Đối với ông (bà) việc trò chuyện với con là một việc diễn ra:

- Rất thường xuyên
- Thường xuyên vào những lúc con cần hỏi ý kiến tôi
- Ít khi, chỉ những lúc cần dạy bảo con
- Hiếm khi tôi trò chuyện với con

Câu 4: Trong khi giáo dục con ông(bà) thường:

- Bình tĩnh, giảng giải cho con hiểu
- Dễ dãi, thường thỏa hiệp là chính
- Hay nổi nóng, cáu gắt
- Để mặc con

Câu 5: Trong mối quan hệ bạn bè của con ông(bà) thường:

- Để cho con tự do nhưng luôn nhắc nhở con biết chọn bạn
- Để cho con tự do kết bạn
- Chỉ cho con chơi với những bạn mà mình hài lòng
- Không quan tâm đến việc kết bạn của con

Câu 6: Có lần cháu xin phép đến nhà bạn giúp bạn chép bài vì bạn của cháu bị ốm, ông(bà) sẽ:

- Hỏi thăm bạn con là ai, nhà ở đâu, ốm ra sao rồi cho con đi
- Đồng ý cho con đi
- Không cho cháu đi, vì con phải học bài
- Để con tự ý quyết định

Câu 7 : Sau giờ học nghe con có những lời nhận xét về việc chấm điểm của giáo viên với thái độ thiếu tôn trọng, ông(bà) sẽ:

- Hỏi rõ chuyện, nhắc nhở con không nên có thái độ đó
- Nghe nhưng không nói gì, nghĩ rằng con mình đã hiểu chuyện, có quyền đánh giá
- Quát con vì tội nhiều chuyện, không lo học hành
- Không quan tâm

Câu 8: Khi thấy con nhiệt tình giúp đỡ những người xung quanh và tham gia các hoạt động tình nguyện của trường, lớp, địa phương tổ chức ông (bà) sẽ:

- Khen con và nói với con đó là những việc nên làm
- Khen con hết lời
- Không muốn con tham gia sợ ảnh hưởng việc học của con
- Không có thái độ gì

Câu 9: Khi phân công việc nhà cho con mà con không thực hiện đầy đủ thì ông (bà) sẽ:

- Nói chuyện với con về trách nhiệm của mình
- Để con tự giác
- Yêu cầu con làm lại khi nào xong mới thôi
- Để con làm được đến đâu hay đến đấy

Câu 10: Đi họp phụ huynh cho con, cô giáo phê bình cháu gian lận trong thi cử, ông(bà) sẽ:

- Nhắc nhở con lần sau không được tái phạm
- Coi đó là điều bình thường, tuổi học trò ít nhiều có sai phạm
- Tức giận, sẽ cho con một trận khi về nhà
- Không có thái độ gì

Câu 11: Khi thấy con dành thời gian xem phim, đọc truyện hơn cho việc học ông(bà) sẽ:

- Nhắc nhở, nói với con phải phân bổ thời gian học và giải trí hợp lí
- Để con tự giác
- Cấm không cho xem phim, đọc truyện, kiểm soát chặt chẽ

Không quan tâm vì con cái đã lớn tự biết phải làm gì

Câu 12: Phát hiện con nghỉ học không có lý do vài lần, ông(bà) sẽ:

Hỏi lý do và phê bình

Nhắc nhở nhẹ nhàng

Tức giận và đánh con

Không để ý vì còn nhiều việc quan trọng khác cần phải làm

Câu 13: Khi thấy con ham chơi không chịu làm việc nhà phụ giúp bố mẹ ông(bà) sẽ:

Nhắc nhở con lớn rồi nên phụ giúp bố mẹ

Bực tức nhưng không bắt buộc con

Tức giận, mắng con và yêu cầu con làm việc nhà

Mặc con tự do làm theo ý mình

Câu 14: Khi con không vâng lời, làm buồn lòng bố mẹ, ông(bà) sẽ:

Nói chuyện với con để con hiểu đúng sai

Buồn nhưng không trách vì con còn nhỏ dại

Nổi nóng và quát mắng con

Mặc kệ con, lớn rồi, tự làm tự chịu

Câu 15: Khi thấy các con hay cãi vã, không nhường nhịn nhau, ông(bà) sẽ:

Nói chuyện với các con để con hiểu về tình cảm anh chị em trong gia đình và thay đổi

Nhắc nhở và để các con tự giải quyết

Mắng cho các con một trận, yêu cầu không được như thế

Không mấy quan tâm

Câu 16: Khi con không làm theo ý bố mẹ mà quyết định theo ý muốn của con ông(bà) sẽ nghĩ:

Để con làm theo ý của con nếu đó là quyết định đúng

Con cái cần có quyết định độc lập

Như thế là không được, con cái phải nghe theo lời bố mẹ

Con muốn làm gì thì tùy con

Câu 17: Khi biết con mắc lỗi ông(bà) thường:

Để con tự thú nhận

Nhắc nhở nhẹ nhàng, trẻ con mắc lỗi là bình thường

Tra hỏi và la mắng

Mặc kệ con

Câu 18: Khi con nói dối ông(bà) sẽ :

- Phê bình và giải thích cho con hiểu như thế là sai
- Nhắc nhở con là lần sau không được nói dối
- La mắng, thậm chí là phạt để lần sau con không dám
- Không quan tâm.

Câu 19: Khi con có những hành vi không tốt(nói tục, chửi bậy...) ông(bà) sẽ:

- Khuyên nhủ con, chỉ cho con những tác hại của hành động đó để con thay đổi
- Nhắc con không được có hành động như thế.
- Quát mắng và yêu cầu chấm dứt ngay
- Không có biểu hiện gì

Câu 20: Khi thấy con hay cãi lại và nói trống không với người lớn, ông (bà) sẽ:

- Nghiêm khắc phê bình con và thường xuyên nhắc nhở để con không tái phạm
- Nhắc nhở khi con vi phạm
- Quát mắng và bắt con chấm dứt ngay
- Không nói gì, lớn lên tự khắc con sẽ thay đổi

Xin ông (bà) cho biết đôi điều về bản thân

Tuổi:.....

Có con học lớp: Lớp 7: Lớp 8: Lớp 9:

Giới tính: Nam Nữ

Nghề nghiệp: Làm nông: Công nhân viên chức: Kinh doanh: Khác:

Xin chân thành cảm ơn ông(bà)!

PHỤ LỤC 2
PHIẾU TRẮC NGHIỆM

(Dành cho học sinh)

Các em học sinh thân mến!

Để có những cơ sở thiết thực cho đề tài nghiên cứu về “**Ảnh hưởng của phong cách giáo dục của cha mẹ đến nhận thức về giá trị đạo đức của học sinh tại một số trường THCS**”, người nghiên mong muốn nhận được sự cộng tác nhiệt tình của các em thông qua việc cung cấp những thông tin đầy đủ và chính xác cho những câu hỏi sau đây.

Xin chân thành cảm ơn các em!

Em hãy cho biết đôi điều về bản thân.

Em là học sinh trường:

- | | | | |
|---------------------|---------------------------------|---------------------------------|--|
| THCS Chu Văn An | <input type="checkbox"/> | THCS Nguyễn Trãi | <input type="checkbox"/> |
| THCS Lý Thường Kiệt | <input type="checkbox"/> | THCS Lê Quý Đôn | <input type="checkbox"/> |
| Học sinh khối: | Khối 7 <input type="checkbox"/> | Khối 8 <input type="checkbox"/> | Khối 9 <input type="checkbox"/> |
| Giới tính: | Nam <input type="checkbox"/> | Nữ <input type="checkbox"/> | |
| Học lực: | Giỏi <input type="checkbox"/> | Khá <input type="checkbox"/> | Trung Bình <input type="checkbox"/> Yếu <input type="checkbox"/> |

Phần I: Hãy đánh dấu (X) vào đáp án mà em cho là đúng nhất:

Câu 1: Người có trách nhiệm là người :

- Luôn cố gắng hoàn thành tốt công việc được giao.
- Làm những việc mà mình thích
- Tự tin trong mọi việc.

Câu 2: Một người trung thực là:

- Luôn cho là mình đúng
- Nói tất cả những điều mình biết.
- Tôn trọng sự thật, dũng cảm nhận lỗi khi mắc khuyết điểm.

Câu 3: Hiếu thảo với ông bà cha mẹ là:

- Là luôn làm theo lời ông bà cha mẹ
- Là biết ơn, quan tâm, chăm sóc đền đáp công ơn của ông bà cha mẹ.
- Là không nói dối ông bà, cha mẹ.

Câu 4: Yêu thương anh chị em trong gia đình là:

- Tôn trọng ý kiến của anh chị em trong gia đình
- Luôn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ anh, chị, em trong gia đình

- Không nói với bố mẹ về những lỗi mà anh, chị, em mắc phải

Câu 5: Theo em, khoan dung với bạn bè là:

- Không nói ra lỗi lầm của bạn.
- Hiểu và biết tha thứ cho những sai sót, lỗi lầm của bạn.
- Là luôn tán thành ý kiến của bạn.

Câu 6: Thế nào là quan tâm bạn bè?

- Không làm cho bạn buồn.
- Nhường nhịn bạn.
- Thăm hỏi, giúp đỡ tận tình khi bạn gặp khó khăn.

Câu 7: Theo em, biết ơn thầy cô giáo là gì?

- Là luôn chúc mừng thầy cô trong các ngày lễ.
- Là không cãi lời thầy cô
- Là trân trọng công lao dạy dỗ của thầy cô và ghi nhớ công ơn của thầy cô.

Câu 8: Thế nào là tôn trọng thầy cô giáo?

- Là làm tốt việc mà thầy cô giao cho.
- Là tôn trọng danh dự, nhân phẩm của thầy cô giáo.
- Là nghe theo thầy cô giáo.

Câu 9: Một học sinh ng nghiêm túc trong học tập là phải:

- Tự giác tuân thủ các quy định trong hoạt động học tập.
- Học tập một cách cẩn thận.
- Không chán nản khi gặp khó khăn trong học tập.

Câu 10: Em hiểu chăm chỉ học tập là:

- Là làm những việc mình có thể làm.
- Là cố gắng học tập để có kết quả tốt nhất.
- Là học làm những việc mình cho là cần thiết

Phần II: Hãy đánh dấu (X) vào đáp án mà em cho là phù hợp nhất với mình.

Câu 1: Vì sao trong cuộc sống em phải có ý thức trách nhiệm ?

- Vì nó tạo ra động lực để con người hoàn thành tốt mọi việc.
- Vì đó là điều mà cha mẹ và thầy cô đã dạy
- Vì các bạn có ý thức trách nhiệm nên em phải làm theo

Câu 2: Tại sao trong cuộc sống chúng ta cần phải trung thực?

- Vì trung thực sẽ làm cho mọi người tin tưởng và yêu mến chúng ta.
- Vì đó là điều cha mẹ đã dạy nên làm.
- Vì trung thực giúp chúng ta tự tin

Câu 3: Vì sao con cái phải hiếu thảo với cha mẹ?

- Vì cha mẹ có công ơn sinh thành và dưỡng dục
- Vì cha mẹ là người kiếm tiền nuôi sống gia đình
- Vì chúng ta sống phụ thuộc cha mẹ nên phải hiếu thảo với cha mẹ

Câu 4: Vì sao em phải biết yêu thương anh, chị, em, trong gia đình

- Vì đó là những người thân yêu ruột thịt nên bổn phận chúng ta phải yêu thương nhau
- Vì đó là điều mà bố mẹ em muốn
- Vì đó là những người sống chung với em

Câu 5: Vì sao trong tình bạn, chúng ta cần phải khoan dung, tha thứ cho nhau?

- Vì khoan dung giúp cho mối quan hệ bạn bè trở nên tốt đẹp hơn.
- Vì khoan dung với bạn thì bạn sẽ không tẩy chay mình
- Vì tha thứ cho bạn thì bạn sẽ tha thứ cho mình nếu mình có lỗi với bạn

Câu 6: Tại sao bạn bè thì phải quan tâm nhau?

- Vì bạn bè quan tâm lẫn nhau sẽ giúp cho tình cảm bạn bè thêm gắn bó.
- Vì mình quan tâm bạn thì bạn sẽ quan tâm lại mình
- Vì quan tâm bạn bè thì mình sẽ có nhiều bạn hơn, không sợ chơi một mình

Câu 7: Tại sao em phải biết ơn thầy cô?

- Vì thầy cô là người dạy dỗ và truyền đạt kiến thức cho em.
- Vì đó là việc mà học sinh phải làm
- Vì biết ơn thầy cô để thầy cô luôn nhớ đến mình

Câu 8: Vì sao cần phải tôn trọng thầy cô giáo cho dù họ không trực tiếp dạy mình?

- Vì thầy cô giáo là người lớn tuổi, có đầy đủ phẩm chất và năng lực giảng dạy
- Vì em là học sinh nên phải tôn trọng thầy cô
- Vì bố mẹ em luôn căn dặn là phải tôn trọng thầy cô giáo

Câu 9: Vì sao chăm chỉ trong học tập là việc làm quan trọng?

- Vì chăm chỉ sẽ giúp em đạt kết quả tốt trong học tập.
- Vì em chăm chỉ học tập sẽ khiến bố mẹ vui lòng
- Vì em chăm chỉ học tập sẽ không bị thầy cô giáo quở trách, bạn bè chê cười

Câu 10: Vì sao em cần nghiêm túc trong giờ học?

- Nghiêm túc trong học tập không bị thầy cô giáo phạt
- Nghiêm túc trong giờ học sẽ giúp em có được cảm tình của thầy cô.
- Nghiêm túc trong giờ học là bổn phận của một người học sinh.

Phần III: Em hãy đánh dấu (X) vào đáp án mà em cho là đúng nhất:

Câu 1: Khi được giao một công việc Nam luôn cố gắng để hoàn thành tốt công việc đó thì gọi là gì?

- Tự trọng Trách nhiệm Kiên trì

Câu 2: Bạn Nam luôn nói đúng sự thật kể cả những lỗi lầm của mình thì gọi là gì?

- Tự tin Khiêm tốn Trung thực

Câu 3: Ngoài giờ học Nam thường chăm sóc, lo lắng cho em gái thì gọi là gì?

- Yêu thương Lịch sự Hy sinh

Câu 4: Nếu bạn Nam là người luôn vâng lời bố mẹ, quan tâm, chăm sóc và cố gắng làm cho bố mẹ vui lòng thì gọi là gì?

- Kính trọng Hiếu thảo Hy sinh

Câu 5: Khi gặp thầy cô giáo Nam luôn cúi chào kể cả thầy cô không dạy lớp mình, thì gọi là gì?

- Biết ơn Quan tâm Tôn trọng

Câu 6: Nam và các bạn vẫn thường đến thăm thầy cô giáo cũ, thì gọi là gì?

- Tôn trọng Lễ phép Biết ơn

Câu 7: Nam thường nhắc nhở nhẹ nhàng và tha thứ khi bạn của Nam có lỗi với Nam, thì gọi là gì?

- Lịch sự Tôn trọng Khoan dung

Câu 8: Nam luôn thăm hỏi, giúp bạn chép bài khi bạn bị ốm, thì gọi là gì?

- Quan tâm Hy sinh Uy tín

Câu 9: Nam không bao giờ nghỉ học mà không có phép thì gọi là gì?

- Say mê Trung thực Nghiêm túc

Câu 10: Nam luôn làm bài tập đầy đủ và học thuộc bài khi đến lớp, thì gọi là gì?

- Độc lập Kiên nhẫn Chăm chỉ

Phần IV: Em hãy cho biết cách ứng xử của mình trong các hoàn cảnh sau bằng cách đánh dấu chọn (X) vào một đáp án phù hợp nhất với em.

Câu 1: Trong khi làm bài tập nhóm, em được phân công làm phần mà em thấy khó, em sẽ :

- Đùn đẩy cho bạn khác
 Nhận nhưng không làm vì cô đâu phạt một mình em
 Cố gắng hết sức làm xong phần được phân công

Câu 2: Em ở nhà và đã làm vỡ chiếc bình của mẹ, em sẽ:

- Đổ lỗi cho con mèo
- Thú nhận và xin lỗi mẹ
- Im lặng coi như mình không biết

Câu 3: Bà đang ốm, bố mẹ đi làm, chỉ có em ở nhà nhưng hôm nay các bạn rủ em đi xem văn nghệ, em sẽ:

- Đi xem một lúc rồi về
- Ở nhà chăm sóc bà
- Đi xem như đã hẹn

Câu 4: Em của em đang có bài tập khó nhờ em giúp trong khi em đang bận, em sẽ:

- Nói là em đang bận và từ chối giúp đỡ em
- Dừng việc của mình để hướng dẫn cho em
- Nói em nhờ một người khác trong gia đình

Câu 5: Một bạn trong lớp vô tình làm rách áo mưa của em, bạn đã xin lỗi em, em sẽ làm gì bạn?

- Bắt đền bạn
- Mắng bạn và dọa mách cô giáo
- Nhắc nhở bạn lần sau cẩn thận hơn

Câu 6: Một người bạn ngồi cùng bàn với em hôm nay không đến lớp em sẽ:

- Đến hỏi thăm bạn sau giờ học xem bạn có bị ốm không
- Mặc kệ bạn
- Chờ bạn ấy đi học rồi hỏi lý do vì sao nghỉ học

Câu 7: Ngày 8-3, các bạn rủ em đi thăm cô giáo dạy em hồi tiểu học, em sẽ:

- Không đi vì cô giáo có dạy mình nữa đâu
- Đi vì sợ các bạn nghỉ chơi với mình
- Đi cùng các bạn đến hỏi thăm sức khỏe của cô

Câu 8: Khi gặp thầy cô ngoài đường em sẽ:

- Luôn cúi chào
- Lảng đi chỗ khác xem như không thấy
- Nhìn xem thầy cô đi đâu, làm gì

Câu 9: Thứ 2 nhà em có tiệc nhưng em phải đi học, em sẽ:

- Nghỉ học, ở nhà dự tiệc
- Đi học rồi về dự tiệc sau
- Nói dối bị ốm để xin nghỉ học

Câu 10: Cô giáo cho nhiều bài tập, mà tối nay ti vi chiếu phim em rất thích xem, em sẽ:

- Xem phim, bài tập làm sau cũng được
- Làm xong bài tập mới xem phim
- Vừa làm vừa mở ti vi xem

PHỤ LỤC 3
PHIẾU PHỎNG VẤN

(Dành cho phụ huynh)

1. Theo quan điểm của ông (bà) thì cha mẹ làm thế nào giáo dục đạo đức cho con có hiệu quả?
2. Suy nghĩ của ông (bà) về sự tác động ảnh hưởng của cha mẹ đến con cái?
3. Ông (bà) có nghĩ rằng phong cách giáo dục có ảnh hưởng đến sự hình thành nhận thức về giá trị đạo đức của con?
4. Ông (bà) có thể chia sẻ những thuận lợi và khó khăn của cha mẹ trong việc giáo dục đạo đức cho con ở lứa học sinh THCS?
5. Nhận xét của ông (bà) về con cái của mình?
6. Ông (bà) có thể cho biết cha mẹ cần làm gì để nâng cao nhận thức về các giá trị đạo đức cho con?

PHIẾU PHỎNG VẤN

(Dành cho học sinh)

1. Theo em những giá trị đạo đức nào là cần thiết với một học sinh THCS
2. Em biết và hiểu rõ được những giá trị đạo đức nào?
3. Em có cảm nhận như thế nào về cách thức giáo dục con cái của ba mẹ mình?
4. Trong gia đình em, em thường tâm sự, chia sẻ với ai nhiều hơn, ba hay là mẹ?
5. Em thấy có sự ảnh hưởng của phong cách giáo dục của cha mẹ đến các em không? Ảnh hưởng đến những mặt nào?
6. Nguyện vọng của các em đối với việc giáo dục của cha mẹ?

PHIẾU PHONG VẤN

(Dành cho giáo viên chủ nhiệm)

1. Xin thầy (cô) cho biết đôi điều về lớp thầy cô chủ nhiệm. (học sinh cá biệt, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt như cha mẹ ly dị, mồ côi, những học sinh ngoan, học giỏi...).
2. Cảm nhận của thầy (cô) về sự quan tâm của các cha mẹ đến việc giáo dục đạo đức cho con cái họ.
3. Nhận xét của thầy (cô) về phong cách giáo dục của một số phụ huynh.
4. Nhận xét của thầy (cô) về nhận thức của học sinh về các giá trị đạo đức.

PHỤ LỤC 4
MỘT SỐ BẢNG KẾT QUẢ THỐNG KÊ

Bảng 1: So sánh điểm trung bình nhận thức của học sinh giữa các trường

Mức độ nhận thức	Điểm TB nhận thức của học sinh trường				F	P
	CVA	LQD	LTK	N.TR		
Mức độ biết	3,32	3,34	3,51	3,35	F =1,670	P =0,172
Mức độ hiểu	0,303	0,311	0,316	0,327	F =5,923	P =0,001
Mức độ vận dụng	3,23	3,41	3,09	3,14	F =1,452	P =0,125

Bảng 2: So sánh điểm trung bình nhận thức của học sinh giữa các khối lớp

Mức độ nhận thức	Điểm TB nhận thức của học sinh			F	P
	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9		
Mức độ biết	3.19	3,11	3,05	F =2,243	P =0,225
Mức hiểu độ	3.40	3.25	3.17	F =4,529	P =0,590
Mức độ vận dụng	3,31	3,33	3,23	F =0,519	P =0,021

Bảng 3: So sánh điểm trung bình nhận thức của học sinh về học lực

Mức độ nhận thức	Điểm TB nhận thức của học sinh theo học lực				F	P
	Giỏi	Khá	TB	Yếu		
Mức độ biết	3,32	3,34	3,51	3,35	F =1,670	P =0,172
Mức độ hiểu	0,303	0,311	0,316	0,327	F =5,923	P =0,001
Mức độ vận dụng	3,23	3,41	3,09	3,14	F =1,452	P =0,125

Bảng 4: So sánh điểm trung bình nhận thức của học sinh về giới tính

Mức độ nhận thức	Điểm TB nhận thức		T	P
	Nam	Nữ		
Mức độ biết	3,34	3,31	0,241	0,632
Mức độ hiểu	3,14	2,98	1,536	0,232